

Patrick Deville

VIÊN VỌNG

tiểu thuyết



TRƯỜNG SA



Patrick Deville

VIỄN VỌNG

ĐOÀN CẨM THI
dịch và viết Lời bạt

Phát hành: NHÃ NAM
NHÀ XUẤT BẢN TRẺ 2013

ebook©vctvegroup
14/06/2019

Thời nay cũng như thời của Plin và Columelle*, cây huệ dạ hương hợp với xứ Gaules*, cây dứa cạn hợp với xứ Illyrie*, hoa cúc trắng hợp với những phế tích của xứ Numance*, và trong khi ở xung quanh, các thành phố đổi tên đổi chủ, nhiều đô hội biến mất, các nền văn minh xung đột và tàn phá lẫn nhau, thì lớp lớp đám thực vật bình yên đó vẫn băng qua năm tháng, nối đuôi nhau đến với chúng ta, tươi mát như ngày ra trận.

*Michelet**

1

1

Đây là một cuốn sách khoa học, vì quả thực Skoltz và Körberg, tôi đều đã biết họ.

Lúc đó là năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy, ở gần một thành phố mà tôi sẽ giấu tên, đầu buổi sáng, khoảng tám giờ mười lăm. Körberg đang đi bộ bên bờ đường, tay giữ ghi đông xe đạp.

(Rinh, rinh, tiếng kèn kẹt đều đều của chiếc xe đạp.)

Một ống nhòm đen và một máy ảnh treo lưng lẳng dưới cổ. Ông mang độc trên người một chiếc quần cộc bằng vải thô, màu ka ki, vì đây là xứ nóng.

Xung quanh ông, phong cảnh yên tĩnh và *tiền-Socrate*: những đám cỏ khô héo, rặng cây ô liu, mảng trời xanh mênh mông với một chuỗi những đám mây nhỏ đặc quánh, tiếng cào cào châu chấu, rích, rích, rích.

Körberg ra đi từ sáng tinh mơ - vào lúc lũ chim thức giấc -, vì vậy khi Alexandre Skoltz xuất hiện trong ống ngắm của ông thì ông đã đang trên đường quay về. Körberg vừa chụp ảnh một cặp chim vàng anh (tên La tinh là *Icterus galbula*), sau khi dựa xe đạp vào cột điện, nâng sợi dây thép gai lên, đi xuống đồng cỏ đến tận dòng sông nhỏ, uống nước xong, ông đứng quan sát xung quanh.

Alexandre Skoltz lái một chiếc xe máy Norton kiểu cũ, phân khối lớn. Jyl, váy hoa loa kèn, vắt vẻo ở yên sau. Chiếc xe máy leo lên đoạn đường quanh co về phía đồi, cạnh bên của lớp xe đã chuyển sang màu

trắng. Ở dưới, Körberg đang đứng trên một thảm rêu, mắt dán vào ống nhòm, và hơi ẩm dần dần thấm vào đôi giày vải đế cói của ông. Đường nhiên lúc đó ông không biết Alexandre Skoltz là ai. Nhất là không biết gì về tương lai của anh. Ông cũng chẳng biết cô gái đó là Jyl. Không, Körberg không hề biết điều đó.

Phần khích tột độ vì kiểu lái vừa uyển chuyển vừa thể thao, Alexandre Skoltz dường như không chú ý nhìn ngó gì lắm đến phong cảnh khô cằn toàn đá ở xung quanh, điều này thật khác với ông. (Những người trẻ tuổi, ngay cả những nghệ sĩ tương lai, lúc nào cũng đang trí). Mắt anh gần như không nhìn theo dải nhựa đường màu xanh lơ, tạo thành một con lộ ngoằn ngoèo rợp bóng ô liu mà chiếc mô tô đỏ đang hút vào. Jyl lật xem một cuốn họa báo thời trang. Tóc đen bay trong gió.

Nhờ hiệu năng quang học đặc trưng của ống nhòm, Körberg nhìn thấy mặt trời đậu, cùng lúc, xuống cái chuông xe đạp của ông và trên đầu gối của Jyl (một tia sáng trắng rọi rõ đường mép váy, làm cháy rực trang giấy láng bóng). Ông xoay bộ phận điều chỉnh đến vô hạn và toàn bộ chiếc xe máy hiện lên: chênh vênh trên một đoạn dốc đứng, nó đối lại với thung lũng đá sâu thẳm, đổ theo hướng Nam (dưới chân thung lũng, một con lạc đà đơn lẻ đang gặm cỏ). Một chiếc máy bay lướt ngang để lại một vệt dài như phấn, theo hướng Đông-Bắc Tây-Nam. Körberg là người quan sát giỏi. Đó là nghề của ông. Ông là nhà khoa học.

Đến ngã rẽ, chiếc mô tô vòng tay phải trong tiếng sỏi kêu lạo rạo. Körberg trở lại khách sạn. Chân ông đầm nước. Đó là lần đầu tiên ông gặp Alexandre Skoltz.

Ông cũng chẳng lấy làm hãnh diện về điều đó. (Chúng ta ai chẳng đã từng gặp những người nổi tiếng, hoặc sẽ nổi tiếng.) Và lại, vào thời điểm đó, giáo sư Körberg danh tiếng hơn Alexandre Skoltz nhiều. Trong khi anh còn hoàn toàn vô danh tiểu tốt, từ hai mươi năm nay giáo sư Körberg đã lần lượt xuất bản từng tập một bộ sách *Đại Atlas Điều học*. Nhưng giáo sư Körberg không mắc bệnh thần thánh cá nhân. Ông tháo dây buộc ở chỗ đeo hàng trên xe đạp ra, giữ sơ mi và quần dài, rồi mặc vào người. Trên khu trung tâm, lớp cao su xe đạp hút vào hè đường nóng rực, kêu sùn sục. Ông mua một trái dưa hấu nhỏ ở một quầy hàng bán hoa quả.

Chiếc xe máy đã vượt quá xóm nhỏ đầu tiên, gồm một cụm nhà thấp quét vôi có mái ngói màu tím, xung quanh có vườn nho, và đàn gà trắng vùng chạy, kêu cục ta cục tác. Chậm thôi, anh ơi, Jyl đề nghị.

Skoltz chạy xe chậm lại. Anh rút gói thuốc Mỹ, lấy ra một điếu rồi châm lửa. Anh đeo kính đen. Sau khi kiểm tra xem gói còn thuốc không, anh vo lại và vứt ra sau. Cái gói sẽ nằm lại bên vệ đường một thời gian, rồi sẽ bị mưa làm cho phai màu, cả tranh vẽ con lạc đà trên đó nữa (trên đuôi con lạc đà có in hình Manneken Pis^{*}). Dần dần, nó sẽ nhập vào lòng đất. Chiếc mô tô lại đi qua một vùng đất cằn cỗi nâu vàng, có những cây xương rồng hoa đỏ, và chỉ dừng lại ở ngoại vi thành phố, trên một quảng trường bụi mù. Skoltz chụp lên đầu chiếc mũ phớt màu ghi.

Jyl dứt tờ họa báo vào túi đeo vai, thoăn thoắt băng qua quảng trường, giữa đàn lừa và rác rưởi, rồi đẩy tấm cửa gỗ màu xanh lơ của ngôi nhà thờ cũ kỹ. Ngay từ ngưỡng cửa mờ tối, nàng đã cảm thấy hơi mát chạm vào đôi cánh tay trần. Những chiếc kính ghép màu chiếu xuống nền nhà thờ các hình thù màu sắc rực rỡ, vàng và đỏ, đung đưa dọc theo váy mỗi khi nàng bước từ hàng cột này sang hàng cột kia.

Nàng ngồi xuống một chiếc ghế, hai đùi cọ phải đám sợi trong đệm ghế chòi ra ngoài lớp vải bọc.

Mặt trời làm cho chất dẻo của gói thuốc lá duỗi ra. Một con gà mái tiến lại gần, thò cổ, mổ cái gói, rồi ngượng ngùng bỏ đi.

Trong một quán cà phê Ả Rập, phía bên kia quảng trường, Alexandre Skoltz ngồi đợi Jyl. Chủ quán, một người đàn ông có đôi bàn tay dài lông lá, đưa cho anh một cốc vang Tây Ban Nha đặt trên một tấm bìa thẫm, cùng với năm sáu chiếc bánh mặn khai vị, trong một đĩa nhỏ. (Dọn bánh này cùng với rượu Tây Ban Nha, là đặc sản nhà hàng). Một luồng gió khẽ lay động cái màn cửa đầy nắng. Một con mèo trườn mình qua chiếc ghế đầu gần quầy bar rồi lao lên những vệt sáng rực rỡ đó. Alexandre Skoltz, im lặng, chơi trò *mikado* với những cái bánh mặn. Con mèo cọ mình vào ống quần anh, kêu gừ gừ.

Alexandre Skoltz cảm thấy cáu.

Tuy nhiên, tuần đầu tiên khi anh đến đây với chúng tôi đã diễn ra thật dễ chịu. Tôi đã gặp anh, một hai lần gì đó. Anh là khách mời của Anton-Mokhtar, bạn của cha mẹ anh và kẻ thù không đội trời chung của Körberg.

Trú tại biệt thự Stella, một ngôi nhà nhỏ bên cạnh vách núi đá, Alexandre Skoltz được đón tiếp tử tế. Hằng ngày, sau khi ăn sáng với Anton-Mokhtar dưới hiên nhà, anh đi dạo trong vườn, áo vest vắt trên vai, phân định các loài cây, thò một ngón tay qua tấm lưới sơn xanh của chuồng chim, để cho mấy con vẹt mổ vào tay. Đằng sau chúng, đám chim bé hơn, hoảng sợ, bay tán loạn trong chuồng và kêu ré lên. Những chiếc lông rụng quay cuồng như chong chóng rồi lao xuống mặt đất. (Có những lúc, buổi sáng, Alexandre Skoltz, vì còn trẻ mà, chỉ nhìn thấy từ thế giới bên ngoài một sự nhộn nhịp vô cùng hỗn độn,

hậu quả của nỗi sợ hãi - nhưng cảm giác đó, nói chung, thường tiêu tan trước bữa cơm trưa).

Buổi chiều, Skoltz ở lại một mình trong phòng, tiếp tục nghiên cứu một đề cương rồi ghi chép vào cuốn sổ tay luôn giữ ở túi trong của áo vest. Đề cương bắt đầu thành hình. Có lẽ anh sẽ kết thúc trước khi hết hè. (Anh đang ở vào giai đoạn mà câu cú rời rạc ghi lẫn vào những nét vẽ hình học được xem là biểu thị cho cấu trúc lý tưởng).

Rồi một hôm, một chiếc xe ca đến, Jyl bước xuống, vai đeo ba lô cười tươi. Anton-Mokhtar trước đó đã giải thích cho anh là Jyl, mùa đông ở nội trú, nhưng trong các kỳ nghỉ thì không thể ở lại biệt thự Stella được, vì cuộc sống ở đó của ông ta rất trụy lạc. Jyl phải nghỉ ngơi ở chỗ thoáng đãng, trên vùng đồi núi. Anh nghĩ gì về chuyện này? Alexandre Skoltz đồng ý. Tức thì Anton-Mokhtar cử anh là người đỡ đầu và gia sư của nàng. Hôm sau, trước hiên căn nhà nghỉ nhỏ ở giữa hàng chục héc ta rừng thông vừa thuê cho hai người, ông ta nói thêm : Cháu có từng ấy bằng cấp cơ mà, bác tin cháu hoàn toàn. Đây là chìa khóa xe Norton. Ông ta bắt tay anh. Cẩn thận nhé.

Alexandre Skoltz đã nghĩ đến việc thông báo cho cha mẹ chuyện này. Nhưng viễn cảnh sẽ phải sống suốt mùa hè cùng gia đình (cũng như những lợi ích mà anh hy vọng có được cho tác phẩm tương lai của mình, rút ra từ chuyến đi nghỉ hải ngoại) cuối cùng làm anh từ chối chuyện đó. Anh rút một đồng tiền hình bát giác, đặt lên mặt chiếc bàn sắt, ở thế cân bằng tựa trên một góc. Búng nhẹ một cái, anh quay tròn đồng tiền, rồi bỏ đi.

Ông chủ quán, vốn không thích việc khách hàng dùng những cái bánh mặn, vốn là đặc sản nhà hàng, để chơi *mikado*, nhún vai mang cái đĩa đi. Alexandre Skoltz băng ngang quảng trường. Anh mặc chiếc

sơ mi vàng nhạt, bộ com lê mềm màu xám rất hợp. Trong không khí oi bức, rác rưởi xông lên mùi trái cây chín rữa và mùi bạc hà thái nhỏ.

Trước cái xe mô tô, hai người đàn ông đang vỗ một tấm thảm làm đám bụi trắng bay lên. Chiếc chìa khóa xe lấp lánh dưới ánh sáng mặt trời. Jyl lật xem họa báo. Skoltz nhẹ nhàng tăng tốc, chuyển sang điểm chết. Anh cất chiếc mũ vào túi. *Như thế này này, anh nhìn đi*, nàng nói, tiếp tục câu chuyện bị ngắt giữa chừng, và chỉ cho anh xem bức ảnh một bộ đồ bằng vải xốp, có hoa văn hình thoi màu hồng và xanh lá cây.

Anton-Mokhtar (Jyl gọi ông ta là Anton) đã gửi chỉ thị cho họ qua bưu điện hôm qua, trong đó nói rõ là sẽ dành một khoản tiền quan trọng cho việc ăn mặc, và Skoltz hứa với Jyl là ngay hôm sau sẽ đưa nàng ra tiệm đồ. Hôm nay là Chủ nhật, và lúc này là giờ ăn trưa.

- Cừu, Jyl nói.

Trong phòng khách sạn, Körberg lại gần trái dừa hấu. Nó nổi lênh bênh trên mặt nước mát lạnh của bồn rửa mặt. Ông cầm một cái dao díp sáu lưỡi, mắt sáng bừng lên.

Chiếc xe mô tô tiến vào khu cảng, đến chỗ đài nước, rồi đậu ở hai phố sau đó, trước tiệm trà Malik. Hai cảnh sát kiểm tra giấy tờ Alexandre Skoltz trong khi Jyl rút từ cặp đeo vai ra một cái túi vải. Nàng chọn Al-Mina là một quán ăn nhỏ ngoài trời, Skoltz gọi món nướng và tôm, một nước ga cho Jyl và nửa chai rượu vang hồng.

Jyl muốn ăn ớt xay. Skoltz cấm ngay: trong các chỉ thị của Anton-Mokhtar có ghi rõ là cấm ăn các món nhiều gia vị, nàng rất thích, nhưng không được phép vì bộ phận tiêu hóa quá nhạy cảm.

Ngay buổi sáng đầu tiên khi họ về ở căn nhà mới, Skoltz đã dán những chỉ thị của Anton-Mokhtar lên cửa phòng tắm. Và từ một tuần nay, cả hai đều áp dụng tỉ mỉ, mỗi khi làm gì đều ra tận phòng tắm để kiểm tra xem cấm đoán này hay yêu cầu kia có hợp lý không. Skoltz,

vốn chu đáo, còn cất vào túi áo vest, bên cạnh cuốn sổ tay, một bản sao những chỉ thị của Anton-Mokhtar, để tránh bị bắt ngờ những lúc đang ở ngoài đường.

Trước mặt anh, một con côn trùng nhỏ xíu màu đỏ, loại thường gặp ở đây, vào mùa hè, trên nền xi măng, đang thực hiện cuộc phiêu lưu bằng qua mặt bàn, giữa hai chiếc đĩa. Đặt cốc xuống, Jyl vô tình chấm dứt cuộc thám hiểm.

Ông chủ quán tiến lại gần cái máy nghe nhạc bỏ xu. Ông ta lấy chân đạp cho nó hai cú rõ mạnh, ấn mấy cái nút, vỗ vỗ, và rồi giọng hát du dương của Oum Kalsoum* luôn lách giữa các bàn ăn, uốn cong rặng nguyệt quế, át tiếng lanh canh của bát đĩa. Hai người ăn những chiếc bánh màu xanh lá cây và màu trắng, rồi Alexandre Skoltz dùng khăn ăn để nhắc cái quai nóng bỏng của bình trà:

- Em có muốn đi ra biển không?

Anh rót trà vào chén. Jyl trả lời là đương nhiên, nàng muốn ra biển, chứ không đi nhà hát. Skoltz trả tiền ông chủ quán rồi mua thêm một gói thuốc lá.

Họ xuống bằng tàu cáp kéo đến tận vịnh Ste Catherine. Skoltz trải khăn tắm lên cát, ngồi xuống, và tiếp tục đọc một khái luận về cờ vây. Về mặt kỹ thuật, cờ vây là một trò chơi phức tạp và sâu sắc, càng phức tạp và sâu sắc hơn vì luật chơi của nó rất giản dị: khi quân cờ trở thành tù binh (xem điều luật thứ 6) nó bị rút ngay ra khỏi bàn cờ.

Từ buồng thay quần áo bằng gỗ sơn, Jyl đi ra, mặc áo tắm màu xanh lá cây nhạt và một chiếc quần soóc trắng, ve có móc cài khuy bấm. Nàng vớt vảy xuống cát rồi thông báo là có ý định đi dạo một vòng. Mắt vẫn dán vào cuốn sách, Skoltz đề nghị nàng không được đi quá xa, em ngoan nhé.

Phạm vi tự do của em, nàng nhận xét, không có trong các chỉ thị của Anton, nhưng anh có thể gọi cho Anton - có một buồng điện thoại ở kia kìa, dưới hàng cây cọ trên đại lộ - để hỏi xem em có được phép đến tận câu lạc bộ bãi biển không, ở đằng kia, bên tay phải ấy. Nếu không, thì anh cũng phải dịch cái khăn tắm và cuốn sách của anh sang vài mét chứ. Nàng lấy chân đá cát vào anh rồi nhún vai bỏ đi. (Alexandre Skoltz hồi đó là một chàng trai thường hay bị người ta nhún vai).

Còn lúc này nhóm đen đó chỉ có một con mắt. Bị quân trắng bao vây, chúng buộc phải chết nếu Đen không tạo thêm một mắt thứ hai. Anh đặt cuốn sách xuống, châm một điếu thuốc và thổi vào que diêm, rồi lấy móng ngón tay cái ngắt đầu diêm cháy đen vứt đi, trước khi bỏ phần còn lại vào trong hộp diêm. (Alexandre Skoltz đang nghiền ngẫm ý định thiết kế một cái gì đó thật to bằng diêm rồi đem đốt). Anh nhả khói thật mạnh.

Một làn mây bay ngang làm tối sầm bờ cát. Anh đặt kính xuống. Biển vẫn nắng tương bừng với thứ ánh sáng rất khả nghi, quá nét, như là một bức phim dương bản đặt ở đáy cái kính soi hai tròng. Trước mặt anh, mấy trang rời của một tờ báo trườn trên cát. Đây là lần đầu tiên trong đời Skoltz cần mẫn ra ngồi bờ biển, dù vẫn áo mũ chỉnh tề.

Cuộc sống của anh không thiếu chất phiêu lưu: sau vài năm ở chủng viện, là chuyên gia tinh túy về thuyết chống tam vị nhất thể, một hôm anh đẩy cửa bước vào một hãng ghi cá ngựa, cược một số tiền kha khá vào chú ngựa Satanic Boy, ở vòng đua thứ hai. Ông Chúa gọi trong anh cũng tiêu tan đi. Trong vòng hai năm, số tiền thắng cược ít ỏi nhưng đều đặn cho phép anh dành toàn bộ tâm trí vào việc nghiên cứu. Rồi cũng bất thành linh như thế, anh bỏ tất cả, để từ đó sống bằng nghề dự đoán trên mấy tờ báo.

Đám mây bay đi, anh định cởi áo vest, hoặc bỏ mũ ra, nhưng lại thôi, rồi tiếp tục cầm kính và sách. Lúc còn ở biệt thự Stella, sau khi đã ghi chép gì đó vào cuốn sổ luôn cất ở túi trong của áo vest, chiều nào anh cũng nghiên cứu cờ vây, và chỉ ngừng lúc trời tối, khi đám bạn của Anton-Mokhtar đến chơi, trong đó thường xuyên có tôi tham gia.

Anh ngồi bên chúng tôi trong một cái ghế bành bằng liễu, đặt giữa thảm cỏ, và dõi theo những gợn sóng đen lấp lánh bạc của bờ biển bên dưới, những ánh đèn trên các con tàu tuần tra ngoài khơi. Anton-Mokhtar bày đồ uống và ô liu ra, tổ chức các trò chơi tập thể. Mỗi khi có câu đố, Alexandre Skoltz khé mắt lại. Anh tập trung tinh thần bằng cách lắng nghe tiếng reo của khí ga trong các ngọn đèn lớn, và tiếng những con bướm đập vào bóng đèn, rồi bất thần anh thư giãn, chống hai bàn tay vào tựa ghế, và đưa ra lời giải đáp.

Trong tất cả các cuộc thi đố như vậy, Alexandre Skoltz luôn cố gắng để về nhất, nếu không thì cũng về nhì, và, trong trường hợp đó, suốt phần còn lại của buổi tối, anh không hề mở mồm nói câu nào nữa với kẻ thắng cuộc.

Mang tiếng là cay cú, anh lại giành được thiện cảm của Anton-Mokhtar, và thường xuyên, khi chúng tôi đi rồi, cả hai leo lên xe máy. Skoltz lái chậm chậm, không định hướng. Anton-Mokhtar nói với anh về hai ba điều mà, theo ông ta, cuộc sống đã dạy cho ông ta, ngoài việc chơi đàn dương cầm. Cả hai đua nhau dẫn lời hay ý đẹp, đủ loại tục ngữ thành ngữ, và cũng trong một lần như thế, vào buổi sáng - khi mặt trời đang mọc trên núi, sau màn thông xanh lam - Anton-Mokhtar thông báo cho anh là Jyl sẽ đến. Cô bé giờ đây đang chạy qua bãi biển để quay lại tìm anh. Anh thôi không đọc. Gió thổi bụi cát vào giữa những trang sách.

- Trò thi cầu trượt hay cực, nàng nói.

Nàng lấy khăn tắm lau người, và vài giọt nước bắn ra làm dịu mát Alexandre Skoltz đang ngột ngạt com lê, mũ mao. Nửa tiếng nữa sẽ có một cuộc đua trên cầu trượt lớn: nàng muốn xin tiền để ghi tên dự thi.

Skolcz không bao giờ hờ hững trước bất cứ hình thức thi đua nào, liền hỏi nàng về chi tiết luật chơi. Jyl cong người về phía chiếc túi, hai cánh tay vươn ra, và các đốt xương sống nhô lên dưới làn da lưng màu nâu. Nàng vừa bắt chước những điệu bộ thăng bằng nhưng không chênh, vừa kẹp tóc bằng một cái kẹp nhựa, hình tròn ốc, màu đỏ tươi như những chiếc ghế của tiệm giải khát mà họ đang ngồi (dưới một tấm dù to có khứa màu xanh lơ, vàng và xanh lá cây). Họ vừa uống xô đa vừa nhìn các đối thủ vòng đầu chơi. Jyl cổ vũ những kẻ mạnh nhất, những tên hạ diệt đối phương. Trong lúc đó, Skoltz thay quần áo trong nhà vệ sinh.

Jyl đã thắng các môn thi của hạng mình và được tặng một quả bóng. Skoltz vào được bán kết vòng hai, rồi bị loại bởi một anh chàng khổng lồ tóc vàng mặc quần bơi in hình da báo. Cẳng tay anh va mạnh phải bờ sành của bể bơi. Chúng ta về thôi, anh đề nghị.

Họ quay về chỗ đỗ xe máy, đi tắt bằng lối cầu thang. Jyl nảy bóng trên các bậc thang. Skoltz bảo nàng đừng nảy bóng như thế nữa. Ra đến sảnh, họ vào một cửa hàng tự động Ramnikal, và chất thức ăn đủ loại vào một cái túi giấy. Bàn tay đau của Alexandre Skoltz đặt hai đồng tiền hình bát giác lên một cái đĩa bệt hình con chuột nhím bằng cao su màu xanh lá cây, quà tặng của một hãng rượu khai vị. Một bàn tay khác trả lại ba đồng bạc nhỏ hơn, nhưng vàng óng ánh. Skoltz ôm gói đồ ăn lên ngực.

Chiếc mô tô băng qua quảng trường Vũ Khí rồi đi theo đường đôi, nơi tôi nhìn thấy nó đi qua. Tôi đang ở trong vườn. Nắng nhiều, tôi che mặt và vai bằng một cái mũ rơm rộng vành, ngồi uống rượu *vécmút* pha thêm nước lạnh. Trước đó tôi đã bày bảng màu, hộp màu

và bút lông lên chiếc bàn tre. Đằng sau họ (nhưng họ không thể nhìn thấy) một cột lửa màu vàng cam và đen đang bốc lên từ rừng cây. Tôi dự định vừa hút tẩu vừa tiến hành thử màu đến tận tối đêm.

Skoltz đặt túi đồ xuống chiếc bàn trong bếp và dỡ các thứ ra: mấy hộp cá thu cắt nhỏ nấu dẫu, một gói mì Ý, hai trái bơ, khoai tây mỏng chiên giòn. Một vết máu bầm xanh trên cẳng tay anh. Anh cầm gói mì và một cái kéo, rồi ra sân và ngồi xuống một chiếc ghế dài.

Gió nổi lên. Trước mặt anh, hai cây chuối đung đưa những tàu lá rách, màu xanh và vàng. Những chiếc lá cọ cửa vào mái nhà phủ hắc ín. Jyl đã cất quả bóng mới vào kho chứa đồ. Nàng đưa chân sút một viên sỏi màu đỏ nhạt kêu xào xạo trên nền xi măng. Skoltz cắt thể lệ một cuộc thi in trên gói mì.

- Hãy để cho viên sỏi ấy yên, anh nói.

2

Một viên sỏi kiểu như vậy (nhưng Alexandre Skoltz, trong chiếc ghế dài, không hề biết nó) trong ba mùa hè liên tiếp đã từng là nạn nhân những trò đùa của một đứa bé thích đá bóng khác. Chuyện đó xảy ra ở nước Áo, giữa hai cuộc chiến tranh (chúng ta hãy dịch chuyển nhé), trong đồn điền dòng họ Körberg. Viên sỏi, màu nâu đỏ, giống như viên sỏi của Jyl: một hình cầu không đều với hai cực dẹt, trọng lượng rất nhẹ, và cái vẻ nhỏ nhoi của nó cùng với màu sắc bắt mắt - trên thảm lá thông vàng ươm - sẽ là duyên do để nó có những quan hệ mật thiết với loài người.

Körberg đang đạp xe.

Suốt đời, Körberg cứ tiếc mãi việc viên sỏi biến mất. Nhưng lòng ưu ái của Körberg, suốt đời, liệu có thể nào làm thay đổi số phận của một viên sỏi?

Có nguồn gốc từ một địa tầng của thế Tiệm Tân hình thành từ ba mươi triệu năm trước, viên sỏi đã trải qua thế Trung Tân và thế Thượng Tân một cách hoàn toàn thờ ơ, không thềm biết đến sự xuất hiện của dãy núi Alpes cũng như sự hình thành của các loài cây có hoa. Những thời kỳ băng giá lặp đi lặp lại của kỷ thứ tư (thời *gunz*, thời *mindel*, nhất là thời *riss*, rồi thời *wurm*), trong quá trình làm vỡ quyển đá, đã đẩy nó lên bề mặt trái đất khoảng gần một ngàn năm trước khi ngài Nam tước đầu tiên của dòng họ Körberg (kẻ chiến thắng quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Zenta - 1697) sở hữu đồn điền. Vào thời kỳ này, nó ngẫu nhiên đã lộ ra trên mặt đất rồi.

Hai trăm hai mươi hai năm sau, Körberg ngủ dậy từ sớm. Lúc đó đã chín tuổi, chú bé tự mặc quần áo, một chiếc quần cụt kiểu vùng Tyrol và một chiếc áo sơ mi vải lanh đã được đặt sẵn trên con ngựa gỗ bập bênh trong phòng. Chú xuống cầu thang, giày cầm tay, để tránh đánh thức ông bà và cô giữ trẻ (Lady Hariett, một cô gái gốc đảo Jersey), rồi chạy thẳng ra vườn.

Chú ngồi bệt trên viên sỏi để đút chân vào giày, rồi gỡ nó ra hẳn khỏi nền đất, và nghịch chân đá nó trong lúc đợi ăn sáng. Trò chơi đó chưa có thể coi là đá bóng, dù chú bé Körberg đã biết đến loại thể thao này rồi - tên của nó xuất hiện năm 1698, một năm sau trận Zenta, nhưng luật chơi chỉ được ấn định năm 1863. (Đây là cho những kẻ yêu các con số - trong đó có tôi.)

Körberg đang đạp xe. Rinh, rinh, tiếng kèn kẹt đều đều của yên chở hàng hoặc cái chắn bùn bị hỏng.

Cha chú bé thường nuôi dưỡng chú bằng niềm đam mê chung của cả hai cha con, đó là điều học và thể thao Anh. Ông còn hướng chú vào kỹ thuật độn xác động vật, và chú bé Körberg đã có hai xác chim độn - một con gà gô và một con chim trầu - cùng một bộ sưu tập trứng, đặt trên một cái giá bằng gỗ thông. Chú bé ăn sáng cùng Lady Hariett và bà nội Eugénie, lúc đó đang bày lên mặt bàn phủ vải dầu một bình hoa thập tự màu vàng và đỏ. Viên sỏi nằm ở giữa lối đi, cách chừng ba mét so với nơi nó ẩn náu trong vòng năm mươi năm. Đó là lần thứ hai nó được bàn tay con người chạm đến: năm mươi năm trước một người thợ đào giếng đã lôi nó ra khỏi cái rãnh vừa đào và vứt nó ra kia, dưới chân một cây thông. (Nước rò rỉ từ một đường ống cũ đã đem lại cho nó hình thuôn dài).

Rồi tất cả những điều đó biến mất. (Chúng ta hãy mở rộng tầm mắt nhé.) Từ chỗ sùi đen và đám lở vàng tô điểm cho phần dưới viên sỏi (cái khe ẩm ướt mà đám côn trùng muôn đời thích chui vào giao hợp), chúng ta hãy chuyển sang nhìn chân thẳng bé đá bóng, trong ảnh, nhìn quần soóc của nó, nhìn cảnh sắc con đường sau lưng nó và nhìn cầu thang dinh thự, cuối cùng nhìn rặng núi Kor phủ bóng cây, ở cuối chân trời, và trên cao một con đại bàng má trắng. Tất cả những thứ đó, giờ chỉ còn lại rặng núi Kor và viên sỏi. Đồn điền Körberg đã bị đánh bom và tòa nhà, bị cháy, không bao giờ được dựng lại nữa. Lần đụng chạm cuối cùng của con người với hòn sỏi, lúc đó bị vùi một nửa, là bàn chân một chú lính quân đội Anh. Dù chẳng nhìn thấy nó, chú ta cũng chửi rủa âm ỉ.

Còn giáo sư Körberg, ngay từ khi chiến tranh nổ ra, đã chọn ngành điều học, và bỏ hẳn bóng đá. Hai mươi năm tiếp theo đã thừa nhận là ông có lý: ông trở thành một chuyên gia điều học lớn, trong khi đội bóng quốc gia Áo chỉ đứng một lần lọt vào bán kết Cúp bóng đá thế giới, trước khi bị đội Đức loại, với tỉ số sáu-một.

Lúc đó là ở Bale, cách đây ba năm, Körberg nghỉ ngơi trong khi leo lên một con phố đầy sỏi giữa trời nắng. Ông nhồm đít đạp, mồ hôi ra như tắm. (Ở ông, toát mồ hôi bao giờ cũng đi liền với toát kỷ niệm.) Cả hai bên phố đều có những khu vườn nhỏ khô cằn và có hàng rào sắt che chắn. Lá cây chanh, cây bạch đàn phủ một lớp bụi trắng do xe hơi đi ngang hất lên.

Ông dừng lại trước một cái lán cho thuê xe hai bánh. Ông muốn thuê một cái xe đạp khác, nếu có thể. Bộ bàn đạp của chiếc xe ông đang đi mỗi khi quay cứ kêu cọt kẹt, hai cái nan hoa bị gãy, ông chỉ tay, hai cái chân bùn cũng hồng luôn.

Người cho thuê xe ngồi trước lán, trên một mảnh tôn đặt lên bốn viên gạch. Ông ta hút thuốc. Xe đạp, ông ta nói, không còn cái nào

nữa. Một con lừa hay một cái xe máy thì được, nhưng xe đạp thì không, không thể được. Körberg bỏ cái xe lại và đưa trả cho ông ta mấy cái kẹp ống quần.

Ông đi bộ đến tận Bưu điện Trung tâm và mở cửa một chiếc taxi. Ngồi thụp xuống băng ghế sau, ông đưa khăn mùi xoa lên mặt. Từ ít lâu nay, tóc ông bạc trắng và cơ thể ông, cao lớn, trở nên gầy guộc. (Ông lọt thỏm trong một chiếc áo sơ mi lỗi mốt bằng vải sợi.) Mũi ông vốn dài bây giờ phồng lên và khi nhìn nghiêng, trên cửa kính - bóng nó in chồng lên bóng rặng cây trên đại lộ giống như mũi một con chim săn mồi. (Lũ sinh viên của ông, ở phòng thí nghiệm điều học, năm nào cũng nhận xét thế, rồi huých cùi tay vào nhau, khi ông giảng đến chương này.) Con người ta, ông nghĩ, cuối cùng thì đều giống con thú mà họ yêu thương nhất.

Chiếc taxi đi dọc theo con rãnh chia thành phố ra làm đôi. Körberg biết thành phố này vì đã sống ở đây - với người đàn bà duy nhất ông yêu trong đời (nàng có bao giờ yêu ông không?) - nhưng các thành phố thời hiện đại thay đổi nhanh lắm. (Dưới mắt Körberg, tất cả đều thay đổi quá nhanh.)

Hôm đến đây, hai tuần trước, ông đã đề nghị người lái taxi cho ông đi thăm thành phố. Họ chạy ngang khu phố Ả Rập, băng qua khu cảng bằng cầu chuyển, đi vòng vòng trên vịnh Ste Catherine. Họ quay lại trung tâm. Chiếc taxi đỗ lại trước khách sạn Casablanca và, ngay tức thì, khuôn mặt của Körberg hơi nhăn lại. Không, đây không phải là nơi họ yêu nhau, người phụ nữ đó và ông.

Trí nhớ của ông không thật chính xác lắm trong lĩnh vực kiến trúc, nhưng ông nhớ đó là một tòa nhà lớn màu trắng, với cái đầu hồi có hàng cột nhỏ và một phòng khách ngoài hiên phủ kính, bên tay trái. Khách sạn Casablanca là một kiến trúc hẹp, quét sơn xanh, và các ban

công đều trồng hoa phong lữ đỏ. (Trên một tấm biển bằng tôn, mấy chữ Nhà Trọ Gia Đình sắp nhạt hết). Ông tiếc là đã thuê phòng qua điện thoại, và cố gắng ôn lại các tên riêng, mà ông cho là ông nhớ tốt hơn các hình ảnh.

Vì không có gác cửa, nên tài xế phải xuống xe. Khách sạn cũng không có nhân viên xách đồ, nên tài xế phải mở thùng sau và mang hành lý đến tận sảnh tiếp tân. Körberg đưa cho ông ta một món tiền thưởng mà ông nghĩ là cũng khá, nhưng thực tế giá cả trong thành phố biển này chứng tỏ ông đã nhầm.

Ông hiểu điều đó khi bà Fatima, chủ khách sạn (vừa tròn vừa quạu) mở cửa phòng cho ông một cách khó khăn: một cái giường lớn bằng kim loại (sau đó sẽ kê cốt kết), có phủ một chiếc chăn lông meo, sàn nhà trải vải nhựa, và, thay vì bàn làm việc mà ông đòi hỏi qua điện thoại, người ta đặt gần bồn rửa mặt một chiếc bàn dùng trong bếp, đã lung lay.

Bà Fatima đã đặt xong hành lý của ông dưới chân giường, hai cái va li đen và một hộp hình trụ bằng da bê. Ông nghe tiếng bà xuống lại cầu thang.

Körberg thay sơ mi rồi chỉnh lại máy điều hòa. Ông bấm mấy cái nút, hướng cánh quạt trên điều hòa về phía mình. Sau khi làm xong, ông đứng vài giây bất động, đầu quay về phía gió mát. Ông lấy khăn ướt lau mặt, mở cửa sổ (trông ra một cửa sổ khác, ở dãy bên kia một con phố nhỏ), làm vài động tác thể dục trước tủ gương, rồi quay ra đứng chống tay vào ban công.

Dưới kia, con phố nhộn nhịp buôn bán. Và Körberg - như tất cả những ai thường bị giam hãm trong cảnh tranh tối tranh sáng của phòng làm việc - thích đứng trên cửa sổ ngắm nhìn cảnh tất bật của những người xung quanh.

Một người đàn ông, áo ngắn tay, mũ có trang trí một miếng da rắn, kẹp nách hai tờ tạp chí rồi leo lên một chiếc xe Jeep. Ông đoán thế nào hai người đi bộ ngược chiều mắt nhìn đi nơi khác cũng đâm sầm vào nhau. Một ông bán kem Ý đẩy chiếc xe ba bánh treo đầy bong bóng, rao hàng và hứa có thưởng bóng. Một thanh niên mặt mũi nhẵn nhọt, có vẻ như không thích đi lại trong trung tâm thành phố, chống phịch một chiếc xe mô tô đỏ rực trước cửa khách sạn. Ngay sau đó, một cô gái trẻ xuống xe và chạy biến vào một cửa hàng quần áo bên đường. Bà Fatima đi ra. Bà giải thích cho chàng trai rằng anh không thể đứng ở đây, rằng đó là chỗ dành riêng cho taxi mang khách đến cho bà, rằng cách đây chưa đầy năm phút, một ông già đã xuống xe hết sức khó khăn, rằng nhất quyết phải để chỗ này trống. Nhìn kìa. Bà đưa tay chỉ, nhưng kín đáo, ông lão đứng trên cửa sổ, như một con cú, để làm động lòng Alexandre Skoltz.

Ở phía bên kia phố, Jyl huơ tay huơ chân để ra hiệu cho anh. Skoltz nói với bà Fatima rằng cô gái vừa xuống đang đi mua một cái áo thun, chuyện đó chỉ mất một phút thôi. Anh sẽ qua đường, trả tiền, rồi cả hai sẽ đi ngay. Skoltz tóc nâu. Mắt xanh. Và anh làm mũi lòng bà Fatima có tóc nhuộm lá móng, buộc lại như đuôi ngựa.

Jyl đút cái gói vào túi, bên cạnh các gói khác. Quần áo của nàng bây giờ thế là có đủ kiểu rồi. Hôm nay nàng không muốn xuống biển, mà ăn trưa nhanh nhanh rồi về nhà ngay, để thử quần áo trước tấm gương trong phòng ngủ.

Họ chạy xe bằng nhanh qua vườn cọ, những chiếc lá phản chiếu trong lớp mạ crôm và bình xăng.

Jyl chọn quán Cây Cọ, một tiệm ăn ngoài trời có tường trắng cao bao quanh, ba bên tường đều không cửa, với một bức sáo gỗ trên mặt tiền. Skoltz đi trước. Hệ thống tưới nước bằng ống bê tông đi từ gốc cây này sang gốc cây khác, và mỗi chiếc bàn đều kê riêng trên một mòm đất trồng cỏ, đến đó phải đi qua một chiếc cầu gỗ nhỏ cong

cong. Họ ăn cá trên một khăn bàn bằng vải nền trắng kẻ ô đỏ. Sau này, Skoltz hỏi, em thích làm nghề gì?

- Em không biết, có lẽ làm ca sĩ, như mẹ, nàng nói. Em cũng muốn nhận giải thưởng Fields: em có khiếu toán học đấy nhé.

Bàn kê dưới bóng râm nhưng thỉnh thoảng mặt trời lướt qua giữa các tàu lá cọ và vẽ những hình thù loáng thoáng trên mấy cái đĩa màu trắng.

- $x^2 + 2x + 9 = 0$ giải thế nào? Skoltz hỏi.

Jyl đặt dọc ngón tay trở lên miệng:

- Delta bằng b bình phương trừ đi bốn lần a.c, bằng bốn trừ đi ba mươi sáu, bằng âm ba mươi hai, nàng trả lời. Vậy phương trình có nghiệm là số phức.

- Thế thì sao ?

- x bằng âm hai trừ đi i lần căn bậc hai của ba mươi hai, rồi chia cho hai, hoặc x bằng âm hai cộng với i lần căn bậc hai của ba mươi hai rồi chia cho hai.

Mặt nước phủ đầy chuồn chuồn xanh và các côn trùng khác mà họ không rõ tên.

Ca sĩ, Skoltz nghĩ.

Körberg vứt vỏ dừa hấu vào một cái túi giấy rồi giấu dưới tay. (Bà Fatima cấm ông không được ăn trong phòng.) Ông thận trọng xuống cầu thang. Khi đi ngang quầy tiếp tân, nỗi sợ bị bắt quả tang làm thay đổi hẳn cách đi của ông, nên bà Fatima, lo lắng, hỏi ông xem mọi việc có ổn không. Ông trả lời bà là mọi thứ ổn cả, rồi ra thẳng hè đường mà không ngoái đầu lại (bà đang dõi mắt theo ông, ông biết thế), trước khi đi lẫn vào đám bộ hành.

Ông đi dọc lề đường có bóng râm đến tận chợ, quảng gói vỏ dừa cho một con lừa đang ngủ gật, mua một tờ báo và một trái dừa nữa, rồi đút vào trong áo.

Rồi ông lại đi ngang qua chỗ bà Fatima, mắt bà rời cuốn danh bạ điện thoại, nhưng ông không nhìn bà. Ông lên cầu thang một cách rất tự nhiên, hai tay quàng ra trước bụng, tờ báo đút trong túi quần.

Ông giật cái chăn lông vịt (những con vịt biển tội nghiệp, ông nghĩ) và cái vỏ chăn, vo thành một bọc rồi ấn mạnh vào tủ. Sau khi đã khóa trái cửa, ông cho trái dưa vào bồn rửa mặt, mở nước lạnh, rồi nằm duỗi trên giường. Máy điều hòa rung nhẹ. Vừa đọc tờ báo trải trên chiếc gối, Körberg vừa tháo đôi giày đen bằng cách áp mũi chiếc này lên đế chiếc kia (chàng thanh niên Körberg cũng làm như thế sau mỗi trận bóng mệt nhoài). Ông đi chân trần trong phòng, ngồi xuống bàn làm việc, rồi xỏ một đôi giày thể thao bằng vải, trắng như giày ở các Olympic.

Với đôi giày thể thao, có đế kêu kèn kẹt trên nền nhà lót vải nhựa, ông đi lại uyển chuyển và thoải mái hẳn. Ông nhún nhảy vài bước tango, rồi ra ngồi xuống thành giường, tay ôm đầu. Mái tóc dài trước dài bạc trắng phủ lên cổ tay và chiếc đồng hồ của ông. Ông tự hỏi phải làm gì bây giờ, liệu có là một ý tưởng hay ho không việc trở lại thành phố nơi ông đã yêu người đàn bà xưa, liệu đó có là một ý tưởng hay ho không.

Trong phòng mình, Jyl đang thỏa mãn về những thứ đã mua. Nàng lần lượt thử lại chỗ quần áo mới, hoàn thiện một vài bộ mẫu, trên đó nàng có thể tô điểm thêm tùy theo cảm hứng, bằng cách quàng một cái khăn xanh lá cây, thay cái áo sơ mi vàng bằng một cái áo vest ngắn trắng, rồi làm nổi cái tổng thể ấy bằng những cái ghim nhựa có đính hình trái cây nhiệt đới.

Khi đặc biệt ưng ý bộ nào, nàng ra ngoài sân để cho Skoltz xem (anh đang ngồi đọc trên cái ghế dài và nhướn mày lên), rồi quay vào bếp nơi bà Nissa đang pha trà, vì bà tỏ vẻ ngưỡng mộ hơn anh.

- Còn bộ này thì sao? nàng hỏi trong khi dựa người vào khung cửa (nàng đã nhìn thấy các cô người mẫu làm thế, trong họa báo). Còn nếu đi buổi tối, nàng tiếp tục, cháu sẽ mặc thêm chiếc áo len màu cam hoặc chiếc áo len màu xanh lơ, cả hai đều hợp.

Vừa nghe thấy từ “buổi tối”, bà Nissa kết luận một câu Tiểu thư còn trẻ quá để đi chơi tối, câu này có biệt tài làm Jyl nổi khùng. Nàng ứ lên một tiếng mà có lẽ Körberg, ngay lập tức, sẽ quy cho một loài chim nào đó, rồi chui vào phòng mình.

Dù là thời gian gần đây thính giác giáo sư Körberg đã xuống dốc đáng kể. Cũng không chắc là, nếu mắt bịt và đi trong một xứ lạ (thử tưởng tượng người ta mang ông, mắt bịt kín, đến xứ này bằng máy bay rồi xe hơi, và đi lòng vòng), ông có thể nhận biết được bất cứ loài chim nào đang bay ở một độ cao trung bình hay không. Mắt ông và lại cũng lão hóa (và cũng không chắc là việc bịt mắt có cần thiết nữa không), vì vậy ông đã mang theo một chiếc kính viễn vọng, mà giờ đây ông đang lôi từ bao ra.

Trong những năm dài phụ trách phòng thí nghiệm điều học, Körberg đã nghiên cứu các loài chim theo sự mô tả, rồi theo ảnh nữa, nhưng bây giờ ông muốn ngắm những con chim thật đang bay (như hồi nhỏ, khi ông theo chân anh quản lý khu săn bắn của đồn điền Körberg).

Từ cửa sổ, ông quan sát một con sẻ nhà (tên Latin là *Passer domesticus*) rõ đến độ mà ông nhắm mắt lại, theo phản ứng, khi con chim chĩa mỏ ra. Rồi nó rời máng nước và biến mất đằng sau ống khói. Một con kim oanh vàng và đỏ (tên Latin là *Carduelis carduelis*) bay ngang, ông ngắm nó đang bay bằng ống kính zoom thu nhỏ. Con kim oanh đậu xuống cái bồn hoa có trồng cây thuốc lá cảnh màu hồng và xanh lơ, ngoài cửa sổ căn nhà trước mặt. Cửa sổ mở và trong phòng, một người phụ nữ mặc áo choàng ở nhà, tuổi không rõ lắm,

đang trang điểm trước bàn phấn. Con kim oanh mổ mổ trên cái bồn hoa. Người đàn bà đã cởi áo choàng và đang lại gần tủ treo áo thì nhìn thấy Körberg, cùng cái ống viễn vọng đen trắng, ở cách vài mét. Bà ta há hốc miệng và giơ tay lên trời, hét lên một tiếng, rồi đưa tay che những vùng bị xúc phạm.

Nghe thấy tiếng kêu, một người đàn ông đi vào, ông ta mặc quần dài đen và may ô trắng. Người đàn bà chỉ tay về phía bồn hoa, nơi con kim oanh nghe thấy tiếng hét, vừa bay đi. Körberg lấy làm lạ là một con chim bé nhỏ như thế, màu sắc đẹp dễ như thế, lại có thể làm khiếp sợ người đàn bà này như nó làm khiếp sợ một con chuột vậy.

Bây giờ người đàn ông đang ở cửa sổ, một tay chống vào thành cửa, tay kia vung lên - trông như Lenin, trong một tấm ảnh nổi tiếng. Ông ta sửa ra những lời nguyên rủa nghe không rõ lắm (về phía con kim oanh, nhưng con chim chẳng thêm mảy may chú ý, Körberg nghĩ). Cửa sổ được đóng lại.

Körberg cầm ống viễn vọng nhìn lướt qua toàn bộ ,con phố: dù che nắng sặc sỡ của ông hàng kem, bạt che màu xanh lá cây nhạt của ông hàng thực phẩm khô, bạt che sọc trắng đỏ của ông hàng thịt, mũ cát màu nâu của đám quân nhân, cái ông béo hời nãy, đang đi qua đường và vào khách sạn. Körberg nằm duỗi chân trên giường, tay vắt sau gáy. Ông nghĩ xem phải làm gì trong thành phố này. Chẳng có gì rõ ràng cả. Ông đang lơ mơ ngủ thì nghe tiếng đập thành thành ở cửa phòng. Rồi ông hàng xóm trước mặt đi vào, theo sau là bà Fatima. Họ nói rất to và lộn xộn.

Ông hàng xóm nói về bà vợ. Körberg trả lời một cách lịch sự rằng ông có biết mặt bà, rằng hời nãy ông có thoáng thấy bà, lúc đó bà đang nhìn con chim nhỏ. Người đàn ông lúng búng trong mồm, thiếu chút nữa thì nghẹt thở. Bà Fatima thông báo cho Körberg là sáng mai

ông sẽ rời khách sạn Casablanca, khách sạn này, ơn thánh Allah, vẫn còn là một nơi đáng kính.

- Chứ không phải là nơi tứ chiếng đâu nhé.

Körberg nghĩ đó là một ý tưởng hay, và tiếc là trước đó đã không nghĩ ra, nhưng trí não ông, những ngày gần đây, chậm chạp hẳn. Vì trời nóng quá, vừa đoán ông vừa cởi quần áo. Ông trần truồng chui vào ga giường. Máy điều hòa rung nhẹ. Ông mở mắt nhìn ba cánh quạt trên trần và những bóng sáng tối, đều đặn, hắt lên tường. Một biển hiệu sáng trưng nhấp nháy ngoài phố: xanh diệp lục, rồi tím, rồi hết - xanh diệp lục, rồi tím, rồi hết.

Người đàn bà đó, Körberg nghĩ, có một vết chàm nhỏ xíu trên vai.

3

Một đứa trẻ, khi tỉnh giấc, rất khó nhận ra cái thân hình già nua mà nó mang trên người từ bao lâu nay. Đứa trẻ đưa tay lên mái tóc bạc trắng bù xù. Một luồng ánh sáng xanh lơ luồn qua khe cửa sổ. Nó nhìn đám đồ đạc vệ sinh cá nhân để trên bồn rửa mặt (hơi tiếc là không thấy một thứ đồ chơi nào). Máy điều hòa đã ngừng chạy từ đêm và xung quanh, mấy cái ga giường, vo lại thành đồng, âm ẩm. Körberg đã không ngon giấc.

Ba lần liền ông bất ngờ đứng trước mặt người quản lý khu săn bắn của đồn điền Körberg, anh ta hiện lên trong bộ dạng một ông già chột mắt và thọt chân, trong khi trên thực tế đó lại là một gã trai hoạt bát, vạm vỡ và sạm nắng, đúng dân rừng núi, sống trong một cái chòi sực mùi sữa đông cục. (Ký ức của ông lần này lẫn lộn với một bộ phim nào đó. Körberg rất sành điện ảnh.)

Ông mặc bộ com lê đen và đi giày thể thao trắng, cất kính viễn vọng vào hộp, rồi đeo lên vai, và nhấc hai chiếc va li. Sau khi dùng mũi chân đẩy đôi giày đen xuống gầm bồn rửa mặt, ông xuống nhà ăn. Chỉ có mỗi mình trong phòng, ông ăn sáng cạnh một cái bể cá vàng, vừa ăn vừa đọc một tờ nhật báo địa phương. Ở quầy tiếp tân, bà Fatima - má phính vú to, tay trái chìa cho ông cái hóa đơn, tay phải khép cổ áo lại. Ở phòng khách, ông đọc nốt tờ báo trong lúc đợi xe taxi mà ông đã nhờ gọi. (Có lẽ ông cũng chẳng ngạc nhiên, Körberg ấy mà, nếu anh quản lý khu săn bắn bây giờ xuất hiện trong phòng và đến ngồi cạnh ông, trên cái ghế băng.)

Nhưng không.

Anh quản lý khu săn bắn xuất hiện trong sân dinh thự, anh ta cầm súng và đi ủng, mang ba lô, túi dết, và một cách có thể coi là quái đản - hai cẳng chân thò với một cành cây ban phép lành. (Anh ta vốn mê tín.) Cùng với anh ta là mùi da thuộc và mùi dê ướt, bộ râu màu hung che lấp đôi má nâu sậm. Khi đi ngang cửa sổ tầng hai, anh giơ tay chào Körberg và cô giữ trẻ, Lady Hariett (cô ôm chú bé vào lòng và hơi đỏ mặt). Xung quanh anh ta, một con chó to lông vàng vẽ những hình số tám lên đám bụi.

Körberg đứng ở cổng vườn dinh thự với anh quản lý khu săn bắn rồi đi vào một con đường nhỏ. Bên trên, cành đoạn đan chen nhau, chỉ để lọt qua kẽ lá xanh vài tia nắng nhỏ gây vụn thành mảnh hắt lên những viên sỏi đỏ trên đường đi. Phía trước, con chó to lông vàng chạy ngoằn ngoèo. Họ đi xuống phía đồng cỏ kiểm tra hàng rào rồi kéo chiếc thuyền ra khỏi cái lán bằng cỏ lau. Anh quản lý khu săn bắn chèo thuyền. Mái chèo chìm sâu trong làn nước nâu, chui qua đám bùn, ấn mạnh xuống đáy, rồi quay trở lên trên. Körberg chụp ảnh những con chim.

Họ ngủ đêm trong một cái chòi và sớm hôm sau, khi bình minh lên, một anh nông dân của trang trại đến đón chú bé Körberg cùng đồng dụng cụ chụp ảnh cổ lỗ, các loại thấu kính và kính ảnh, tất tậ bị kéo mạnh rồi vút lên lưng ngựa bằng một bàn tay rắn chắc, tặc! đi thôi.

Tuy nhiên, mắt vừa hé mở, ông đã biết là không phải bàn tay của anh nông dân đang kéo tay áo vest mình. (Ông có lẽ đã ngủ khoảng vài chục năm.) Khuôn mặt bà Fatima trải ra ngay sát mắt ông, bị bẹt lại do ống kính mở một trăm tám mươi độ. Körberg từ từ nhận ra, giữa cái mũi to hồng và những sợi tóc đỏ hai bên thái dương, song song, có lẫn một ít tóc trắng, con mắt xanh lá cây trời lên nhưng đồng tử, khi bắt gặp cái nhìn của ông, thì có vẻ bé lại. Khuôn mặt lùi lại. Hiện lên

những trang báo xếp lộn xộn, trên đầu gối ông và chiếc bàn thấp, đặt trước cái ghế băng. Đằng xa, một người lái xe đội mũ lưỡi trai đang nhắc hai cái va li của ông. Trên một cái khăn bàn nhỏ, một con ruồi màu xanh đen đang dụi mắt. Körberg cũng làm như nó. Rồi ông đi theo bộ com lê sáng loáng ra khỏi sảnh khách sạn Casablanca.

Trong xe, đặt hộp đựng kính viễn vọng lên đầu gối, ông hỏi người lái xe xem trong thành phố có khách sạn nào tên là Nhà Trắng, hay Weisse-Haus không. Người lái xe - đã từng giúp người Mỹ trong chiến tranh - nghe thành Ausweiss* (anh ta nhìn ông qua kính hậu) và một cơn rùng mình chạy khắp sống lưng. Anh giải thích với ông là anh mới đến đây và xin lỗi là không biết.

Trong văn phòng của hiệp hội quản lý du lịch, một nàng nhân viên nói nhiều ngoại ngữ, mặc bộ váy kẻ chéo và đeo nơ cà vạt, khẳng định khách sạn đó chỉ có thể là Dar el-Beida, tên gọi cũ là White-House, rồi nàng lấy bút khoanh lại trên tấm bản đồ phát cho khách du lịch.

- Ở cuối vịnh Sainte-Monique ấy.

Cái nóng dâng lên làm mờ đi mọi vật và con đường dường như ngập nước, run rẩy, nhưng ngay từ cái nhìn đầu tiên Körberg đã nhận ra khách sạn White-House trước đây. Trước cửa khách sạn, là những sân trồng me và hoa xấu hổ, có hàng rào sậy che chắn, chạy dọc theo cầu thang đá xuống tận bãi biển đầy thuyền, nơi có đào một cái vũng hạ thủy. Stella và ông ra khỏi câu lạc bộ đưa thuyền xây áp vào vách đá, ở một góc bãi biển. (Trong ký ức của ông hình ảnh này màu đen trắng.) Họ đi bộ dưới mưa xung quanh vũng và Stella cầm đôi giày trong tay. Nàng ngân nga một bài hát gì đó của Oum Kalsoum hay Maria Callas. Trước mặt họ, mấy con dã tràng đang chạy. Nước chảy ròng ròng trên mặt nàng và đôi khuyên digan lấp lánh trên tai. Báo chí nói về nàng, nàng kể, như một Cheikha Yamna mới, người ta so sánh

nàng với những ca sĩ Ả Rập danh tiếng nhất, Mériène Fékai, Fadela Dziria. (Tuy nhiên nghiệp ca sĩ của nàng hẳn là cũng ngắn ngủi và bi thương như Habiba Messika.)

Một hôm khác, trong một phòng khách sạn White-House, Stella ngồi trên thành giường còn Körberg thì đang cạo râu. Họ nhìn nhau qua gương. Mang tên “Ngôi Sao” trong tiếng Latin*, nàng nói, nghe hơi rởm đời, ngay cả khi mình là một ngôi sao thật. Nàng châm một điếu thuốc.

- *Bay lên một ngôi sao*, ông nói khi đang cạo râu ở má, *bay lên một ngôi sao*. Stella, tiếng Đức, có nghĩa là “stern”. Nghe hơi giống như “sterne”, chim hải yến, trong tiếng Pháp đấy.

Nàng bảo chính Anton-Mokhtar, người sáng tác và chơi đàn dương cầm cho nàng, đã khuyên nàng chọn Stella làm nghệ danh, và bây giờ nàng thấy hơi rởm đời.

Anton-Mokhtar (cầu trời cho con đại bàng má trắng mỡ mắt hăn ta) đã làm hỏng đời họ. Chiếc taxi đi rồi. Còn Körberg thì đứng bất động trước cái cổng trắng, com lê đen và giày thể thao, mấy chiếc va li đặt dưới đất và hộp kính viễn vọng đeo trên lưng như một cái ống đựng tên.

Jyl và Skoltz đi tàu cáp kéo xuống vịnh Ste Catherine. Đại dương, trước mặt họ, cao và phẳng, mùi dầu hỏa và mùi cá sặc đin nướng bay từ đại lộ xuống bãi biển. Skoltz ngồi đọc, đầu đội mũ màu xám.

Họ đã trải khăn tắm lên cát, khăn của Jyl có hình cò Hy Lạp còn khăn của Skoltz mang hình cò xứ Bretagne. Hôm qua, họ đã mua ở một cửa hiệu trong trung tâm, cách khách sạn Casablanca không xa.

Trước khi đến phần vật lý và các nhà vật lý hiện đại, Skoltz muốn giảng cho Jyl một bài tổng quan về triết học Pháp thế kỷ 19, rồi đọc lại những ghi chép ở cuối cuốn sổ tay.

Trong đám đông các nhà triết học vô danh thế kỷ 19, Antoine Cournot là một trong những người đáng chú ý nhất. Dù rằng, cũng như Meyerson sau này, có thể ông đã thiếu chuyên môn. Sinh ở Gray, ông gần như suốt đời sống ở tỉnh lẻ, tại Lyon và Dijon, ở Pháp đối với những kẻ có tài, thì đó là một trường hợp hiếm.

Jyl, mặc áo tắm xanh lá cây nhạt, khoanh chỗ ngồi của mình bằng những mảnh vụn mà nàng nhặt ở xung quanh rồi ném thẳng xuống cát: mẫu tre, tảo khô, vỏ ốc, lông hải âu.

Jules Lequier là một trong những nhân vật thương tâm nhất của tấn hài triết học Pháp. Gốc vùng Bretagne, ngoài thời gian theo học ở Đại học Bách khoa nơi ông thi đỗ năm 1834, Jules Lequier sống toàn bộ thời gian còn lại trong căn nhà của dòng họ tại vùng Plermont, giữa ruộng trắng và bờ biển. Năm 1862, sau khi bị thất tình lần cuối, ông lao mình xuống đại dương, ngày 11 tháng Hai, và bơi ra mãi ngoài khơi cho đến khi kiệt sức.

Skoltz rời mắt khỏi cuốn sổ tay và nhìn ra trước mặt, những ngọn sóng lấp lánh.

Octave Hamelin đã có một đời sống thật giản dị của một giáo sư đại học thuở xưa, cống hiến cho những tìm tòi siêu hình. Ông chết như một anh hùng, trên vùng biển Landes, sau khi đã cố cứu hai người sắp chết đuối.

Jyl chạy về phía biển và lấy chân nâng những đám mây nhỏ màu vàng. Nàng bước đi trong làn nước ấm và loang loáng như có dầu, tay vung ra sau để hứng gió mát, rồi quay lại phía Skoltz. Chiếc áo tắm xanh, ướt đầm, dán vào da và vẽ lên bụng nàng một cái mặt nạ châu Phi (hai đầu vú màu nâu gợi hai con mắt, và cái miệng là hình tam giác hơi chồi lên giữa hai bẹn). Nàng ngồi xuống, tựa cằm xuống hai

đầu gối, ghì người vào đôi chân, hai bàn tay đặt vào mắt cá chân. Nàng lắc lắc đầu.

- Nước mát lắm, nàng nói.

(Hay đấy, Skoltz nghĩ.)

- Ngày nào cũng làm mỗi một chuyện, Jyl tiếp tục, thích thật đấy: nhà nghỉ, tiệm ăn, bãi biển. Người ta có cảm giác là mình sẽ không bao giờ già. Cũng chẳng bao giờ ngu.

Trên trời, một chiếc máy bay trắng đang kéo tấm băng rôn quảng cáo và trên biển, trước mặt họ, một chiếc tàu màu hoàng yến đang kéo một người chơi lướt ván. Skoltz nhét cuốn sổ tay vào túi trong của áo vest.

Một anh thợ ảnh dạo (quần đen và vest đỏ, nơ bướm) ngồi xổm trên cát. Anh ta nhắm mắt trái, chụp ảnh Jyl, đứng lên, nhét vào tay Skoltz mấy cái tích kê: ảnh của Tiểu thư sẽ xong vào cuối chiều nay, Jaber bin Said Street. Jyl lục túi xách tay, lôi ra một tờ họa báo và một hộp kem chống nắng dính nhờn nhờn. Nàng đi ngược lại hướng anh thợ ảnh, tay cầm ví tiền.

Những chuyển động của Jyl, trong ngày, rất đều đặn và theo những góc vuông: hướng Nam-Bắc về phía biển, cứ nửa tiếng một lần, rồi hướng Tây-Đông một tiếng một lần, từ cái khăn tắm đến quán bar trên bãi biển. Nàng không bao giờ đi theo cạnh huyên, không bao giờ tắm khi vừa uống nước xong, cũng như không bao giờ uống nước khi vừa tắm xong: ngồi ở quán bar trên bờ cát, nàng uống nước cam hộp và mút những cục đá, kêu chùn chụt.

Cũng khát như thế, Körberg đi xuống quán bar khách sạn. Ông cầm một chai bia, lẻ loi giữa căn phòng rộng thênh thang màu trắng, các bên tường đều làm bằng những tấm kính lớn, mái cũng bằng kính, rầm kè bằng kim loại. Xung quanh ông, những miếng vải len màu đỏ thạch, đầy bụi, phủ lên những chiếc ghế bành mệt mỏi, xếp thành hình

quạt trước đám bàn thấp. Dưới chân mỗi cột đỡ, một cây cam trồng trong chậu dường như chờ đợi, không chút nao núng, sự đảnh quang một kỷ nguyên địa chất mới, và cùng lúc, sự sụp đổ của tòa nhà khách sạn.

Vì không còn phòng trống, nên Körberg đã chấp nhận một căn hộ nhỏ, có ban công và nhìn xuống phong cảnh đẹp. Quả vậy, từ phòng tắm, khi cạo râu, ông đã nhận ra hai cái đèn biển định giới vịnh Sainte-Monique. Sau khi tắm xong, ông mài miệt tập thể dục, rồi dỡ va li và đặt trên bàn làm việc (lần này là một cái bàn làm việc thực sự, ở giữa phòng khách, có tấm lót tay bằng da, lọ bút chì và một tờ giấy thấm) một bức ảnh chụp Stella và ông trên bờ hồ Genève.

Ông gọi một chai bia nữa, rời quầy bar và ra ngồi một chỗ khác trong phòng. Ông chọn một cái bàn thấp gần tấm kính lớn. Trước mặt ông, rừng thông, những loại thông biển, đen và cong queo, dừng lại bất thành hình trước bãi cỏ tuyệt đẹp và hơi dốc, có điểm mấy bụi hoa, men theo sân đến tận chân cầu thang. Trên bàn, một con bọ màu đen và vàng - nhưng không phải là con ong vò vẽ - đang hút hít một vết hình cung dính dính do một cốc nước ngọt để lại. Một người đàn ông uống ở quầy bar, và Körberg nhận ra cái dáng đi nặng nề ấy.

Người đàn ông đó mặc một cái áo ngắn tay màu xám trắng và một cái quần rộng nhiều túi sâu, đôi mũ tai bèo trên vành có gắn một miếng da rắn.

Chỉ mỗi cái gậy chống, có vẽ những họa tiết dân gian, là Körberg không thấy quen thuộc. Nhưng vì đã lâu lắm rồi không gặp lại ông ta, nên ông quên cả tên. Tuy rằng họ đã làm việc cùng nhau. Ông ta đã từng là hướng dẫn viên cho những người đi săn ở vùng này, ông ta cũng đi cùng các đoàn thám hiểm khoa học như chuyến đi với Körberg, tại vùng nội địa của xứ này.

Gặp một tai nạn khủng khiếp trong một chuyến đi săn, ông ta đã dừng mọi hoạt động. Ông ta giải thích cho Körberg - sau khi đến ngồi cùng bàn với ông - là cuộc sống ở khách sạn như thế này hợp với ông ta, rằng ông ta quen nhiều người bởi vì rất nổi tiếng trong đám săn bắn. Mặt ông ta đỏ và rất xúc động. Ông ta gọi anh phục vụ quầy bar và bảo anh ta bật quạt. Vừa thấm trán bằng một cái khăn tay to màu trắng, ông ta vừa làm động tác quay quay trên đầu.

Ông ta nói với Körberg (mà ông ta gọi là Giáo sư) rằng ông ta có một cái xe Jeep cùng mấy cây súng trường, và thỉnh thoảng ông vẫn phiêu lưu đến tận những ốc đảo đầu tiên của sa mạc, nơi nguy hiểm đấy, ông ta nói thêm. Ông ta tựa gậy đứng lên rồi đặt tay ngang ngực. Năm ngoái, Giáo sư ạ, gần Bandar Jissa, tôi đã nhìn thấy những con diệc khổng lồ: cao một mét rưỡi nhé.

Körberg nhú mào.

Bây giờ thì ông nhớ ra là ngày trước ông đã không thích nói chuyện chim chóc với người đàn ông này, ông ta đã không biết gì nhưng lại luôn nói dối.

Một buổi tối năm đó, bực mình vì một cuộc nói chuyện kiểu này, ông đã ra khỏi khách sạn, xuống bờ biển bằng cầu thang đá, và lũ bướm đêm (ông không biết tên) bay phấp phới xung quanh những cây đèn. Hương thơm của khu vườn vừa được tưới mát bao trùm lên ông. Ông ngồi xuống một cái thuyền lật úp, và ném đá nhảy thia lia trên mặt nước.

Từ câu lạc bộ đua thuyền, ở đầu bên kia bờ biển, tiếng cười và tiếng nhạc vọng đến chỗ ông. Vài kẻ thích chơi đêm đã ra ngoài. Trong số họ có Anton-Mokhtar (lúc đó là một tráng niên cơ thể màu đồng), dưới hình thức phạt, vừa bị bắt phải bơi qua vũng hạ thủy. Tiếp đó là một trận ẩu đả.

Tôm. Cú nhào xuống nước đó đã làm đảo lộn cuộc đời của Körberg.

Ngồi trong một cái ghế bành mây của câu lạc bộ bơi thuyền, giữa tiếng cười và nhạc Jazz, ông cởi áo vest và sơ mi ướt đầm nước. Vai phủ một tấm khăn len to của người Ê-cốt, ông ngồi trước mặt Stelia, nàng đang gọi rượu vodka, và Anton-Mokhtar mời ông một điếu thuốc lá. Körberg, tái xanh và run lập cập, không còn kiểm soát nổi các động tác của mình và hút thuốc một cách khó khăn.

Stella đặt tay ông lên tay nàng và siết nhẹ. Ông mỉm cười với nàng. Một cái chuỗi bằng vàng, lấp trong tóc, bao quanh trán và làm sẫm tối khuôn mặt nàng. Cặp mắt trẻ thơ của nàng lấp lánh.

Körberg nuốt, ho, rồi chậm chậm thở hắt ra. Ông thấy dễ chịu. Rượu và khói thuốc làm người ông dần dần ấm lại, ông đưa mắt nhìn đám thanh niên, bộ bàn ghế mây, mấy cái trường kỷ, những chiếc ghế thấp không chân bọc da. Sàn nhà bằng nan gỗ xếp rời nhau, như một cái cầu nổi, còn trên tường phao treo thành dãy, các cúp, huân chương, cờ hiệu thi đấu thể thao, có hẳn một bản sao bức *Đua thuyền ở Moseley* của Sisley. Trên một kệ, ngay chỗ bàn họ đang ngồi, có bày một tấm ảnh Anton-Mokhtar đang giơ một cái cúp. Cái cúp thật đặt ngay ở bên cạnh, trên đế một dòng chữ khắc nung cho biết số và năm diễn ra cuộc thi, ở Cowes.

(Ngay từ năm đó, người ta đã cảnh báo ông về việc quan hệ với Anton-Mokhtar, mà các hoạt động âm nhạc thực ra ẩn chứa những hoạt động khác, mờ ám hơn, và được trợ giúp bởi một số tổ chức không mấy tin cậy.)

Ông thợ săn -, khi kể chuyện những con diệc cao một mét rưỡi, có lẽ đã hy vọng một phản ứng nào đó mãnh liệt hơn một cái nhúm mày, và một lúc lâu im lặng - đã rời bàn ra tán gẫu với anh phục vụ quầy bar về cơn dông sắp đến. Con bọ không hút hít cái vết hình cung

dinh dính nữa. Đôi mắt trống rỗng của Körberg lướt trên một bồn hoa bướm và cúc vạn thọ, trên mái phủ lá cọ ngoài bãi biển: ngày mai, có thể, ông sẽ xuống xem lại cái cúp và bức ảnh.

Khuôn mặt Anton-Mokhtar, giống như cơ thể ông ta (nhưng Körberg có biết nó đâu), đã trở nên nặng nề trong ngần ấy năm. Ngay đường nhìn cũng sụt xuống, động tác chậm chạp, cứ như là sức hút trái đất, ở bất cứ nơi nào ông ta vừa đặt chân đến, đều tăng lên một cách đặc biệt.

Trước gương, ông ta nhún nhảy tại chỗ, quần trắng và giày thể thao. Nhìn gương, ông ta làm vài quả tạ, với một cái vọt tưởng tượng, rồi rời phòng. Ông ta đã nghe thấy tiếng chiếc mô tô Norton và tiếng kèn kẹt của cái cổng sắt, tiếng chân Skoltz bước trên sỏi.

Họ đi bên nhau trên con đường đất dẫn đến câu lạc bộ quần vợt của thành phố, cạnh núi đá. Skoltz, khăn mặt trắng quàng cổ, kẹp một chai nước dưới nách còn tay thì cầm vợt. Anh nhìn biển, ở dưới kia, qua cái lưới sắt. Anton-Mokhtar làm mấy bước chạy đều trên sân quần vợt. Họ đấu với một cặp sinh đôi tóc hung, thành viên câu lạc bộ. Hai anh em nhà này tiến về Anton-Mokhtar như thể ông ta là ân nhân, rồi rút rè đưa tay cho ông ta.

Skoltz không rành lắm về khoản này của trận đấu, theo đó những người tham gia phải chứng tỏ vừa thân tình vừa kiên quyết (diệt đối thủ). Anh đi thẳng ra vị trí của mình và tung tung mấy quả bóng mới, trắng và mịn, thật dễ chịu khi cho vào lòng bàn tay và khép các ngón lại. Anh đánh quả đầu tiên theo chiều thẳng rồi giao bóng thật mạnh. Bên nhận bóng không đánh lại. Thẳng rồi, anh nói.

Bên kia lưới, các đối thủ đưa vợt lên lắc lắc, ra hiệu họ chưa sẵn sàng. Skoltz, rất bình tĩnh, hỏi đối phương xem bóng có ra ngoài sân không, có chạm lưới không, hay anh có phạm lỗi đặt bóng không. Họ cười trả lời là không, đương nhiên, không có lỗi đâu, nhưng vì họ chưa

sẵn sàng lắm, thế thôi, và đề nghị anh làm ơn giao bóng lại hai lần, xin cảm ơn.

- Thắng rồi, Skoltz nhắc lại, rồi chuẩn bị giao bóng lần hai.
- 15-0, Anton-Mokhtar tuyên bố.

Skoltz tung bóng theo chiều thẳng rồi quật chính giữa vợt, một cú mạnh và nhanh.

- 30-0, Anton-Mokhtar tuyên bố.

Hết cuộc chơi, hai anh em sinh đôi mặt đỏ và phị ra, ngồi trên ghế dài, không thỏa mãn. Họ nghĩ rằng lẽ ra họ có thể thắng nếu tập trung hơn. Skoltz, mở chai nước suối, giải thích cho họ rằng quan trọng là kết quả, nên theo nguyên tắc, ai có kết quả cao nhất thì kẻ đó thắng.

Ngồi trong một chiếc ghế xích đu bên bờ bồn nước, Anton-Mokhtar, cởi trần, vừa ăn cà chua vừa hỏi tin tức của Jyl.

Skoltz, chân ngâm trong nước mát dịu, nhìn những con chim trong lồng đang tỉnh táo hẳn nhờ không khí mát mẻ buổi tối, bay lượn rồi huýt khe trên mấy cái sào. Anh rút ảnh từ ví ra và đưa cho Anton-Mokhtar.

Trong tấm đầu tiên, Jyl, không nhìn thấy anh thợ ảnh, đang lục cái túi vải. Trên hai tấm sau, nàng mỉm cười nhìn ống kính. Chiếc khăn tắm phủ đầy tảo khô, những miếng tre nhỏ và lông chim biển. Anton-Mokhtar quan sát chăm chú từng tấm ảnh: trên một tấm, ở phía trước, cánh tay của Skoltz và, ở tít phía sau, quán bar trên bờ biển và những chiếc cầu trượt. Jyl ngày càng giống mẹ, ông ta nói, cùng nụ cười tin tưởng, cùng đôi tay mảnh dẻ, cùng mái tóc thật đen.

- Chỉ thiếu mỗi đồ trang sức digan thôi.

Ông ta từng hứa với Stella là sẽ chăm sóc Jyl, ông ta tiếp tục nói, chú ý đến việc giáo dục con bé. Ông ta đã tìm được cho Jyl trường nội

trú tốt nhất dành cho học trò năng khiếu.

- Skoltz, cháu có biết đó là một đứa bé rất có khiếu không?

Có, cô ấy có nói với anh về chuyện đó. Skoltz đưa tay ra cho ông ta: bác phải cho bà Nissa nghỉ thôi, bà ta lúc nào cũng kè kè bên cô ấy. Vâng, bác có thể giữ mấy tấm ảnh.

Anton-Mokhtar giữ tay anh:

- Alexandre này, ông ta nói, bác rất muốn cháu ở gần con bé cả mùa hè. Nó quý cháu lắm đấy. Bác đã thuê cái nhà nghỉ suốt thời gian này.

Skoltz rút nhẹ tay ra.

- Không được đâu, anh nói.

Anton-Mokhtar làm một động tác bất lực và cam chịu.

Ở ven đường (tôi đang đi bộ để chút nữa ăn cho ngon miệng), tôi nhận ra chiếc mô tô và đưa tay chào Skoltz. Anh chào lại tôi. Dù ở cách nhau cả mấy cây số rừng thông, chúng tôi vẫn là hàng xóm của nhau (vào thời kỳ đó, ít người biết nhận định đúng giá trị của không khí thoáng đãng vùng đồi núi).

Jyl, rất nóng ruột, đang bôi lên móng chân lớp sơn đỏ tươi, bằng cái bút lông nhỏ xíu gắn ở đáy nắp hộp sơn. Ngồi trên chiếc ghế dài, quần mỗi mảnh vải trắng quanh người, nàng hỏi anh xem anh đấu quần vợt có thắng không. Nàng muốn anh chơi với nàng, một hôm nào đó.

Rồi nàng kéo anh vào nhà chỉ cho anh xem công trình của mình: trên cái bàn lớn đầy các loại giấy vẽ, lọ bột màu, rồi bút lông, cọ vẽ, bút chì màu và bút phốt. Một bức đã hoàn thành, vẽ vịnh Ste Catherine, nhìn từ biển. Bãi cát là một dải rộng màu cà phê sữa, nằm giữa hai dải xanh dương, chạy song song, tức mặt biển và bầu trời. Bên phải có cầu trượt và quán bar, bên trái là Jyl, màu đất son tươi, và

Skoltz, quần áo màu xám, cả hai nằm dài trên khăn tắm. Bột màu đã được phủ dầu bóng còn giấy Canson thì hơi bị vênh lên.

- Cứ như là một cặp đôi đi nghỉ ấy, nàng nói.

Skoltz đặt tay lên bàn và nhìn cái vệt ngoằn ngoèo màu tím trên căng tay nàng. Lòng bàn tay nàng, anh lật ra, có đủ thứ màu. Anh bảo nàng dọn bàn rồi bày chén đĩa ra.

- Không được, nàng nói, chưa một thứ nào khô cả, cái này không, cái kia cũng không.

Nàng lần lượt chỉ bức tranh rồi viên sỏi đỏ nàng chơi hôm Chủ nhật vừa qua, sau khi đã cọ rửa và đánh bóng.

- Như thế, em sẽ không đá vào nó nữa.

Skoltz vứt áo sơ mi xuống thành đi văng. Jyl ngồi trong ghế bành, nàng đã bày lên mâm mấy cốc nước cam và những trái ổi ngọt nhồi thịt do bà Nissa chuẩn bị sẵn. Nắng đã dịu. Cửa ra vào lắp kính đang mở to. Jyl nghịch tóc của mình. Skoltz hỏi nàng là nàng đã tra trong từ điển, và trong bách khoa toàn thư, những từ vựng mà anh đã đưa cho nàng chưa (antéléchie, aphélie, atome). Họ bàn bạc về định nghĩa những từ này.

- Entéléchie viết với chữ “e” cơ, Jyl nói. Em đã phải tìm để tra cho đúng tập trong bách khoa toàn thư đấy.

Những con bướm đêm và cánh cam ầm ĩ bay qua trước mắt họ. Skoltz từ phòng trở ra với một chiếc áo len cổ chui và ngồi xuống cái ghế dài, ngoài sân. Anh giảng lại cho Jyl bài học về cờ vây, bằng phương pháp phát hiện, rồi bày trên bàn cờ một thế cờ mà nàng phải tự mình tìm được nước đi, ví dụ như Trắng tạo được một mắt thứ hai sau ba lần chuyển dịch. Anh uống một cốc rượu nhẹ có pha tinh dầu bạc hà còn Jyl, bắt chước anh, uống một cốc xi rô bạc hà.

Một cùi tay đặt trên đầu gối và cằm tựa vào lòng bàn tay, nàng nhíu mày và cắn môi dưới. Tay kia vẽ vào không khí vị trí giả định

của các quân cờ. Skoltz đọc to giọng. Đó là tác phẩm của một người Trung Quốc ít được biết đến, anh nói, rất hay.

Vậy Trương đã đi suốt ngày trên những con đường nhỏ đầy sỏi của tỉnh Giang Nam cho đến khi chàng bắt đầu trèo lên núi Trường Nam. Ra khỏi một rừng thông, khi đang hứng gió mát, thì chàng nhìn thấy từ xa hai ông lão đứng im bất động trên một hòn đá, bên bờ vực thẳm. Phía dưới, những gợn sóng nhỏ lóng lánh trong ánh sáng mặt trời. Tiến lại gần, chàng nhìn thấy họ giống hệt nhau, cùng đôi mày rậm, cùng bộ tóc dài và trắng, chỉ mỗi hai cái áo dài là khác nhau, một cái màu vàng tươi, một cái màu thanh thiên. Giữa họ, một bàn cờ vây đặt trên hòn đá, và họ thay phiên nhau đặt các quân cờ, theo những dạng hình học phức tạp hay đường bay của những con chim di trú. Các động tác của họ đượm vẻ thanh thản mà chỉ tình bạn gần gũi và nghệ thuật phối hợp của môn cờ mới có thể đem lại. Gió nổi lên, làm tung những lọn tóc trên trán họ, đưa đẩy những chiếc lá khô, và thi thoảng một tia chớp, màu tím, làm hiện lên bóng dáng lơ mơ của những cây thông gần nhất, tiếp theo là tiếng sấm gầm. Khi những giọt nước đầu tiên rơi xuống những chiếc lá chuối to, thì Jyl đã ngủ trên vai anh, thưởng cho quân trắng, chột mắt hay độc nhãn, một đêm ngơi nghỉ.

4

Đó là một đêm mà cả Skoltz và Körberg không ai ngủ được, dù rằng việc họ mất ngủ không thể gán cho bất cứ lộn xộn nào về thời tiết: cơn đông đã tắt, cũng như không hề có đá trời rơi xuống mái.

Körberg đã ngồi suốt buổi tối trong một cái ghế bành xoắn, trước một màn hình làm bằng khăn trải giường, trên đó Anh em nhà Marx* đi chơi đêm, trong một phim đen trắng, ở Casablanca. Sau đó, tay cầm một gói bỏng ngô, ông xem phim của Eric Rohmer*.

Trong taxi về khách sạn, người tài xế - nhiệt tình hay thói quen? - chỉ tay cho ông xem những điểm du lịch được chiếu sáng mờ mờ:

- Quán cà phê Pháp, bên trái. Cầu chuyển, trên cao. Vườn Tiên, đằng kia.

Körberg nhìn những chấn song tối sẫm có đỉnh là những mũi tên mạ đồng của Vườn Tiên, rồi những cảnh cọ tối đen, cuối cùng là mặt trăng, tròn và hung đỏ.

- Mong sao các niềm ước của ông thành hiện thực. Trước mặt chúng ta: quảng trường Vũ Khí. Ở phía dưới: con đường lượn theo vách núi.

Körberg nhìn kỹ ánh phản chiếu của chính ông trên cửa kính, khuôn mặt tím tái biến mất khi đến gần một cây đèn đường rồi lại tái hiện khi đi vào bóng đêm. Nếu một nàng tiên, ông nghĩ, cho ông ba điều ước, thì ông sẽ tìm lại ba đồ vật của quá khứ, viên sỏi đỏ và hai con chim nhồi rơm. Không có điều ước gì cho tương lai cả (hoặc một thôi: không nên cho tương lai nhiều quá). Hai con chim đó, cha đã

tặng ông nhân dịp sinh nhật mười hai tuổi. Chúng được đặt trên lò sưởi phòng ông, ở đồn điền Körberg, và trên chân chúng, có dính hai mẫu giấy:

GÀ GÔ ĐÁ (*Alectoris graeca*). Dài lông ngực màu đen, phân biệt rõ và tương phản với cổ trắng và ngực xám, không có chấm. Đầu và lưng xám. Tiếng kêu đặc trưng: *chéc-xi-vi-si* (4 âm tiết) nhanh, *chít-chít* giống tiếng kêu của chim sẻ ngô, còn *pít-si* thì cao vót lên. Đồi và dốc núi. Đất đá có thảo mộc hiếm. 33 cm. Đồn điền Körberg, ngày 3 tháng Năm năm 1916.

CHIM TRÁU CHÂU ÂU (*Merops apiaster*). Lông đuôi ở giữa dài hơn hai bên một chút. Cánh, đuôi và phần dưới màu xanh dương và xanh lá cây, lưng, đầu và lông thứ cấp màu hạt dẻ, vai và cổ màu vàng, dài lông ngực và vạch trên mắt màu đen, dưới cánh màu be có bờ viền phía sau màu đen. Tiếng kêu khi bay: *ghiếp* như nước chảy và nhiều lần. Tiếng kêu khác: *kíp kíp*. 28 cm. Đồn điền Körberg, ngày 20 tháng Tám năm 1918.

Trí nhớ cực tốt.

Hai con chim cũng như các mẫu giấy đã bị cháy trong chiến tranh. Trừ khi là một viên sĩ quan đã cứu chúng ngay trước trận bom, để tặng cho thằng con trai của mình. Hoặc cũng có thể sau này chúng mới bị cháy, trong một trận ném bom khác.

Những cây đèn đường đã biến mất, và con đường lượn theo vách núi được trăng chiếu sáng.

Còn viên sỏi chắc hẳn đang nằm ở độ sâu vài mét, thư thả ẩn mình trong đám đất sét hoặc đất thó, nếu theo xác suất toán học, thì nó có khả năng ở lại đó rất lâu.

- Dưới kia: vịnh Sainte-Dominique và câu lạc bộ đua thuyền.
Phía trên: khách sạn Dar el-Beida. Xin chào ông.

Körberg đóng mạnh cửa taxi.

Tôi ngồi ở thềm quán cà phê Pháp, trước một cái bàn tròn ở giữa có đặt một chai rượu *vécmut*. Phía bên kia, trên con đường đi dạo, người ta đang nướng xúc xích cừu và thịt xiên trong mấy cái quán bằng tôn. Những cục than ánh lên màu đỏ, kêu lộp độp, dưới những làn khói xanh lam. Tôi tìm cách đưa phép phối cảnh trở lại hội họa rồi rót cho mình một cốc nữa. Các quán được trang trí từng chuỗi đèn điện, như các hang đá Giáng sinh. Ở bàn bên cạnh, mấy người đàn ông đang chơi đô mi nô. Mùi rau thơm và thịt nướng xông lên.

Một phụ nữ tóc vàng mặc bộ váy màu ngà đi ngang qua các hàng thịt nướng nhưng không quay mặt lại, lúc đầu chạy nước kiệu, sau đó phi nước đại, giày cao gót để lại những vết tròn nhỏ trên bụi. Bà ta mở túi xách tay bằng da màu trắng, hộp phấn, và lấy ra chùm chìa khóa.

Ngồi xuống ghế bên trái, bà ta đóng sập cánh cửa chiếc Mercedes cũ rồi lái đi. Một chiếc đèn xe bị vỡ. Parabole và cái chụp trục bánh xe cũng mất tiêu. Không theo bà ta. Tôi rót cho mình cốc rượu nữa. Nên theo Skoltz thì hơn, tôi nghĩ, quá nửa đêm rồi, mà anh chàng còn lẳng lẳng chuồn khỏi căn nhà nghỉ.

Anh để mô tô trườn lên đường một lúc rồi mới nổ máy. Bây giờ chiếc xe đỗ ngay sau mấy quán bằng tôn.

Bỏ quán cà phê Pháp, anh đi sâu vào trong các con hẻm của khu phố cổ, tìm một quán cà phê người Phi, rồi ngồi im lặng ở cuối quán, anh mở cuốn sổ tay ra và đọc lại toàn bộ ghi chép của mình (đó chỉ còn là một phác thảo, mà dần dần anh cho nó vẻ đẹp duyên dáng của một bức họa.) Trên trang cuối cùng, bằng bìa cứng, anh ghi theo hàng dọc những cái tựa có thể sử dụng được, trong tương lai. Anh lấy ra một cái bút và thêm một cái tựa mới vào cuối danh sách.

Quán cà phê tối và ồn ào. Một người đàn ông ngồi xuống cùng bàn với anh, đưa cho anh một cái tẩu có cần sa, đọc qua vai anh, và bắt

đầu trò chuyện về văn chương.

- Người Mỹ, ông ta nói, Faulkner.

Một chàng ca sĩ móm rãnh, hàm lợi đỏ, hát đệm với trống con. Khói thuốc bay là là ngang tầm vai họ như những dây leo màu xanh dương và xanh lá cây, những con rắn đỏ.

- Burroughs, ông ta nói thêm. William S. Burroughs.

Skoltz, bị lạc, trong rừng cây leo rậm rạp.

- Không, anh trả lời. Edgar R. Burroughs.

Họ gọi bánh nhồi thịt.

Trên đường về, Alexandre Skoltz lái chiếc ghi đông với sự khéo léo cực độ mà cần sa, người ta nói thế, khi nó bao quanh vùng tân vỏ não, có thể đẩy xuống tận các dây thần kinh sống - ở giữa một vùng khám ghép màu đang quay chậm chậm, tránh những đoạn màu vàng hơi khô và sắc, hay sự bất an nhẹ nhẹ của màu xanh lá cây, theo vết những hình vuông xanh dương, dịu lắng, đến tận vùng đồi đang được mặt trăng ảo ảnh nhẹ nhàng tỏa sáng.

Đêm đã muộn rồi mà Alexandre Skoltz thì lại thích dậy sớm.

5

Nhưng Jyl luôn là người dậy sớm nhất.

Còn Skoltz, anh nằm ngửa bất động, trong màn, một ngón tay hồ hững trượt lên bộ phận sinh dục. (Dự cảm thật dịu dàng về những hiển nhiên tuy còn ẩn kín nhưng thật gần gũi). Skoltz mãi miết đắm chìm trong những ý nghĩ đang dội lại, như những tia sáng lấp lánh trên những con sóng nhỏ của một cái hồ, xung quanh một con thuyền, những ánh gương xếp vào nhau như thác nước, những phản quang óng ánh bụi trên các tia nắng giữa những khe màn. Skoltz dõi theo những chuyển động đó, quyết định sẽ chỉ dậy khi một trong các tia sáng rơi đúng vào đôi mắt đang nhắm của anh.

Nhưng Jyl vừa đến cửa phòng anh và đập thình thịch. Nàng đã chuẩn bị tất cả, nàng nói. Anh ngồi dậy rồi mặc quần.

Jyl đã bày ở phía bên kia bàn hai miếng bánh mì bơ và một tách cà phê, anh im lặng ngồi xuống chỗ đó. Anh chỉ nhìn thấy mái tóc đen của nàng, nhô trên mấy hộp ngũ cốc, bánh bích quy, lọ mứt, trái cây tươi, trái cây khô, còn khuôn mặt nàng biến mất sau những thứ đó.

Nàng đã suy nghĩ về cuộc chuyện trò của họ hôm qua. Nàng còn nằm mơ về nó nữa, lạ thật cơ. Ủ, lạ thật cơ, nàng nói, khi nhìn thật lâu một cái gì đó, một viên sỏi chẳng hạn (nàng hướng mũi dao về phía viên sỏi đỏ đặt trên mặt bàn phủ vải dầu), người ta có thể mừng rỡ ra chuyển động của các nguyên tử.

Nàng phết bơ lên một lát bánh mì khô.

- Mọi thứ cứ như là giả, nàng nói.

- Ủ, đúng thế, Skoltz nói, mọi thứ cứ như là giả.

Jyl quăng viên sỏi ra ngoài sân rồi chui vào phòng tắm.

Không khí thơm mùi cam hoặc có thể mùi bưởi. Skoltz đặt tách xuống, đi ngang gian phòng, qua sân, đến tận chiếc ghế dài, vài ghế có những chỗ vẫn còn ẩm. Cơn dông để lại trên nền xi măng nhiều vũng nước nơi vừa chơi đùa của mấy con sẻ ngô (anh không chắc lắm) và những con chim khác - anh không biết tên, có thể là sẻ ước đỏ - mà hòn sỏi rơi xuống bất ngờ đã làm cho hoảng sợ.

(Những con chim đậu trên cành mấy cây thông gần nhất, đầu nghiêng vào vai, nhìn kẻ lạ).

Ngồi thật thoải mái xong, Skoltz rút một điếu thuốc rồi khẹp mắt lại. Đêm vừa qua, anh đã quyết định mỗi buổi sáng sẽ suy nghĩ trong vòng một giờ để tu dưỡng: chỉ sau hè anh mới tiếp tục làm đề cương.

Anh tìm được cho Jyl một thí nghiệm mà anh đã thấy mô tả ở đâu đó trong sách báo. Đó là một thí nghiệm tưởng tượng. (Skoltz không thích bận bịu vì những dụng cụ này nọ, nên thích những thí nghiệm tưởng tượng.) Gặp nhau tình cờ trong một vòng kín, hai loại nguyên tử, trắng và xanh, quyết định rằng thời gian, nói chung, là không thể xoay ngược lại, nhưng tuy nhiên, thì thoảng, cũng không thể. Anh phân vân. Vài chi tiết anh không biết. Jyl có thể sẽ chê trách anh.

Một con chim cổ đỏ nhảy nhót trên nền xi măng, mổ vào viên sỏi, tất cả mọi người đều có thể lầm lẫn, biến mất. Jyl chuẩn bị dụng cụ đi câu trong bếp và gọi anh. Skoltz không trả lời. Anh sẽ suy nghĩ một giờ liền, như đã định. Sau đó, họ sẽ đi câu trên những mỏm đá ngoài biển, dưới chân ngọn hải đăng của Sainte-Monique.

Mười giờ.

Trước nhà tôi, mặt trời đã lên cao, chói chang trên những cánh đồng. Một cơn gió xoáy thỉnh thoảng làm rung đưa hàng cây bách. Một người đàn ông đẩy cái xe cút kít đi ngang đường. Giáo sư Körberg ngồi ở bàn làm việc. Ông mặc một chiếc áo ngủ dài màu đỏ.

Trước mặt ông trải đầy ảnh chim, các bức phác họa, bản đồ. Bộ *Đại Atlas điều học* của ông sẽ được tái bản có bổ sung vào mùa đông tới. (Trong ví, ông có địa chỉ của một họa sĩ trong vùng mà ông sẽ thuê vẽ chim vàng anh). Giáo sư Körberg rất muốn làm việc nhưng chẳng thể làm gì được.

Ông nghịch nghịch chiếc hộp bút, di chuyển mấy thứ đồ vật trên bàn, nhắc tấm ảnh chụp Stella và ông bên bờ hồ Genève, rồi lại đặt xuống. Ông tiến đến gần cửa kính lớn. Chắp tay sau lưng, ông nhìn ngọn đèn biển ở đầu kia đê chắn sóng, rồi quay lại ngồi. Körberg ngồi, tay ôm đầu và cùi tay đặt xuống tấm lót tay. Mái tóc đằng trước dài bạc trắng phủ lên cổ tay ông, cả chiếc đồng hồ.

Đêm vừa qua, Körberg ngủ không ngon giấc. Những giấc mơ cũ lại quay về ký ức của ông, theo chu kỳ, tuy có vài chi tiết thay đổi đôi chút. Phải ghi lại những giấc mơ ấy, ông nghĩ. Và viết rõ những chi tiết đó. Ông lấy thép giấy, đặt một tờ lên tấm lót tay rồi vặn nắp bút.

Alexandre Skoltz vẫn hoàn toàn bất động, mắt nhắm lại. Anh cố gắng rời mắt khỏi chính bản thân mình, chuyển nó về phía đầu kia của sân, để nó lướt lên cơ thể một người nào đó tình cờ đến đây, một bác đưa thư hoặc một người lảng giềng chẳng hạn. Lúc này đây, anh nhìn thấy mình hoàn toàn bất động trên chiếc ghế dài, mắt nhắm lại, điều thuốc lá cháy giữa hai ngón tay trong mùi thơm của thông, và mặt của mặt trời có lẽ đang thiêu đốt da thịt anh: người khách tình cờ đó, bác đưa thư hoặc người lảng giềng, rất có thể hiểu sự cố gắng tập trung cao độ của anh như là một sự thiếu cố gắng, một kiểu thờ ơ thản nhiên

(mọi thứ cứ như là giả). Jyl từ trong bếp gọi anh: thủy triều, nàng nói, không đợi họ đâu.

Körberg thật khổ sở vì nóng. Ông ghi lại điều này. Ông nhớ những cuộc du ngoạn sang tận bên kia núi Kor, lên thật cao, nắng lấp lánh đầu mũi cái gậy cuốc dùng để leo núi, trên những tảng băng dãy Alpes và lớp đông giá trên cùng trong xanh. Körberg lại cả đêm nằm mơ thấy anh quản lý khu săn bắn của đồn điền trước kia, nhưng, nếu các tình huống vẫn như thế, thì ông lại thấy nhân vật này có thay đổi một chút có thể bị ảnh hưởng bởi cuộc gặp hôm qua giữa ông và người hướng dẫn săn bắn của khách sạn. Vì thế anh quản lý khu săn bắn mà ông thấy trong mơ, ông viết, vừa là kẻ chột mắt và thọt chân như trong một bộ phim đen trắng đã xem, vừa là một kẻ da đỏ au như anh quản lý khu săn bắn của đồn điền Körberg, và cũng lại là ông hướng dẫn săn bắn của khách sạn, ông này, và lại, bây giờ cũng bị thọt.

Trong cảnh chính, xuất hiện một sự thay đổi quan trọng. Körberg đứng ở cửa sổ tầng hai, như thường lệ, và anh quản lý khu săn bắn đi ngang sân trước của dinh thự. Cửa sổ mở và anh ta giơ tay lên vẫy. Nhưng Lady Hariett đã biến mất. Đứng bên cạnh ông lại là Stella, nàng ôm ông vào người và hơi đỏ mặt. Đầu ông tựa vào bụng nàng. Anh quản lý khu săn bắn đi xa dần. Lady Hariett đang đi cùng anh ta trong sân. Nàng cầm tay anh ta. Con chó vàng đã biến mất.

Skoltz đang ở trong phòng tắm. Anh cẩn thận nhấc một lưỡi dao cạo ra khỏi vỏ bọc bằng giấy bạc rồi đặt nó trên đầu dao cạo đang mở theo chiều thẳng đứng, anh vặn cái mở lết. Anh dùng chân ấn vào cái bàn đạp của thùng rác. Ở dưới đáy thùng bây giờ là một miếng bông gòn trắng có những vệt đỏ tươi, rồi mảnh giấy bạc phủ trùm lên tất cả.

Sau lần gặp gỡ đầu tiên (Tôm), Körberg đã cố tìm cách gặp riêng Stella, nhưng luôn luôn, trong hành lang khách sạn hay trong vườn,

nàng đi cùng Anton-Mokhtar hoặc người hướng dẫn săn bắn. Và phải có lòng kiên trì của một nhà điều học như ông, sáng sớm đã ra rình ở bãi biển, thì cuối cùng mới bắt gặp được nàng một mình.

Stella thích loại đàn ông thám hiểm. Körberg bắt chước ngay kiểu ăn mặc và đi đứng đó: ông vận một chiếc áo cộc tay nhiều túi thật bảnh, là nếp thẳng cứng, còn bắp chân thì bó vải thật chặt, như các nhà Ai Cập học trong những bộ phim cổ. Ông buộc thêm một chiếc khăn nhỏ màu hồng ở cổ, cùng màu với chiếc khăn tay dặt trên túi ngực.

Nàng xuống cầu thang tay mang dù, nói chuyện với người làm vườn đang cầm bình tưới, rồi vào câu lạc bộ đua thuyền ăn điểm tâm. Körberg đi theo nàng và đến quầy bar, đứng lại đó. Stella ngồi ở một bàn cuối phòng, chỗ ít ánh sáng. Nàng bóc những cái bánh nhỏ ra khỏi túi ni lông. Körberg gọi một cốc vodka và uống một hơi cạn luôn, đầu ngửa mạnh ra sau, quay lại, cười với nàng, đi ra chỗ nàng ngồi, gập đôi người để hôn tay nàng, nói với nàng rằng ông yêu nàng, ra ngồi phệt xuống cát, hai tay ôm thái dương. Stella vuốt tóc ông và thì thào không, giáo sư, không, (chân nàng, Körberg nghĩ, giống như chân Marlène Dietrich trong phim *Thiên thần xanh*). Nàng cầm một cái bánh ở tay.

Con vệt của câu lạc bộ đua thuyền leo lẻo không, giáo sư, không.

Một lúc sau Körberg đã ngự trong cái bồn tắm, menh mang, trong phòng Stella, một cái khăn ẩm đặt trên trán, và lướt một ngón tay mân nguyện trên lớp men của thành bồn. Một viên thuốc sỏi bọt trong chiếc cốc dùng để đánh răng. Stella bước tới bước lui trong phòng, tay ôm má, thì thào nhắc đi nhắc lại Chúa ơi, Đức mẹ ơi, mà Anton-Mokhtar thì lại không có ở đây...

Körberg xé tờ giấy. Ông đeo kính viễn vọng lên vai và ra khỏi phòng. Khi đi ngang sảnh khách sạn, ông chào từ xa ông hướng dẫn viên săn bắn, lúc đó đang dang tay dang chân khoác lác về trọng lượng

của mấy con thú săn trước đám khách du lịch mặc soóc, mặt đỏ au vì nắng.

Sau khi đặt bộ chân kính viễn vọng gần vũng hạ thủy, ông quan sát qua kính đường bay của nhiều loại chim biển, ông theo dõi kiểu lặn của những con nhạn biển và chim mòng dầm, rồi theo thói quen, phân biệt hải âu ba ngón và chim mòng biển màu tro: quan sát làm cho ông dần dần bình tĩnh trở lại. Trên mũi đá sau ngọn hải đăng, hai vệt màu, một cái áo mưa vải dầu màu vàng và một cái áo mưa vải dầu màu hồng, chuyển động ngắt quãng. Điều chỉnh ống kính xong, Körberg thấy là người đàn ông đã bắt hến và cua đầy giỏ, còn cô bé gái thì nhắc những chùm tảo dài, rồi nhặt, rất nhanh, đám sò ốc trốn ở dưới đó.

Jyl xách theo cái vợt, suốt buổi sục sạo trong các hố nước, và buộc vào thắt lưng một cái giỏ nhựa để đựng tôm và sao biển. (Trưa nay, bà Nissa được báo trước rồi, hai người sẽ về nhà ăn những thứ đồ đã bắt được ngoài biển cùng với chỗ ớt ngọt nhồi còn lại.)

Còn Körberg thì lại mời ông hướng dẫn săn bắn cùng ăn trưa. Sau khi kín đáo đi một vòng đến quầy bar, ông bảo anh chàng bồi bàn làm ơn nói, thật kín đáo đấy nhé, cho ông biết tên người ngồi cùng bàn với ông (Alfonso Liffey-Ramirez. Vâng, Ramirez - anh bồi bàn tay như đang bấm dây đàn*), ông nhẹ nhàng kéo ghế rồi đặt tờ báo cạnh đĩa của mình. Ông để cho ông khách xơi tôm, cá, và cả hai chai rượu vang trắng, rồi, trước món bê nấu ô liu, tả cho ông kia, ông bạn Alfonso quý mến, những điều mà ông đã quan sát được sáng nay.

Ồ, chẳng có gì đặc biệt đâu, không. Một bầy chim rất lạ thường làm tổ ở phía Bắc, nhưng vì không có bằng lái xe (đáng lẽ phải thi bằng lúc còn trẻ cơ, đương nhiên), có cái xe đạp thuê thì lại trả mất rồi, nó kêu quá, ông đành lòng quan sát chim biển vậy.

Trừ khi một hôm nào đó ông ta, ông bạn Alfonso quý mến, có việc phải đến tận phía Bắc thành phố. Nếu quả vậy, thì nhân danh tình bạn lâu năm của họ, làm ơn thông báo để ông được biết.

Trên đĩa ăn, nụ cười của Alfonso Liffey-Ramirez bùng nở: lúc nào cũng được, thưa giáo sư, lúc nào cũng được. Rồi ông ta vỗ tay, quay về phía người phụ trách đám phục vụ viên, nói làm ơn mang ra, cho giáo sư và ông ta, chai Bordeaux mà ông ta đã gọi, đéo mẹ, cách đây ít nhất cũng mười phút rồi.

- Tóm lại là hai giờ mười lăm trước cổng khách sạn, Körberg kết luận trong khi thả một viên đường vào tách cà phê.

Cách con đường sỏi một đoạn, biệt thự Stella xuất hiện theo chiều thẳng: hình chữ nhật xanh dương viền trắng của bể nước, những hình tròn tuyệt hảo, màu vàng chanh và màu hồng sen, của hai chiếc dù lớn đặt trên thảm cỏ, và những hình vuông nối nhau của mái hiên xanh lá cây và mái nhà màu cam.

Ngoài hai con chim bồ câu trắng đậu trên mấy viên ngói, căn biệt thự có vẻ hoàn toàn vắng lặng.

Chiếc kính viễn vọng dừng hơi lâu trước cái chuồng, mà chính Körberg đã vẽ, xây, rồi nuôi chim trong đó, thời kỳ mà trước mặt Stella, Anton-Mokhtar và ông còn giả vờ chịu đựng nỗi nhau. Trừ một chút thay đổi là lông chim đã xỉn đi sau bao đời lai giống lung tung (Anton-Mokhtar, thì đúng kiểu của ông ta thế, đã để cho mọi thứ tiếp diễn một cách tùy hứng, Körberg nghĩ), ông nhận ra hai loài chim mà chính ông đã nhập vào vùng này: gà gô đá và chim trâu châu Âu.

Liffey-Ramirez nằm dài trên ghế xe Jeep, hai chân bắt chéo đặt lên cửa xe, còn mũ thì úp lên mặt. Ông ta ngáy. Körberg đi vài bước và đá một hòn sỏi với mũi giày cao cổ bằng da màu sáng có dây thắt đỏ: đợi thôi.

Ông mặc áo sơ mi có in họa tiết đảo Hawaii, chủ yếu là xanh lá cây và hồng, quần soóc kaki, cả bộ là một bản sao tuyệt hảo của hàng rào hoa liễu bách nơi ông đang đứng. Tối hôm qua, khi mua chiếc áo ở cửa hàng lưu niệm trong khách sạn, ông đã nhớ đến cái hàng rào này, nơi Stella và ông, suốt ba tháng sống cùng nhau trong biệt thự của Anton-Mokhtar (với Anton-Mokhtar), thường đi dạo, mỗi buổi tối (không với Anton-Mokhtar). Giáo sư Körberg biết là khi mình đang nhìn ai thì không được để người khác nhìn thấy: lúc nhỏ, nhìn Lady Hariett đang cởi quần áo trong phòng, ông không bao giờ làm trái luật đó.

Những con côn trùng óng ánh bao vây lấy chiếc xe Jeep thành những đám mây dày đặc, lan sang cả ống viễn vọng, rồi quay trở về chỗ rừng cây xung quanh.

Lúc đầu khi nhìn bằng mắt thường, chú bé đã thất vọng vì cái lỗ nhỏ quá (có những tối chú chỉ thấy đôi tất dài của Lady Hariett, cô ngồi ở một cái giường bị che khuất, bên trái, ném chúng về phía một cái ghế bành, bên phải - nhưng đôi tất dài đó, bay ngang qua tầm mắt chú, đã ám ảnh chú rất lâu trong giấc ngủ). Rồi chú phát minh ra một hệ thống tài tình với một kính lúp lồi, thường dùng để kiểm tra đường viền răng cửa tem trong các bộ sưu tập, mà chú đặt vào trong ổ khóa từ hồi chiều. Nhìn qua kính, mọi vật thể cong lại và có ánh xà cừ, cảnh trí trong phòng xếp thành hình tròn và mong manh như một bức tượng tí hon bằng sứ không men của François Boucher đặt trên một cái đĩa nhỏ cũng bằng sứ. Và hôm sau, trong thư viện (Lady Hariett đưa kính soi các bản đồ in hai màu trong cuốn atlas cũ, móng tay cô sơn bóng), chú khoái cảm tột độ khi biết rằng cô không hay biết gì hết.

- Chính ở đây, cô nói, ở biên giới giữa vùng màu đen và vùng màu hồng, quân Anh và quân Boer đã giao chiến.

Körberg cúi qua vai cô và nhìn những tia máu nhỏ màu tím dưới làn da rất trắng trên cổ. Tay chú run run.

Thế rồi, một buổi sáng, Lady Hariett biến mất. Đột ngột. Vì lo cho cô, cho đức hạnh của cô, cho việc học hành của chú bé, người ta đã giao cho anh quản lý khu săn bắn của đồn điền việc tìm kiếm cô, nhưng anh này cũng mất tiêu luôn. Cái lán của anh ta, người ta cho lục tung lên, đã được dọn sạch từ trước đó rồi. Trong phòng cô gái, tất cả đồ đạc cá nhân đã biến mất, cùng với một món tiền cất ở trong một ngăn kéo của thư viện. Tên hai kẻ đó về sau bị tuyệt cấm trong các cuộc trò chuyện của gia đình Körberg.

Körberg lại gần ống kính viễn vọng. Mắt dính vào cái vòng cao su đen mềm mại, tuy vẫn chẳng thấy gì hết, nhưng ông không ngừng nhìn biệt thự, như thể chỉ ngay vài giây sau, Stella mặc váy quần màu trắng và chân đi đất, bóng ma của Stella, sẽ bước ra ngoài thêm tay cầm một cành ô liu, và hát cho ông nghe bài hát của Enta Oumri, em là cuộc đời anh.

Đang ngà ngà vì nóng, Liffey-Ramirez chợt tỉnh ngủ vì bị một con bọ đốt, rồi hỏi xem ông *ngắm vệt thế đã đủ chưa*, phải về *bây giờ* thôi. Körberg đề nghị ông ta về trước rồi khi đêm xuống thì quay lại đón ông: ông muốn đợi đến tối khi trời mát để xem mấy con vệt, chính thế, bay nhộn nhịp.

Máy xe ô tô kêu nhỏ dần, và ở chỗ nó vừa đậu, một vệt dầu đen thấm xuống nền cát.

Ngồi xồm trên bãi biển, Alexandre Skoltz, tay cầm một cành tre, vẽ lên cát ướm một thí nghiệm cho Jyl xem. Đường thẳng đứt quãng, đây, ở chính giữa, thể hiện một mặt phẳng thẳng đứng với hai lỗ

thùng, nhìn nghiêng. Hình chữ nhật, bên trái, là một chiếc máy rọi về phía mặt phẳng một luồng điện tử. Thế đấy, Jyl ạ, chính thiên nhiên, ngay tận phút cuối, cũng không biết là hạt điện tử sẽ đi qua cái lỗ nào.

- Giống như trò chơi cò quay ấy, nàng nói.

- Không, không giống tí nào đâu. Trong trò chơi cò quay, vật lý có tính quyết định, và sau khi xét các tham số, các lực có sẵn, người ta có thể biết được cái lỗ nào sẽ nhận được viên súc sắc.

- Nếu quả như thế, thì người ta đã biết từ lâu rồi. Đứng trên bãi biển, một tay che trán (như một thủ lĩnh da đỏ, cùi tay giơ lên cao), nàng đưa mắt nhìn phong cảnh suốt một trăm tám mươi độ (một đám trẻ con quỳ gối xây lâu đài cát, bên trái, mấy người đang tắm, trước mặt, một đám trẻ con khác chơi với những hình cầu bằng nhựa, bên phải), vừa nhìn vừa xoay hông:

- Anh thử tưởng tượng mà xem, nàng nói, giá như tuyết rơi bây giờ nhỉ!

(Bây giờ cả hai đang ngắm những bông tuyết tuyết diệu rơi xuống chậm chậm, Jyl đứng, áo khoác lạnh, tay đeo găng đỏ đặt lên trán, nhìn toàn cảnh như hồi nãy nhưng theo chiều ngược lại: những chuỗi đèn điện trang trí cửa bar, trẻ con chơi tuyết, bên phải, cái vịnh trước mặt đang từ từ đóng băng - bóng một chiếc xe phá băng hiện lên qua làn sương mù -, một đám trẻ khác ngồi xõm trước một thằng người tuyết, bên trái, Jyl thì thảo:

- Anh thử tưởng tượng mà xem, giá như bây giờ là mùa hè nhỉ!)

Körberg ngồi trên một cái thùng dụng cụ bằng nhôm. Ông chợt chạy nhào về phía ống viễn vọng. Anton-Mokhtar đã mở xong cái cổng sắt. Chiếc Mercedes trườn trên con đường nhỏ đến tận thềm. Một người phụ nữ tóc vàng đóng cửa xe, đi qua bãi cỏ, rồi ngồi xuống dưới cây dù lớn.

Anton-Mokhtar, tay cầm mấy chiếc phong bì, thả mình xuống một chiếc ghế xích đu trước cây xương rồng hoa đỏ. Ông ta đọc lá thư

đầu tiên. Mặt ông ta xị ra. Körberg trước đây chưa bao giờ nhìn thấy ở ông ta những nếp nhăn xung quanh mắt, lẫn cái cổ nhão nhọt như thế. Ông vui mừng ngắm thật lâu các yếu điểm này, phóng to chúng lên, đến mức nhìn thấy, giữa hai nếp nhăn, một cái dây chuyền vàng mảnh. Tay ông run lên khi vặn bộ phận điều chỉnh. Cái dây chuyền vàng là do chính ông, Körberg, đã tặng Stella ít lâu sau khi họ đến Genève.

Körberg lấy tay che bộ ngực, bước mấy bước, rồi đưa chân đá tung một hòn sỏi.

Trên bức ảnh chụp Stella và ông bên bờ hồ Genève, chiếc dây chuyền hiện rõ qua kính lúp. Ông mua cho nàng đúng vào ngày họ đến khách sạn, Stella mệt mỏi vì cảm giác nôn mửa (người ta hy vọng chỉ là nhất thời vì đây là lần đầu tiên nàng du lịch bằng máy bay), muốn nằm nghỉ một mình. (Đó cũng là lời khuyên của bác sĩ khách sạn khi được gọi đến khám cho nàng).

Körberg đi đôi giày mới tinh, kiểu Anh. Ông đã bách bộ rất lâu trong thành phố Genève. Không khí mát mẻ và sáng khoái. Ông uống một cốc bia nhỏ trong một quán bia Đức, thăm nhà Jean-Jacques Rousseau, nhà Ferdinand de Saussure, vườn bách thảo, đi dạo lãng quăng trong khu phố Cổ. Mười một giờ, ông gõ cửa phòng nàng ở khách sạn, chiếc hộp, thắt nơ tím, giấu sau lưng.

Stella ngồi trên giường, mặc áo ngủ. Ông hôn nàng vào má, tặng nàng món quà và ngồi xuống cạnh nàng, tay quàng qua cổ nàng. Tên bác sĩ, tóc vàng da đỏ au, đi từ phòng tắm ra tay đang thắt lại cà vạt. Bây giờ, hẳn ta nói, mọi chuyện chắc sẽ khá hơn, nhưng hẳn ta vẫn khuyên nàng uống mấy viên thuốc vàng và trắng, đúng không nào, cùng với một ít nước, sau mỗi bữa ăn.

Ngay buổi tối đó, họ đã sống đêm tình ái đầu tiên, giữa hai người.

Bởi vì giáo sư Körberg không có thể gọi là trai tân, dù rằng hình ảnh những chiếc tất dài của Lady Hariett, như những con chim cổ rắn,

đã làm tổn hại, trong thâm tâm ông công nhận điều đó, đến sự phát triển sinh dục của ông lúc trẻ. (Khi đã là một người đàn ông nhiều kinh nghiệm, một hôm ông quyết định tâm sự, nhưng lại chính với nàng trợ lý mặc áo blu trắng, chào cô, mà ông đem nỗi niềm ra kể.)

Stella và ông hôm sau ăn sáng rất muộn, đầy phần chẵn, trong khu vườn kiểu Anh cạnh hồ. Một anh thợ ảnh dạo, quần đen và vest đỏ, nơ bướm, đi từ bàn này sang bàn khác, đưa những mối tình thanh xuân vào vịnh cửa rồi chuyển tích kê cho chàng trai, mỉm cười với cô gái, nói là ảnh sẽ xong cuối chiều, đại lộ Các Triết Gia nhé, xin chào những kẻ đang yêu.

Körberg, thỏa mãn, châm một điếu thuốc. Stella đưa tay lên miệng vẻ khó chịu. Ông tắt thuốc. Rồi, tay đặt trên chiếc khăn bàn màu trắng, mắt kiểm tra độ tròn từng chiếc móng tay của mình, ông thông báo với nàng rằng cả hai có chuyện quan trọng để bàn cùng nhau, những chuyện thật tế nhị. Ông đoán rằng nàng, đúng không nào, theo Thiên chúa chính giáo? Bản thân ông, tuy là dân Cơ đốc, nhưng tinh thần rất cởi mở và luôn luôn ngưỡng mộ, đúng thế, đúng thế, trước các nghi lễ phương Đông. Ông hy vọng rằng về phần mình nàng sẵn sàng bỏ qua những cách tân độc đoán, mà chính ông cũng thấy kỳ cục, như “và Đức Chúa Con” hay trình khiết hoài thai của Đức mẹ Maria (Ông cười nụ.) Nếu cả hai đồng lòng, họ sẽ tìm được một thỏa hiệp trước đám cưới, ông chắc chắn thế. Stella trả lời ông là đám cưới, ở thời buổi này, đám cưới...

Qua một làn sương mỏng do khí nóng bốc lên, Körberg nhìn mặt nước hồ yên bình lấp lánh. Trong túi áo vest, tay ông nghịch nghịch cái tích kê bằng bìa cứng của anh thợ ảnh. Một tấm ảnh nhỏ đang được sấy khô ở một nơi nào đó trong Genève. Cái dây chuyền vàng của Stella chắc có thể nhìn được qua kính lúp. Mặt trời vẽ một hình cầu vồng lên tháp phun nước. Ông lắng nghe tiếng hót du dương của

một con chim hồng tước (tiếng Latin là *Acanthis cannabina*) trên một cái cây đằng sau họ. Ở một bàn khác, tay bác sĩ của khách sạn đang đọc báo, ngược mắt mỉm cười với Stella.

Anton-Mokhtar đứng dậy. Ông ta đi qua thềm rồi ngồi xuống bên chiếc dương cầm, trong phòng khách. Ông ta chơi nhạc và hát một điệu du dương, mà Körberg không nghe thấy, nhưng người đàn bà tóc vàng khiêu vũ trước mặt ông ta. Đêm dần buông. (Körberg mở cái hộp bằng nhôm rồi lắp vào kính viễn vọng hệ thống xem đêm có tia hồng ngoại.) Trên tường vẫn treo mặt nạ, gương, cả một bức tranh nhỏ vẽ phong cảnh núi, băng da thuộc và da thô, kỷ niệm chuyến du lịch của họ.

Họ mua nó trong một cửa hàng gần ga Innsbruck, Maria-Theresenstrasse, vừa ở phòng khám ra, để thư giãn tinh thần. Vì Innsbruck lẽ ra với họ chỉ là một trạm nghỉ trên đường đến Vienne, qua ngã Körberg, nhưng họ buộc phải ở lại đây vài ngày vì Stella vẫn trong trạng thái nôn mửa. Tuyết rơi lất phất. Một ông bác sĩ mặt đỏ au, quần cụt kiểu vùng Tyrol, bước vào phòng đợi và hồ hởi bắt tay ông. Sàn nhà bằng gỗ kêu cọt két dưới gót giày của ông ta. Đứa bé, ông ta nói, sẽ ra đời vào mùa xuân, xin chúc mừng.

Körberg quay mặt ra phía cửa sổ lúc đó vẫn mang màu xanh, nơi màn đêm đang xuống, và nhìn những bông tuyết rơi trong im lặng, như một tai họa rất chậm, rất đổi dị dạng.

Họ gửi bức tranh nhỏ, vẽ phong cảnh núi, băng da thuộc và da thô đó cho Anton-Mokhtar, kèm mấy chữ: kỷ niệm Innsbruck. Họ không đến Vienne nữa, kết thúc hành trình ở Körberg nơi mẹ ông đang đợi hai người. Stella muốn xem thành phố mang tên cụ tổ của ông, dù ông đã giải thích cho nàng rằng thực tế là trái lại.

Từ cửa sổ toa tàu, Körberg nhìn những phong cảnh mà ông yêu mến chạy lướt qua, chim săn mồi và thông, cho đến tận dãy núi Kör

quá đổi thân thuộc, nằm ở phía chân trời. Stella quyết định học tiếng Đức, nên cúi mắt xuống cuốn sách giáo khoa đặt trên đầu gối và, thi thoảng, im lặng mấp máy đôi môi tô son.

Trong một căn nhà nhỏ của thành phố, mẹ ông đề nghị phát âm họ tên thật của Stella, lấy làm tiếc là cuộc hôn nhân của họ, không những không môn đăng hộ đối, mà còn đi ngược lại tôn giáo. Bà cũng tiếc là cha mẹ nàng không thấy cần thiết phải đến tận đây. Körberg bỏ hột anh đào ngâm rượu vào cái đĩa nhỏ, ngay trước mặt, rồi bắt chéo chân. Mẹ ông vừa bắt đầu câu chuyện dài dòng về trận đánh Zenta.

Lúc lần đầu tiên bà dừng lại, ông nói với mẹ là Stella không biết tiếng Đức.

- *Ngu xuẩn*, bà kết luận.

Körberg, quay về phía Stella, dịch rất tùy tiện là mẹ ông thấy nàng dịu dàng. Stella, nhờ đã học mấy trang đầu cuốn sách giáo khoa, cũng khen lại:

- *Bà cũng vậy, bà cũng ngu xuẩn*.

Ông bứt mình khỏi chiếc đi văng bọc vải hoa, đặt lại tấm dựa đầu vào đúng chỗ, hôn vào trán mẹ, rồi cầm tay Stella kéo đi.

Buổi chiều, dưới mưa lất phất, họ đi thăm đồn điền Körberg ngày xưa. Mặc tạp dề bằng vải xéc và đi đôi ủng to bằng cao su, Körberg ngồi trong góc taxi, một tấm bản đồ cực chi tiết đặt trên đầu gối, chỉ đường cho lái xe. Ông xuống xe, gạt rào chắn rồi dạo bước trên cánh đồng, trong khi đó Stella ngồi đợi, cửa xe vẫn mở, và ngược nhìn bầu trời màu trắng nhờ.

Theo tính toán của ông, thì viên sỏi có lẽ đang nằm ở đâu đây, gần trạm bán xăng hay dưới nhánh rẽ của xa lộ.

Đêm xuống. Một ngọn đèn trên chiếc dương cầm được thắp sáng. Anton-Mokhtar chơi đàn và hát một điệu dịu dàng hơn, trong khi đó người đàn bà tóc vàng bắt đầu cởi quần áo.

Körberg nhắm mắt. Ông nghĩ là phải hành động. Bỗng qua vườn thật kiên quyết. Siết chặt Anton-Mokhtar từ phía sau, thật lạnh lùng. Giật ở cổ hắt cái dây chuyền vàng của Stella. Hoặc lắp máy ảnh lên trên kính viễn vọng. Hoặc đi vào bằng cửa sau, không gây tiếng động. Đập mạnh cái nắp nhỏ của dương cầm lên những ngón tay đẹp đẽ của hắt, rồi lợi dụng lúc hắt đang ngạc nhiên và đau đớn, đẩy đầu hắt về phía trước, đập cái nắp lớn của dương cầm lên cổ hắt, ngồi lên, còn chân thì đặt lên cái nắp nhỏ.

Đèn xe Jeep chiếu sáng những lối rẽ đầu tiên của con đường. Körberg dịch cái hộp nhòm ra. Liffey-Ramirez liếc nhìn kính viễn vọng, rồi đẩy ra bằng cùi chỏ, và nói trông cũng khá đấy chứ, cô bồ câu bé bỏng kia?

Liffey-Ramirez nháy mắt. Körberg nhún vai rồi tháo hệ thống tia hồng ngoại.

Khi xe xuống dọc theo biệt thự Stella, ông đề nghị tắt đèn xe. Liffey-Ramirez làm theo, tuy rằng rất sợ cảnh sát vì, ông ta nói, chạy xe không đèn là không đúng phép.

Ông ta lấy cùi tay ấy vào Körberg:

- Đây: chạy xe không đèn, là không đúng phép đâu.

Körberg lịch sự mỉm cười.

Ngẩng mặt nhìn trời, ông đắm mình trong những vì tinh tú như đang ngồi trên vòng quay hình số tám khổng lồ trong những ngày lễ hội, tóc dựng đứng lên, và nuốt hàng chùm sao, của vô cùng vô tận.

6

Nào, Skoltz nói, chúng ta hãy thử lấy một hộp chứa đầy khí có cùng nhiệt độ. (Cho rằng có tồn tại nguyên tử trắng và nguyên tử xanh, Jyl nhận xét, là một ý kiến hoàn toàn tưởng tượng.) Thí dụ sáng nay chính xác hơn.

Anh mở cuốn sổ tay đặt trên khăn tắm và bắt đầu đọc.

- Năm 1871, J.C. Maxwell (1831-1879) đề nghị đặt vào giữa cái hộp một tấm ngăn, trên đó gắn một nắp nhỏ có thể mở ra đóng vào. Một kẻ quan sát rất chăm chú, một con quỷ (thí nghiệm này có tên là con quỷ Maxwell) nhìn rõ chuyển động của từng phân tử, có thể mở hay đóng nắp, sao cho các phân tử chuyển động nhanh đi theo cùng một hướng, như thế này này, và các phân tử chuyển động chậm đi theo hướng ngược lại. Em hiểu anh nói gì chứ?

Rất nhanh, khí trong hộp không có cùng nhiệt độ nữa, bởi vì tất cả các phân tử năng động nhất thì đã ở cùng một bên rồi. Từ việc mất trật tự, con quỷ đã tạo ra trật tự, đã phá được định luật hai của nhiệt động lực học, như vậy nó đã đi ngược lại thời gian (từ thời kỳ lạnh nhất đến thời kỳ nóng nhất), hoan hô.

Nhưng (Skoltz gạch một chữ X to tướng lên cái sơ đồ trên cát) đây là phép trừ tà ma: để con quỷ có thể nhìn thấy các phân tử, lý tưởng là phải lắp cho nó một cái đèn pin, hay một cái kính viễn vọng có gắn một chiếc đèn chiếu, đó sẽ là nguồn bức xạ luôn mất cân bằng, và như vậy con quỷ sẽ luôn đi từ mất trật tự này sang mất trật tự khác.

Jyl hỏi anh là tại sao anh cứ phải kể cho nàng những câu chuyện vòng vo như thế.

- Anh cũng không biết nữa, Skoltz nói.

Ngồi xồm trên cát, anh chiêm một điều thuốc. Jyl đi về chỗ cát khô.

- Với lại, cái thí nghiệm này, nàng nói, em cũng đã đọc ở trong bách khoa toàn thư rồi.

Skoltz nhét cuốn sổ tay vào áo vest rồi ra chỗ nàng. Để được nàng tha thứ, anh rủ nàng đi xem vườn thú (đằng nào thì anh cũng hứa rồi, nàng nói), và băng qua khu cảng bằng cầu chuyển.

Hết cầu thang, họ đi bộ trong các con phố, vào giờ này thành phố vắng queo.

- Mình đi bằng xe hai cẳng à?

- Ừ.

Jyl nhìn bóng họ ở sau lưng, thi thoảng chạy lên trước mặt, cắt đôi bởi một bờ hè hay uốn cong bởi những chiếc xe ô tô đậu hai bên, các đường màu nâu băng qua cổng vườn thú, vượt qua trước các chuồng ở sâu bên trong là những con vật bình thường rất nhanh, báo sư tử, mèo rừng Nam Mỹ, bây giờ đứng im lìm tìm bóng mát, nhìn họ đi qua bức tường kính gồm những mảnh mỏng xếp thẳng.

Nhiều lần họ đi qua vũng cảng bằng cầu chuyển, trong tiếng ồn của các bộ phận kim loại và các ròng rọc han gỉ. Dầu hỏa vẽ những hình cầu vồng xung quanh các động cơ tàu thủy. Một con hải âu đậu xuống gần họ trên cái tay vịn. Những quả cam nổi trên mặt nước. Ba thanh niên làm việc dây chuyền, một đứng trên kè, một đứng trên cầu tàu, còn người thứ ba đứng trên bờ một chiếc thuyền buồm. Họ chuyển nhau mấy cái thùng, sữa bột, một buồng chuối.

Chiếc thuyền di chuyển nhẹ dưới sức nặng của mấy cái thùng. Trên một chiếc thuyền khác, một phụ nữ trẻ đang nhặt rau.

- *Này, bao giờ các anh đi?* cô ta hỏi.

- Ngày kia, một người trong bọn họ trả lời. Tám hôm nữa, chúng tôi đã ở quần đảo Cap Vert rồi.

Körberg ra khỏi khách sạn và đi cầu thang bằng đá xuống tận cầu lạc bộ đưa thuyền. Ông cầm một kẹp tài liệu bằng bìa cứng. Trước quán bar, ông lấy ngón tay xoay xoay cái cột bày bưu ảnh lưu niệm.

Jyl và Skoltz ăn trưa trên con đường ven theo sườn núi, đoạn nhìn xuống cảng, họ ăn cá nướng sốt chanh. Skoltz mặc áo sơ mi xanh lá cây và áo vest trắng ngà. Anh phác thảo chương trình buổi chiều: anh có hẹn với Anton-Mokhtar còn Jyl thì ở lại nhà với bà Nissa. Anh đề nghị nàng đọc trong bách khoa toàn thư những phần viết về Bohr, Heisenberg và Schrödinger, rồi giải bài cờ vây mà sáng nay anh đã xếp sẵn trên bàn cờ.

Anh cởi khuy áo cổ và luồn một tay ra sau gáy. Không khí như nhựa nóng dính chặt vào da. Anh nhìn cái đĩa của mình, miếng chanh óng ánh và lát rau xà lách, ngần ngại, rồi quyết định ấn điều thuốc lá xuống miếng chanh, miếng chanh kêu xèn xẹt. Jyl đã rời bàn. Anh uống cà phê một mình. Một phụ nữ, bàn bên phải, cười với anh. Xa hơn, một cặp già lão gọi người phụ trách tiệm ăn. Cụ ông đưa tay chỉ cụ bà:

- Bà nhà tôi và tôi, cụ nói, buộc phải ăn chế độ kiêng mận.

Người phụ trách tiệm ăn ghi thông tin vào một tập giấy, đi vòng qua bàn, rồi dừng lại trước Skoltz:

- Cô nhà đang chờ ông ở ngoài thềm.

Jyl mặc váy màu vàng mơ và áo thun xanh lá cây, trên một mũi đất nhỏ nhô ra biển tràn ngập luồng ánh sáng trắng sôi sục, nàng cúi người trên lan can. Bên kia đường, những cây keo và thông chạy như

thác theo những tảng đá lở xuống tận vũng biển. Nàng đứng cạnh một ống viễn vọng lớn dùng để xem toàn cảnh và xin anh cho ít tiền xu.

Mấy đồng xu, vừa rơi vào máy, làm khởi động bộ ngắm và máy ghi âm, Jyl, vì quá vội, ấn nhầm vào một ngôn ngữ lạ hoắc. Với lời chỉ dẫn khó hiểu đó, nàng quan sát phong cảnh: hải cảng với những con tàu chiến hoặc tàu thương mại thả neo ngoài xa, gần hơn có một chiếc thuyền buồm xanh lá cây và tím, rồi hai cây đèn biển của Sainte-Monique, phía bên kia vịnh, rồi đầu những người đang tắm nổi lên trên mặt nước.

Một đoàn khách nghỉ hè bây giờ đang vây lấy họ, lắng nghe lời chỉ dẫn và đưa một tay trở các điểm du lịch, tay kia thì đưa lên trán che nắng. Skoltz nhìn đồng hồ trên tay.

Jyl vặn to ống kính để xem hai nhân viên bờ biển đang đi xe đạp nước trên vũng hạ thủy, và, dưới mái hiên quán bar, một ông già đang uống sữa pha bạc hà gần một con vẹt. Ông ta đang viết một bưu ảnh cho nhà xuất bản, vừa nghĩ nên viết câu văn thế nào ông ta vừa đập nhẹ cái bút lên môi.

Việc cập nhật bộ *Đại Atlas điều học* đang tiến hành rất tốt: chính tôi hôm nay sẽ lo việc vẽ chim vàng anh.

Körberg duỗi chân và lấy khăn tay lau mặt, rồi lại cầm bút. Ông lật tấm bưu ảnh. Đó là tập hợp của bốn tấm ảnh bé: tấm đầu tiên chụp câu lạc bộ đua thuyền và quán bar, tấm thứ hai chụp vịnh Sainte-Monique nhìn từ máy bay, tấm thứ ba chụp cảng và cầu chuyển, tấm cuối cùng chụp con đường ven vách núi, trên đó thấy rõ mỏm đất và cái ống viễn vọng mà Jyl giờ đây buộc phải rời đi với đầy nỗi tiếc. Ông kéo dài chữ ký, để cho bưu ảnh không có vẻ trống trải quá.

Liffey-Ramirez, rất đúng giờ, ngồi xuống một chiếc ghế đầu bằng liễu giở, đối diện với cốc sữa pha bạc hà mà ông ta tò mò nhìn. Körberg đã chuẩn bị một bộ hồ sơ dày cho họa sĩ: những bài viết chuyên khảo trọn vẹn về nhiều loại chim vàng anh, các chỉ dẫn chính

xác về màu sắc, những bức ảnh, tất cả để trong một kẹp tài liệu bằng bìa cứng mà ông nhét vào trong hộp để găng của xe Jeep.

Chiếc xe đi dọc theo Vườn Tiên. Những luồng gió đầy bụi (ở đây người ta gọi là những mụ phù thủy) uốn éo thổi qua quảng trường Vũ Khí. Liffey-Ramirez bấm còi để xua đàn lừa.

Körberg lấy lòng bàn tay vỗ ống quần cho sạch bụi. Ông hơi nghiêng người, xoay gót chân để giới thiệu ông Ramirez, một người bạn.

- Mời vào.

Tôi đóng chiếc cửa sắt sau lưng họ rồi tiến lên phía trước, trên lối đi dốc (hai bên trồng cây trinh nữ, cây tai hùm lá nêm và hoa cúc chuồn chuồn) đến giàn cây hình vòm. Körberg đặt lên chiếc bàn thấp kẹp tài liệu. Dưới chân chúng tôi toàn thành phố hiện lên, trắng và vàng dọc theo những dãy đồi xanh lá cây, và sau cùng là biển hình vòng cung màu tím. Tôi dang tay:

- Hang của một con đại bàng hoặc của một kẻ nhìn trộm đấy.

Trước mắt chúng tôi, mặt trời cắt tia đường viền màu hồng và đỏ sậm của một nhà thờ. Ở những cành leo to nhất dùng để làm sườn cho giàn cây hình vòm, treo ba cái đèn lồng Trung Quốc bằng giấy có vẽ rồng. Tôi đặt một cái khay lên chiếc bàn thấp. Liffey-Ramirez không có vẻ khoái lắm, trà à, không, cảm ơn.

Körberg mở cái kẹp tài liệu đặt trên đầu gối. Ông muốn, ông nói, một công trình thật chính xác. Ông không đòi hỏi gì hơn thế: một công trình cực kỳ chính xác.

Tôi mỉm cười:

- Chính xác, tôi không biết thế có nghĩa là gì. Chính xác, điều đó không tồn tại, tôi nghĩ thế.

Korberg đặt tập tài liệu xuống bàn. Những ngón tay ông run lên trên cái kẹp bằng bìa. Ông quả là khá mệt mỏi mỗi ngày nay, ông nói. Điều ông muốn, đó là một công trình khoa học, không chê trách được, rõ ràng, do vậy mà chính xác. Tất cả chỉ có thể thôi. Xin chào ông.

Ông quay sang Liffey-Ramirez. (Chiếc kính viễn vọng đang ở trong xe Jeep, và Körberg muốn trở lại con đường nằm bên trên biệt thự Stella.) Nhưng - tôi đưa tay ra và đặt lên cánh tay ông, ngay trên tập hồ sơ - tôi muốn kể cho ông nghe một giai thoại, về đề tài này:

- Một người cha đi dạo trong rừng với thằng con trai. Họ đi song song bên nhau để không lạc nhau, vì đây là một cuộc đi dạo mang tính sư phạm. Người cha lấy gậy chỉ cho con trai những đám lá rậm rạp, bảo nó là những con chim, rất thường xuyên, lấy mỏ *bới* lông. Sau nhiều giờ ngồi trên một đám rêu ở một gốc cây quan sát, thằng con vẫn chưa hiểu được lý do của điều đơn giản đó: tại sao những con chim, rất thường xuyên, lại lấy mỏ *đào* lông^{*}).

Thế là người cha lôi một cái tẩu từ trong áo va rơi ra, dùng cái gậy trải trải những chiếc lá khô, rồi ngồi xuống, lưng tựa vào một móm đất, và giải thích đơn giản thế này: chim *bới* lông vì chúng có chấy. Lông chúng sản xuất ra một loại gàu, nên nuôi chấy. Và, vì một chút sáp vãi ra dưới chân chấy, một loại ký sinh làm ổ ở đó, và ăn cái sáp này. Nhưng vì sáp nhiều quá ký sinh không tiêu hóa hết, nó thải ra một loại chất lỏng ngọt và được ưa chuộng bởi một loại sinh vật khác, cũng nhỏ tí ti và dễ thương như thế. Vân vân và vân vân.

Tôi đập cái đầu tẩu xuống đáy gạt tàn. Tôi mở một túi thuốc lá sợi và xoay xoay một quả cầu màu cam giữa các ngón tay.

- Ông có muốn tôi vẽ chấy không ?

Tôi cho miếng cà rốt vào túi thuốc lá sợi, rồi khép lại. Körberg đứng lên - Xin chào ông - và bảo Liffey-Ramirez đi theo mình. Họ

bước trên con đường nhỏ. Trong bụi nguyệt quế sau lưng họ, những con chim bông lau kêu kíp, kíp, kíp.

Rắc, rắc, rắc, đèn hiệu nhấp nháy của chiếc xe Jeep kêu rắc rắc, nhưng Liffey-Ramirez, tuy nhìn thấy một đốm đỏ đang lớn dần trong gương hậu, nhưng không thể nào quay xe lại được. Chiếc mô tô chạy ào ào về phía vùng đồi (bbbbrrrrraaaaaooooooooouuummmmmnnnnn). Chiếc xe Jeep quay lại phía thành phố rồi theo con đường ven vách núi về phía Bắc.

- Đúng là một thằng cha kỳ quặc, Liffey-Ramirez nói.

Ông ta quay về phía Körberg:

- Ông có thích không, cái chuyện hăn kể ấy?

Một chiếc xe buýt phanh bất ngờ trước mặt họ. Körberg đề nghị ông ta nhìn đường chăm chú hơn. Sau chiếc xe buýt vàng và đen có vẽ một chai xô đa rất to, hai bà già mặc đồ thuê ren bước khập khiễng trên phần mặt đường dành cho người đi bộ, hai tấm lưng gập lại dưới hồi chuông đang lướt qua quảng trường Vũ Khí, hai mươi ngón tay cong lại trên hai cuốn sách kinh, và cuối cùng, vẹn toàn, cũng đến được cái cửa gỗ xanh dương của nhà thờ.

Xe buýt lại nổ máy, đi sang làn bên trái. Một chiếc Mercedes do Anton-Mokhtar lái, ra khỏi con đường dẫn lên biệt thự Stella. Körberg cúi đầu.

- Thay đổi chương trình thôi, ông nói.

Họ đi theo chiếc Mercedes cho đến sân quần ngựa Wattayeh. Chiếc xe dừng lại dưới những cây thông trước cửa quán giải khát. Họ vượt qua nó để tìm một chỗ tiện việc theo dõi, và Körberg đứng gần một bờ rào tháo dụng cụ ra. Liffey-Ramirez chiêm một điệu xì gà Nina, mở một cuốn họa báo con heo đặt trên tay lái và lật lật. Qua thị kính, Körberg nhìn thấy những con ngựa đang sưởi nắng.

- Đúng là một thằng cha kỳ quặc, Liffey-Ramirez nói.

Anton-Mokhtar bước lên cầu thang khán đài và ngồi xuống cạnh Skoltz.

- Bác đã cá ba nghìn con Tyranausaurus rồi đấy, nhưng bác chỉ tin cháu một nửa thôi. Người ta nói là nó bị u kheo. Rồi sẽ biết.

Phát thanh viên thông báo giải Cúp Vàng sẽ được bắt đầu trong vài giây nữa.

- Cháu thật sự vẫn không muốn cá à?

- Không, Skoltz nói.

- Thế nào cháu cũng chán đấy.

- Thì chúng ta trò chuyện vậy.

Anton-Mokhtar rút ra một cái ống nhòm và theo dõi Nightingale, con ngựa được ngưỡng mộ nhất, đang chạy rất thoải mái.

- Thế cháu muốn nói chuyện gì ?

- Chuyện Stella, Skoltz nói. Stella là người như thế nào?

- Jyl hỏi cháu à?

- Không.

Anton-Mokhtar không nhìn thấy con Tyranausaurus đâu, nó mất hút trong đám dẫn đầu.

- Nàng đã sống ở cảng đến khi mười sáu tuổi, ông ta nói. Sau đó đến ở nhà bác. Chưa bao giờ học hát, nhưng nàng có một tài năng đặc biệt. Chính bác sáng tác bài hát, đệm dương cầm cho nàng trên sân khấu. Hai năm thành công rực rỡ. Mười tám tuổi, bệnh tật. Đây thực sự không phải là lúc để nói về chuyện đó. Cháu giỏi thật, hoan hô. Nhìn này.

Ông ta đưa cho anh cái ống nhòm.

Körberg lúc này đã thấy cả hai trong tầm ngắm của mình. Họ ngồi ở hiên quán giải khát. Skoltz đẩy lại về phía Anton-Mokhtar một xếp tiền giấy đặt giữa họ trên mặt bàn, không, anh không muốn gì hết, hoàn toàn do thích thôi.

Körberg gọi Liffey-Ramirez. Ông hỏi ông ta xem có biết người đàn ông ngồi trước mặt Anton-Mokhtar không. Liffey-Ramirez, một tay đặt lên kính viễn vọng, quay đầu lại:

- Không, chưa bao giờ nhìn thấy.

Körberg đặt chiếc máy ảnh lên ống ngắm. Liffey-Ramirez quay trở lại ngồi xuống cạnh tay lái.

Skoltz lật tờ chương trình, có in phiên bản bức *Ascot* của Dufy và bức *Những con ngựa đua ở Longchamp* của Degas. Anh đặt xuống và châm một điếu thuốc.

- Bệnh gì thế?

Anh nghịch nghịch cái bật lửa của Anton-Mokhtar, lấy ngón cái kéo cái nắp lên, quay cái bánh xe - lửa cháy lấy ngón trỏ đập cái nắp xuống.

- Lúc đầu là thay đổi tính khí, khi đó nàng đập phá đồ đạc, kêu hét ầm ĩ, hoàn toàn không chú ý...

Ông ta rút một điếu thuốc. Skoltz châm lửa cho ông ta.

Tất cả xấu đi, theo ông ta, khi nàng phải lòng một anh chàng đến nghỉ ở khách sạn White-House, vẫn hoàn toàn không chú ý, ông ta tin chắc là thế.

Ông ta buộc phải đi vắng vài ngày và không muốn để Stella một mình ở biệt thự. Ông ta đưa nàng đến khách sạn dưới sự giám sát của một người bạn, là hướng dẫn viên. Và tại đây, chính vì không chú ý, mà nàng đã gặp hắn ta. Sau đó cả hai đi du lịch và, khi họ trở về, ông ta hiểu rằng tất cả thế là hết.

Ông ta đã nài nỉ để cả hai đến nhà ông ta ở, trong biệt thự. Thăng cha ấy (ông ta quên mất tên rồi, nhưng cũng chẳng quan trọng) chẳng nhận thấy gì hết. Hắn ra đi từ sáng sớm để quan sát chim chóc vùng nông thôn, trong các bữa ăn rất ít nói. Anton-Mokhtar đề nghị hắn xây cái chuồng chim, điều đó cũng làm hắn bận bịu chút ít vào các buổi

chiều. Trong lúc đó ông ta lên phòng tìm Stella, con nhộng nhỏ nằm bất động trên giường trong bóng tối, lắng nghe cơ thể mình khô héo, rơi thành tro bụi xung quanh nàng, đôi mắt đen nhìn đăm đăm những làn lửa nóng bỏng đang tràn qua khe cửa sổ. Trên tường đầy vết son môi. Stella thông báo cho ông ta là mình đang mang thai.

Rồi người ta thấy nàng ngủ ở ngoài vườn. Hay trong bồn tắm. Nàng cầm chìa khóa xe Mercedes và biến đi đâu nhiều giờ, một lần hai ngày liền. Khi trở về mặt nàng tả tơi, bên cạnh là một chàng trai trẻ mà nàng tiễn ra tận cổng. Nàng ngồi xuống chiếc ghế xích đu trước bể nước, thằng cha đó đứng bên cạnh. Hắn muốn cho nàng xem công trình đã hoàn thành của mình. Nàng vào chuồng chim, dừng lại chính giữa, vừa nhìn đám chim vừa đưa hai tay mân mê váy. Rồi nàng chạy dọc theo những chiếc sào, giết những con chim non trong tổ. Lông bay tứ tung xung quanh nàng, dính vào tóc. Nàng bắt váy ra. Một con chim mổ sâu vào trán nàng. Thằng cha kia chạy theo nàng kêu toáng lên, làm đổ cả máng ăn và lọ đựng nước cho chim.

Cả hai thôi không đi dạo, buổi tối, trên con đường phía trên biệt thự nữa. Nàng không ở chỗ cũ nữa, mà ở một mình trong một căn phòng nhỏ. Nàng ngồi trên giường, giữa đồng hồ báo và thuốc men, son phấn và bánh kẹo mà thằng cha kia mang cho, cả ngày nhìn cái phong vũ biểu mà chính nàng đã sai đặt ở đó. Sau một kỳ nằm viện ngắn ngày, trong một bệnh xá trên cảng, thằng cha kia đã xin để nàng được chuyển đến Genève, trong một viện tâm thần. Bác không bao giờ gặp lại nàng nữa. Jyl ra đời ở đấy.

Anton-Mokhtar nói, hai mắt cúi xuống:

- Jyl ra đời ở đấy, ông ta nhắc lại, và rồi nó trở về đây.

Skoltz nghịch cái bật lửa. Mở nắp, gạt nút, lửa cháy.

Đóng, không gì nữa. Mở nắp, gạt nút, lửa cháy.

- Này. (Anton-Mokhtar đặt chùm chìa khóa xe lên bàn.) Lấy cái Mercedes mà đi: mai trời mưa. Còn bác lại không cần đi đâu cả.

Khi anh về đến sân căn nhà nhỏ, thì Jyl đang ngồi trong chiếc ghế dài, đeo kính đen. Bên cạnh nàng, xếp chồng chất nhiều tập của bộ bách khoa toàn thư. Nàng đưa tay chỉ một chai nước cam đặt chót vót trên đỉnh đồng sách.

Nàng vừa, nàng nói, làm một bài toán rất thú vị để hiểu rõ hơn lịch sử nhân loại. Anh nhìn này: chỉ cần cho tất cả chạy nhanh hơn lên thôi.

Nàng vẽ một biểu đồ trên một tờ giấy. Skoltz ngồi xồm xuống cạnh nàng.

- Hãy chấp nhận, để kể câu chuyện này, quay lại năm mươi nghìn năm (nàng căn cứ một cây bút chì) và sử dụng thước đo là một phần nghìn:

Như vậy, lịch sử nhân loại đã bắt đầu cách đây năm mươi năm. Cách đây mười năm con người đã rời hang động để xây lên nhà cửa. Chữ viết được phát minh cách đây năm năm. Chúa Jésus sinh ra cách đây hai năm. Năm nay, Christophe Colomb đã tìm ra châu Mỹ. Cách đây ba tuần, người ta vừa phát minh ra xe hơi. Em ra đời thứ Hai vừa qua, và hy vọng còn sống thêm ít lâu nữa.

Còn anh, Skoltz ạ, chiều mai anh sẽ không ra bờ biển đâu nhé.

Nàng cười to.

7

Körberg nhìn cái vòi nước trong lòng bàn tay như một con chim đã chết và khá nặng. Đỉnh của nó bằng thép có lắp một miếng nhựa đỏ. (Ông đã đặt máy cạo râu xuống thanh thủy tinh đục, dưới tấm gương, khi cái máy nước rơi vào lòng bàn tay ông). Ông ngần ngại nhét nó vào trong túi áo ngủ, quay lại phòng ăn, và đặt nó lên trên cái khăn bàn trắng, bên cạnh đồ ăn sáng của ông. Liffey-Ramirez quan sát ông.

- Đó là cái vòi nước, Körberg nói. Của bồn rửa mặt.

Rồi bằng một động tác thân mật, ông mời ông khách, Alfonso quý mến, cứ ăn sáng tự nhiên. Một giỏ đựng bánh mì và bánh sừng bò, một bình nhỏ đựng nước cam, một bình cà phê. Körberg đập nhẹ phần trên quả trứng bằng cái đầu thìa. Liffey-Ramirez phết bơ lên những mẫu bánh mì để chấm trứng. Cái cửa mở ra ban công nơi một con sóc đang chạy qua. Từ bãi biển văng lên tiếng kêu của chim hải âu và những người đi tắm sớm, mặt trời đỏ rực đang mọc trên bầu trời còn mù sương.

- Thế nào, mấy tấm ảnh ra sao rồi? Körberg hỏi.

Liffey-Ramirez lau miệng rồi đi ngang căn phòng đến chỗ cái giá nơi có treo áo vest của mình. Ông ta dựng cái túi bằng giấy bóng, theo chiều thẳng, tựa vào cái cốc. Körberg đặt những tấm ảnh đen trắng lên khăn bàn: Anton-Mokhtar trên con đường ven theo bãi quây ngựa, đằng sau có một tay đua đang âu yếm con ngựa của mình (dưới làn da ẩm ướt hiện lên những thớ cơ bắp dài và, những cẳng chân thanh mảnh), Skoltz và Anton-Mokhtar ngồi ở quán giải khát, trên mặt bàn

đặt cái ống nhòm của dân cá cược và một xếp tiền. Körberg ăn hết quả trứng.

Ông rút thêm cà phê, đặt ngón tay giữa lên một tấm ảnh chụp cận cảnh Alexandre Skoltz, đang đưa tay che trán. Ông cầu xin Liffey-Ramirez giúp mình theo dõi người đàn ông đó, thằng cha này này (đập đập đốt tay thứ nhất xuống), mọi nơi mọi lúc.

Liffey-Ramirez cho ngón tay vào trong vỏ trứng, làm một giọt lòng đỏ bắn ra rồi rút xuống dọc theo cái chén đựng trứng.

- Người đàn ông này đã ăn cắp của tôi đứa con gái nhỏ, Körberg nói. (Ông đứng lên.) Nhìn cái ảnh này. (Ông hét lên, bước nhanh trong phòng, vung tay.) Tiền, trên ảnh ấy, ông có nhìn thấy không? (Ông lấy khăn chùi mặt, vẫn nói to, đi lại, không nghe thấy mình nói gì nữa, không hiểu gì nữa, đột ngột bị tấn công bởi những hình ảnh khác, những kỷ niệm khác, ám ảnh bởi hình ảnh anh nông dân đang thành linh đánh thức ông vài chục năm về trước, kỷ niệm cũ màu đen trắng về anh nông dân, do cha ông vừa thay đổi ý kiến gửi đến, anh ta đẩy cửa lán, lôi tay áo ông, ánh sáng xám trên thảm rơm, kéo ông, tắc, lên lưng ngựa. Ông ném cái vôi nước xuống sân rồi chui vào phòng tắm).

Cái cửa sập lại. Giọt lòng đỏ trứng rơi xuống khăn bàn trắng, thấm vào đó. Liffey-Ramirez rút ngón tay ra khỏi vỏ trứng và chùi vào khăn ăn. Tay ông ta run run nâng tấm ảnh chụp Alexandre Skoltz, rồi nhìn kỹ mặt anh: bàn tay khum lại trên trán, nhìn thật sâu vào bóng râm và che mắt, chỉ mỗi đuôi mắt là nhìn thấy, nhú lại vì ngược sáng. Những vết chân chim chạy dài đến tận chân tóc.

Chính ở vị trí đó mà con côn trùng (một con ong vò vẽ hoặc một con ruồi trâu đậu trên gọng kính râm rồi trèo về phía tai) vô tình chạm đầu đôi cánh trong suốt vào da Alexandre Skoltz. Bàn tay phải rời tay

lái và ngón trở sắp gãi chỗ ngứa khi con côn trùng, tưởng bị đe dọa, cắm cái ngòi nọc chéo vào da anh.

Bàn tay trái, cho đến lúc này hoàn toàn thờ ơ, lái chiếc Mercedes vèo vào vệ đường. Jyl hét lên. Chiếc xe nằm im ngang đường, mùi lốp xe bị hun nóng bốc lên. Máy xe tự tắt, trả lại trường âm thanh cho đám cào cào, cờ rích, cờ rích, cờ rích.

Skoltz bỏ kính ra. Anh nhìn kỹ mặt mình trong gương xe, những vết đỏ do hai miếng đệm trên tròng kính hằn hai bên mũi, và cái nốt đốt chạy đến tận chân tóc. (Con côn trùng đen và vàng - một con ruồi gấu - đứng im cách đó vài thước trên một cụm hoa to màu trắng, cái bụng vẫn còn rung rung.)

Jyl lắc đầu rồi đưa một tay vuốt tóc.

Skoltz cho chiếc xe đi nốt đoạn đường, trở về nhà, đọc tất cả những phần nói về vết đốt, về côn trùng, trong bách khoa toàn thư, đứng trước gương trong phòng tắm kiểm tra xem nốt đốt của mình thuộc về loại nào, rồi, yên tâm, cắt lọ thuốc đỏ vào trong tủ phòng tắm.

Anh đeo kính đen lên mắt khi cả hai lại quay trở ra phía thành phố, rồi đi qua chỗ chắn tàu. (Đằng xa, một con tàu xanh và đỏ, cửa kính sáng choang dưới ánh mặt trời, chậm chậm chạy theo đoạn dài vòng phủ đầy đá.)

Chiếc Mercedes dừng lại trước trạm phục vụ ô tô Nizwa, và Skoltz đưa chìa khóa xe cho một người bơm xăng mặc quần áo bảo hộ màu xanh. Jyl mở cửa xe, đi qua con đường giữa hai hàng cọ (dưới gốc cọ có treo những thùng đựng rác màu đỏ và trắng) đến tận máy bán kẹo tự động.

Skoltz ghé sát mặt vào gương xe. Anh quan sát cái hình tròn màu đỏ trên thái dương, nước da vàng au phủ lông tơ, xung quanh, tròn mắt xanh dương và những nếp nhăn từ đuôi mắt. Hai móng tay quây lấy chỗ bị đốt.

Phần kia gương phản chiếu cây xăng và một chiếc ô tô - một xe Jeep có kích thước đúng bằng con mắt anh - đang đậu dọc theo vỉa hè bộ phận sửa xe. (Nhưng anh phải cố gắng lắm thì mới chuyển được, một cách dứt khoát, từ bên này sang bên kia gương). Hai người đàn ông ngồi hàng ghế trước. Người bơm xăng cúi xuống bình xăng. Trên lưng áo anh ta, có chữ Nizwa màu vàng, viết ngược. Một người đàn ông xuống xe Jeep và tiến về cái thùng xe đằng sau. Skoltz ngồi sâu vào lòng ghế. Anh đưa mắt tìm Jyl nhưng những cây cọ che mất cửa hàng.

Bàn tay Körberg run run khi chạm phải bờ viền tấm vải bạt, ông mở những cái móc kim loại, dần dần từng móc một. Skoltz châm một điếu thuốc. Körberg chuyển cây súng sẵn ra chỗ khác để với lấy cái hộp nhôm đựng ống nhòm. Bàn tay ông run lên khi chạm phải phần gỗ ấm nóng của nòng súng. (Hắn anh quản lý khu săn bắn trong ký ức tuổi thơ ông đã cướp khẩu súng, tai ông còn ù ù những tiếng nổ ùng ùng.) Körberg cố mở cái hộp nhôm. Lũ bồ câu trắng bay lên từ các cành cọ. (Trước mắt ông hiện lên hình ảnh Skoltz, đầu tựa vào tay lái, hai cánh tay lỏng lẻo xuống tận bàn đạp, máu chảy từng giọt xuống đệm ghế, một hình tròn màu đỏ lan ra trên chiếc sơ mi trắng, người bơm xăng bị thương chạy về phía cửa hàng.) Körberg rút cả các ngón tay, nhưng vẫn không mở được cái khóa hộp nhôm. Mồ hôi ông túa ra. (Từ đường ống, xăng sẽ tràn ra mặt đất, sau đó xuất hiện những hình cầu vồng lấp lánh, điếu thuốc của Skoltz sẽ lăn trên thảm xi măng đến chỗ vũng nước, những đốm lửa sẽ bùng lên trên nhựa đường hóa lỏng, một làn khói đen sẽ tỏa ra từ cao su và nhựa cháy.) Bàn tay ông trở lại phía nòng súng, bám chặt lấy tấm bạt. (Anh quản lý khu săn bắn nhảy lên một con ngựa hoặc một chiếc xe đạp. Anh ta kéo tay áo vest của

ông và đỡ ông ngồi lên yên.) Liffey-Ramirez nhìn bầu trời đông phủ mây xám và tím. Mồ hôi tụ trong lông mày Körberg nhỏ ròn ròn xuống má ông. Bàn tay đưa lên. Ông lấy tay áo vest chùi mặt. Jyl đang luồn lách giữa hai hàng cọ. Tay cầm gói kẹo mà nàng vừa mua trong cửa hàng. Skoltz trả tiền người bơm xăng đang trao lại anh chìa khóa xe. Họ rời trạm xăng dầu. Körberg ngồi ở bên vỉa hè cạnh một cái bi đông vàng và đỏ, trên đó có viết hai chữ “lưu hóa” đang nhảy múa trước mắt ông. Bàn tay ông đặt trên ngực bắt đầu run lên. Ông thở rất khó khăn. Không khí oi ả.

Đài trong xe phát một bài hát bằng tiếng Ả Rập đệm sáo và violon.

Jyl đề nghị đi ăn trưa ở quán Cây Cọ vì nàng muốn, nàng nói, ra bãi biển Sainte-Monique cả buổi chiều nay và quan sát thật gần con vệt mà hôm qua đã nhìn thấy qua kính viễn vọng. Ở chỗ rẽ cuối cùng, con đường nằm sừng sững phía trên vườn cọ, lúc này là một dải xanh lá cây đậm giữa các biệt thự trắng, nhưng khó thể nào đoán được quán Cây Cọ nằm ở đâu trong đó.

Họ băng qua mấy chiếc cầu nhỏ bằng gỗ, trên những con kênh, và đến một cái bàn ở giữa đám cây chanh. Một người phục vụ mặc vest trắng luồn những tờ giấy than hình chữ nhật giữa các trang của thép giấy ghi, rút từ túi áo ra một chiếc bút bi và đợi, đầu bút quay lên trời. Skoltz đặt thực đơn xuống bàn. Anh sẽ ăn món bồ câu nấu rau mùi.

- Thế còn bà nhà?

- Cô thôi, Skoltz nói.

Jyl chọn món thịt cừu nướng. Người phục vụ quay đi.

- Ở đây, anh biết không, nàng nói, tất cả mọi người đều tưởng em là vợ anh.

Skoltz nghịch nghịch con dao, anh nâng nó lên ngang tầm mắt. Trong lưỡi dao, anh cố tìm mắt mình, rồi nốt đốt, rồi ánh mặt trời,

nhưng không tìm được. Những chiếc lá reo sau lưng họ. Bầu trời càng lúc càng tối. Một cơn gió mát thổi qua mặt bàn và, bên trên, những cây cọ rung rinh.

Skoltz điềm tĩnh cắt món chim bồ câu.

Chiếc gậy tựa vào chiếc bi đông vàng và đỏ, hai bàn tay đặt trên đầu gối, Liffey-Ramirez đề nghị Körberg đi ăn trưa. Körberg, đang lấy mũi giày đá một viên sỏi, từ chối. Xung quanh họ những luồng gió thổi tung bụi, đám giấy vụn, những cái bao nhựa. Körberg rút từ túi ra mấy cái vé xem phim và tập tiền giấy, chúng bay lên như một đàn bướm, bị những mù phù thủy kéo đi. Ông chợt nhớ lại một cuộc chuyện trò mà ông nghe lỏm được, lúc bé. Một người làm công cho trang trại thừa chuyện với cha ông trong bếp, nhưng cửa chỉ khép hờ. Lúc đó là ít ngày sau khi Lady Hariett biến mất. Anh này đã lục tung cái lán của anh quản lý khu săn bắn. Anh ta tìm thấy một cái roi và đủ mọi dụng cụ, những chiếc mặt nạ sắt, cùng một con cặc bằng da màu đen giấu dưới thảm rơm. Giờ đây tất cả những thứ đó đang ở trên bàn trước mặt họ. Cha ông đưa một ngón tay lên ria mép, tặng cho anh chàng một gói thuốc lá quăn, và nói hãy quên câu chuyện này đi. Liffey-Ramirez kéo cùi tay ông, giúp ông đến tận ô tô, để ông ngồi xuống ghế. Người bơm xăng chào họ.

Jyl và Skoltz để chiếc Mercedes trước quán Cây Cọ, rồi theo một con đường đất dần dần rời vườn cọ, luồn xuống những hàng thông ngoài cùng, đến được phía sau khách sạn Dar el-Beida. Hai người đi dọc một hành lang, băng qua một sảnh có tường khảm màu, ở đây đã lên đèn, thảm và đồ lưu niệm bằng đồng, bày để bán, la liệt khắp sàn. Nhiều chậu cảnh bao quanh một cái quầy đăng sau có một nhân viên, mặc gi lê đen và bạc, đang treo chìa khóa lên một tấm bảng. Họ lên cầu thang, đi qua một hành lang nữa, và ra sân thượng, từ đó đứng ngắm vịnh Sainte-Monique, màu tím đậm đang nổi sóng, bị ngắt

quãng bởi những chiếc cột nhỏ màu trắng của cây cầu. Mỗi người quàng một chiếc khăn tắm lên vai. Họ xuống bằng cầu thang đá.

Ở dưới, dân đi nghỉ ngồi đầy bãi biển. Tất cả đều nhìn bầu trời không mấy rõ ràng, mây đang ùn lên. Trẻ con ra khỏi nước rồi đòi ăn kem, hoặc lục túi tìm đồ ăn trong khi đang được các bà mẹ lau khô người. Chúng lôi bánh bích quy ra rồi lại chạy biển đi. Những chiếc khăn tắm được trải ra, nằm song song, dọc theo vũng hạ thủy. Skoltz lật lật một tờ báo.

TYRANAUSAURUS ĐẾN ĐÍCH TRƯỚC ROYAL ROSE

Giải đua ngựa danh giá 1957 đã diễn ra hôm qua, như mọi năm, hôm thứ Năm đầu tiên của tháng Bảy. Chạy trên một chặng dài 3200 mét, giải Cúp vàng đã là nơi diễn ra những cuộc đến đích sát nách nhau, và cuối cùng thì con ngựa đực năm tuổi Tyranausaurus đã đến đích vài tích tắc trước con ngựa cái Royal Rose và con Nightingale được ngưỡng mộ nhất, cũng chỉ cách một đoạn rất ngắn. Trước đông đảo công chúng, tay đua ngựa Nike Bird đã đưa con Tyranausaurus đến vinh quang, một con ngựa đua tưởng khó bề thắng có tỉ lệ cược 12-1, sau khi đi chui vào được một hành lang nhỏ gần trung tâm, để thắng con Royal Rose, một con ngựa đua khó bề thắng khác, có tỉ lệ cược 25-1, sau một cuộc chiến quyết liệt ở đoạn 200 mét cuối cùng.

Liffey-Ramirez đã đậu chiếc Jeep cạnh chiếc Mercedes. Họ đi vào khách sạn (bầu trời bây giờ nhuộm một màu hồng xỉn và màu nghệ) rồi lấy chìa khóa phòng ở bàn tiếp tân. Ngồi ngoài sân sau một cây cam trồng trong chậu cảnh, Körberg quan sát Skoltz qua ống nhòm. Ông tiếc là đã quên mũ. (Một tiếng ì ào liên tục vọng đến từ vùng đồi hoặc ở đâu đó sâu trong đầu ông.)

Jyl chạy ra khỏi câu lạc bộ đua thuyền và đến ngôi xóm trước mặt Skoltz.

- Nó tên là Ara, nàng nói. Con vệt ấy, nó tên là Ara.

Nàng mặc một chiếc áo bơi mới, màu đen bóng, và Körberg nhìn thấy rõ một mảng da sáng hơn trên bụng. (Tiếng ì ào ngày càng dồn ép vào màng nhĩ ông, cơn đau lên đến tận xoang trán.) Một giọt nước rơi xuống tờ báo của Alexandre Skoltz, làm thành cái vòng tròn xám xuyên qua giấy. Một tia chớp vàng và tím tím rạch ngang nền trời tối đen, theo sau là một tiếng vỡ òa ì ầm.

Mưa xối xả xuống bãi biển thành những đợt quất kinh hoàng. Skoltz xé tờ báo ra làm đôi. Họ chạy, lưng cúi xuống, tay đưa lên giữ những chiếc mũ nhọn đội trên đầu, mực rỏ từ mũ xuống. Từ khắp nơi, từ những túi xách đồ đi biển, từ những thùng đựng nước đá, tuôn ra mũ mưa và ô. Các bà mẹ gọi con, lũ trẻ khóc lóc, vùng vẫy, buộc phải rời những lâu đài cát tanh bành như bị bom đánh. Những cái cào cát và xô nhựa nằm lỏng chỏng trên bãi biển. Những chiếc phao lăn tròn ra tận bờ nước. Cầu thang đầy người. Tất cả chen nhau dưới cái sân có mái che của khách sạn, và Körberg, lúc này đang dùng tay bảo vệ ống nhòm, buộc phải lùi vào phòng khách nơi đám nhân viên hồi hả qua lại.

Theo nhịp gió, mưa xả ào ào xuống cái mái bằng kính, xối thành rãnh trên các bậc thang trống vắng, kéo theo tảng đất nâu của những bụi cây ngập nước, dập nát đám hoa lá. Đàn chim sợ hãi bay thành vòng tròn ngay trên đầu Körberg, bây giờ đứng một mình dưới mái hiên, mái tóc trắng rối tung còn quần áo thì ướt sũng. Một mùi sô cô la nóng trườn từ phòng khách ra sau lưng ông. Trước mặt ông, bãi biển tối sầm và vắng ngắt.

- Tôi đi tìm ông mãi, Liffey-Ramirez nói. Đúng là nạn hồng thủy, nhỉ?

Körberg chạy xuống cầu thang.

Ở bên trong câu lạc bộ đua thuyền, trên các bàn, những chiếc đèn có chụp bằng nhung xanh lá cây đã được thắp lên. Gỗ có mùi muối và hơi ẩm. Jyl, tay trái cầm một cái gương nhỏ, đang chùi một vết mực dài trên má. Skoltz hơ một miếng thuốc lá trên bóng đèn. Người bồi bàn đặt giữa họ hai cốc thủy tinh có những viên kem nhiều màu, xếp thành hình tháp, được trang trí thêm những miếng mứt trái cây.

Körberg và Liffey-Ramirez ngồi ở bàn bên cạnh. Körberg gọi rượu rum. Liffey-Ramirez cũng thế, và thêm hai xiên thịt. Körberg quan sát Jyl. Skoltz nhận thấy điều ấy. Còn Jyl thì đang tách một quả mứt anh đào rồi mang cho con vẹt. Con chim nghiêng đầu sang bên, nháy mắt, đưa cái chân nhăn nheo giữ lấy quả anh đào, rồi đưa lên tận mỏ.

- *Tạm biệt*, nó nói.[tiếng Đức]

- *Hẹn gặp lại*, Jyl trả lời.[tiếng Anh]

Nàng ngồi xuống và đưa ngón tay chỉ cái vòng tròn nhỏ màu đỏ bên thái dương Skoltz.

- Trông cứ như là anh đã định tự sát ấy, nàng nói.

Skoltz nắn nắn cái nốt nốt cũng đã bớt sưng. (Anh ngài ngại đôi mắt tròn của ông già ngồi bên cạnh, nhìn nàng đau đầu.) Anh gọi người bồi bàn và gọi một cốc kem nữa, chỉ tay vào bức ảnh màu chụp mẫu kem trên thực đơn.

- Thế còn cô nhà?

- Bà nhà chứ, Skoltz nói.

Jyl mỉm cười với anh rồi nháy mắt, hỏi anh xem họ bây giờ sẽ làm gì.

Skoltz chuyển chỗ cái đèn và rút cuốn sổ tay, đặt lên bàn. Anh đã suy nghĩ nhiều, anh nói, về ý kiến của nàng -làm cho tất cả chạy nhanh hơn để dễ hiểu hơn -, và đây là đề nghị của anh (anh đã dành một tiếng sáng nay để suy nghĩ về vấn đề này): toàn bộ tiến trình vận động sinh học của trái đất được tóm lại trong một đêm và một sáng, từ không giờ đến mười hai giờ trưa.

- Anh cứ trình bày đi, nàng nói.

- Rồi. Thế này nhé, hai triệu năm tương đương với mười hai giờ.

- Tiếp xem nào.

- Giả thử là những chất cơ học đầu tiên xuất hiện ngay sau không giờ. Giữa hai giờ và ba giờ sáng, khí quyển được tăng thêm ôxy và, khoảng năm giờ - nếu trời không tối - chúng ta sẽ nhìn thấy những đơn bào đầu tiên ở đáy nước. (Anh kiểm tra trên cuốn sổ tay, nơi anh đã vẽ một chiếc đồng hồ.) Đến bảy giờ, xuất hiện đám ốc hến.

- Nhanh ghê, nàng nói.

- Ủ, nhưng chỉ đến sáng thì mọi thứ mới thật hấp dẫn thôi. Sau đó, lúc chín giờ: cá bơi trong tất cả các đại dương, và các loài cây thủy sinh bơi ngược dòng nước ngọt trên các cửa sông.

- Giống như cá hồi.

- Đến chín giờ rưỡi, những cánh rừng đầu tiên bắt đầu mọc. Im lặng hoàn toàn, nhưng sự sống đã có mặt trên đất liền. Rồi những con côn trùng xuất hiện.

- Bzzz, nàng nói, tay dang ra.

(Körberg nhìn xoáy vào mặt nàng, nhận ra hoặc tưởng là nhận ra những đường nét của Stella, cũng một kiểu cười, một kiểu đặt cảm lên lòng bàn tay mở ra, thật chăm chú, như bây giờ.)

- Đến mười giờ, thì các loài bò sát xuất hiện,

- Tsss,

- Rồi mười một giờ, đến lượt những loài có vú và da lông xuất hiện,

- Bêêê,

- Và chỉ đến mười một rưỡi là những con chim đầu tiên đã bay rồi.

- Cui-cui.

- Thôi đi, nghe rất khó chịu.

- Được thôi.

- Bây giờ là mười một rưỡi: nhiệt độ lên rất cao. Khí hậu á nhiệt đới đang lan ra đến tận hai cực. Rồi, lúc mười hai giờ kém mười lăm, xuất hiện một thời kỳ băng giá: thời *günz*, thời *mindel*, nhất là thời *riss*, rồi thời *würm*. Và chỉ vài giây trước mười hai giờ trưa, khi khí hậu trở lại dễ chịu như trước, những con người đầu tiên đã chào đời.

- Hay đấy. Anh cho em tờ này nhé?

- Đương nhiên là, nếu nhanh thế thì không thể phân tách được việc hình thành chữ viết với việc phát minh ô tô.

Liffey-Ramirez hát đầu về phía Körberg:

- Cũng lạ thật, nhỉ, cái trò của hân ta?

Jyl đứng dậy đi cất tờ giấy vào cái túi đang phơi ngoài cửa.

- Nhìn này, nàng nói. Anton này.

Nàng chỉ ngón tay vào tấm ảnh chụp Anton-Mokhtar giương một cái cúp lên, hiện đang treo trên tường cạnh bức tranh của Sisley rờm. Bàn tay Körberg quét trên mặt bàn, co lại trên ngực. Mặt ông trắng bệch. Jyl và Skoltz đi vòng qua quây và đến trước con vệt.

- *Chúa phù hộ quý vị con chim nói.*[tiếng Ả Rập]

- *Hẹn gặp lại, Jyl trả lời.*[tiếng Tây Ban Nha]

Họ đợi dưới cái cổng lớn. Từ mái nhà không có máng, một màn nước mưa chảy lóng lánh giữa họ và bãi biển. Có tiếng nói từ quây bar vắng đến. (Phải gọi ngay bác sĩ thôi. Là khách của khách sạn. Không, khá hơn rồi. Khá hơn rồi.) Bãi biển được bỏ mặc cho đám hải âu, bay sà xuống mặt đất, tìm trên cát nâu những mẫu bích quy vàng mà bọn trẻ đánh rơi. Đám mây trùm xuống chúng và che mất mặt trời. Những cái khăn tắm dầm nước, nặng và đầy cát.

Họ vừa leo cầu thang vừa chạy đến tận sân, băng qua khách sạn, đi ngược con đường đầy bùn về phía quán Cây Cọ. Skoltz mở cửa chiếc Mercedes và nhìn sang bên cạnh chiếc Jeep của Liffey-Ramirez, đầy nước. (Tấm bạt phủ xe sụp xuống những cây súng ẩm ướt. Cái

thùng đựng thuốc súng bị hư hoại và chì đã chảy ra. Những chiếc đui đạn nổi lên phềnh trên bề mặt.)

Liffey-Ramirez ra xem bức ảnh cũ treo trên tường, rồi quay lại. Körberg ngồi sâu trong chiếc ghế bành bằng mây. Liffey-Ramirez gọi hai cốc rượu rum nữa, rồi đập nhẹ vào lưng bàn tay ông. Körberg, mặt bị bộ tóc dài bạc trắng phủ kín, ống nhòm vẫn đeo ở cổ, kể những mẩu rời rạc về một câu chuyện rắc rối, trong đó rặng đông đang rọi sáng sườn núi Kör. Một con đại bàng má trắng đang bay tròn bên trên rặng núi. Một đứa bé chơi đá bóng với một viên sỏi. Một anh phụ trách khu săn bắn - trông giống đứa bé - đang băng qua sân một ngôi nhà lớn.

Skoltz, dù rất ghét ánh sáng điện trong cảnh nhá nhem tối, đã bật đèn pha ô tô. Anh không chịu nổi, anh nói, những điềm báo bằng nhựa trên bảng đồng hồ trước mặt, nằm ở giữa anh và mặt trời đang lặn, còn em thì sao, hờ Jyl?

- Anh nhìn đằng trước nhé. Chú ý đấy, Jyl nói.

Tôi khua một cái đèn pin từ trên xuống dưới và ra hiệu cho Anton-Mokhtar (tôi tưởng thế) dừng lại. Một tay cầm ô còn tay kia cầm đèn, nghiêng người về phía cửa kính vừa mở, tôi mời Jyl và Skoltz đến nhà tôi uống khai vị:

- Rồi các bạn sẽ thấy, chỉ cách đây mấy bước thôi.

Tôi trèo lên ghế sau.

- Sau ngã rẽ. Đây rồi.

Tôi mở cửa nhà rồi đi trước họ trên con đường nhỏ, đèn pin vẫn cầm ở tay. Trong luồng sáng nhảy nhót trước mặt chúng tôi, bất ngờ xuất hiện những đoạn phủ sỏi ẩm ướt, những cành lá dẫm nước. Chúng tôi đi qua giàn dây lông chim hình vòm rồi gò đất, dưới kia thành phố đã lên đèn. Họ đứng dưới mưa nhìn xuống đại lộ biển như

một hình cung tuyệt hảo, những cây đèn đường tạo một vệt lấm chấm dọc theo vịnh như một cái hố đen, và những giọt nước phản quang tạo thành những đốm sáng nhạt xung quanh các bóng đèn. Giữa hai ngọn tháp sáng trưng của một đền thờ Hồi giáo, rực rỡ một ngôi sao bằng điện treo trên những dây cáp tuy không nhìn thấy nhưng rõ là đang bị gió thổi lung lay. Tôi dang tay ra:

- Hang của một con đại bàng hoặc của một kẻ nhìn trộm đấy.

Tôi đưa họ vào phòng khách trang trí theo kiểu Hồi giáo. Jyl và Skoltz ngồi trên những cái đệm cao đặt hai bên khay, và nhìn ngó xung quanh. Tường phòng khách lát gạch bằng sành đến nửa chừng, vẽ cảnh săn bắn. Đám thợ săn mặc quần áo thêu, tay đeo găng, ôm những con chim ưng đầu chụp mũ*. Những con chim khác, tự do, tấn công đàn thỏ chạy tán loạn. Đẳng xa là đoàn kỵ sĩ đang tiến về một cái đồn nhỏ. Chân ngựa hất lên những đám bụi vàng (có lẽ lơ lửng như thể từ nhiều thế kỷ nay). Lời chú dẫn, bằng tiếng Ả rập, chạy như một vòng trang trí xung quanh bức tranh.

Tôi đặt hai cốc *vécmút* và một chai xô đa lên khay, đưa cho họ những chiếc khăn ẩm, màu trắng viền đỏ, để họ lau khô tóc. Tôi giải thích cho họ là, Anton-Mokhtar và tôi thường uống *vécmút* trong phòng khách này, mỗi buổi tối, trước khi đi ăn, vừa uống vừa trao đổi tin tức, sự kiện xảy ra trong ngày.

- Chẳng có gì to tát diễn ra trong thành phố này, nhưng, chỉ cần chăm chú một ít, người ta luôn tìm thấy khối những chi tiết nho nhỏ để kể.

Sau đó tôi dẫn họ đi xem xưởng vẽ, một căn phòng có mái phủ kính, nền đất nện, quá nhỏ, chúng tôi buộc phải đi thành hàng dọc, giữa những bức họa hình học màu sắc sặc sỡ mà hồi đó tôi xếp thành

đồng. (Những bức ảnh chim vàng anh được kẹp ghim phía trên cái bàn đồ họa.)

- Bác không bao giờ vẽ tranh phong cảnh nhỉ, Jyl nói.

Tôi lần lượt đối chiếu những bức tranh mà tôi cho nàng xem, với thực tế địa hình của vùng.

- Kể cũng tiếc, nàng nói, vì phong cảnh bờ biển thật đẹp.

Nàng tả cho tôi nghe bức tranh nàng vẽ vịnh Ste Catherine nhìn từ máy bay. Skoltz đứng lùi phía sau, tay phải cầm cái khăn, tay trái cầm cốc *vécmut*, những ngón tay run nhẹ (tôi biết kiểu căng thẳng này ở đám nghệ sĩ khi họ cảm thấy sắp được tham khảo ý kiến). Tôi đặt tay lên vai anh:

- Ngày mai chúng ta còn gặp nhau ở nhà Anton-Mokhtar nữa, đúng không? Tha hồ mà hội hè.

8

Körberg ngồi trên một cái ghế dài có phủ vải giả da màu xanh lá cây, từ lâu rồi hay chỉ mới đây thôi (ông không biết), lưng thẳng đơ còn hai tay chắp lại.

Ở giữa cái ghế thiếu tiện nghi đó, miếng vải phủ có màu xanh nhạt - chỗ mà hàng ngàn cái dốt đã mài mòn chất liệu sần sùi ở các chỗ khác nó có màu xanh đậm, một lớp ghét màu nâu lấp đầy các khe, bám chặt vào đó, vải trở nên nhăn và dính.

Ở đây, nhà ga nhỏ trong các khu nghỉ hè là những cửa hàng bánh ngọt trắng trẻo bên ngoài - ông đã nhận ra điều đó - với hai cây cọ đối xứng, và là những cái ổ chuột bên trong, với mặt cửa và những mẫu thuốc lá vút trên sàn đá hoa gần hai cái va li của ông, mỗi cái một bên. (Cái hộp kính viễn vọng, ông đặt nó trên ghế, bên trái, đỡ nguy hiểm hơn, đỡ bẩn hơn.)

Ông tránh động đậy. Có lẽ không cử động, nhất là không đụng chạm, làm cho bộ com lê của ông đỡ bị bẩn. Cũng vì thế, ông không nhấc hai bàn tay khỏi hai đầu gối. Cái quạt trần bất động. Ở đó nhện chăng tơ. Không khí nóng ẩm và ngọt ngào.

Khi ông duỗi đôi chân rã rời, đôi giày thể thao kêu kèn kẹt và để lại vết trên nền giả đá hoa cương. Ông ngồi đây trước mặt Liffey-Ramirez, trên cái ghế dài đối diện, cách ba hoặc bốn mét. Ông nhìn thấy đôi giày màu vàng của ông ta trên sàn đá hoa. Cái quần xắn lên vì họ đã phải lội qua mấy vũng nước. Mắt cá chân ông ta rất dày. Ông ta mặc một bộ com lê sồn màu be rất xấu, và trên đầu một cái mũ tai bèo

có quần một miếng da rắn. (Nhưng Körberg tránh không nhìn mắt ông ta.) Một tờ quảng cáo đã gấp lại, thò ra ngoài túi áo vest. Ông ta dùng gậy vẽ lên mùn cửa.

Tuy nhiên Körberg vẫn bảo Liffey-Ramirez là nên về đi. Cả hai ngồi đợi tàu thế này, thật chẳng giống kiểu gì hết. Họ uống cà phê mùi nhựa đường ở quầy bán đồ ăn rồi ông nói, bây giờ, hãy về đi nhé.

- Hẹn gặp lại.

- Vâng, hẹn gặp lại.

(Không ai biết trước được, theo Liffey-Ramirez, cái mà cuộc sống sẽ dành cho mình.) Ông lấy khăn tay trắng chùi trán lấp lánh mồ hôi.

- Vâng, đây là địa chỉ của tôi ở Körberg. Không, không, ngược lại, ông tổ của tôi đã lấy tên đồn điền. Vâng, chuyện xưa lắm rồi.

Ông nhìn một con ruồi, đang bắt lực lao đầu vào miếng kính trên máy pha cà phê, rất nhiều lần. Liffey-Ramirez có thể một hôm nào đó sẽ đến Körberg. Ông ta rất muốn biết nước Áo.

- Sao lại không.

Ông đưa tay cho ông ta. Liffey-Ramirez bỏ đi, đẩy cái cửa nặng có kính mở ra phía ngoài. Körberg đi vào phòng đợi tối om.

Vài phút sau (có lẽ ông cũng không biết là bao nhiêu), Liffey-Ramirez quay lại và ngồi xuống cái ghế dài trước mặt, không nói câu nào.

Körberg nới nút thắt cà vạt, ông đưa một ngón tay vào giữa cổ áo và cái cổ ấm dính. Ông sẽ đến ở trong căn nhà của mẹ ông, ở trung tâm thị trấn, mở cửa cho thông thoáng không khí trong nhà, vứt hết những thứ đồ cũ kỹ đi. Trừ tài liệu gia tộc. Không được vứt tài liệu gia tộc. Ông có thể viết một cuốn lịch sử vùng hay một cuốn nghiên cứu gia phả, hay huy chương dòng tộc, nhưng có lẽ ông sẽ không thoải mái

lắm. Một cuốn mang tính bác học đơn thuần thì hơn. In số lượng ít hoặc không in tí nào.

Ông lấy mũi giày di di một mẩu thuốc trên sàn đá hoa, rồi sút. Mẩu thuốc biến mất dưới cái va li. Chén cà phê để lại trong miệng ông một vị bùn màu lục xám. Đôi giày vàng động đậy. Liffey-Ramirez đứng lên. Körberg nhìn đôi giày vàng bước ra xa. Không, chúng lại gần. Liffey-Ramirez ngồi xuống bên phải ông, trên cùng một ghế. Ông ta bắt đầu trò chuyện, kể về lần đi săn gặp nạn, rồi chỉ cây gậy đang cầm:

- Hồi đó tôi đau khổ lắm, ông biết không.

- Thế hả?

- Vâng.

Liffey-Ramirez giải thích là sau lần đó ông ta đã tưởng thế là hết.

Thế rồi ông lại tìm thấy niềm tin.

Lúc đó ông ta giống như, ông ta nói, thiên thần chói lòa ánh sáng và, nếu lúc này ông ta quyết định nói chuyện với ông một cách thẳng thắn, và nếu ông ta cuối cùng đã quay lại sau nhiều ngần ngại (dù rằng tôn giáo của ông, không những không động viên, mà còn chỉ trích tất cả mọi tuyên truyền lôi kéo), là bởi vì ông ta thấy ông âm u quá, dường như ông cô đơn quá.

- Đúng, tôi đã quan sát ông và ông có vẻ cô đơn và âm u lắm, ông ta nói.

Ông ta rút tờ quảng cáo nhàu nát ra khỏi túi áo và đưa cho Körberg. Đó là một bức tranh hai màu chất lượng kém, màu cam và xanh lá cây, in ở Triều Tiên. Một đám dã ngoại phương Đông đang ăn uống trên cỏ với những nụ cười ngớ ngẩn, xung quanh là hoa và thú vật. Họ mặc áo sơ mi trắng và quần loe.

- Đương nhiên, Liffey-Ramirez nói, đó chỉ là một hình ảnh phóng dụ. Xứ sở đó không có trong thế giới này.

Xung quanh bức vẽ, có in một đoạn văn, dịch ra bảy tám ngôn ngữ khác nhau, nói về con đường đi đến chân lý, kèm một địa chỉ ở Séoul. Kiểu tranh này, Körberg nghĩ, hoàn toàn có thể là quảng cáo cho một cửa hàng bán quần áo giá rẻ hay cốc đĩa cắm trại bằng bìa cứng. Liffey-Ramirez rút một gói bánh quy. Bánh nhân trái vả.

- Mời ông xơi một chiếc bánh nhân trái vả, ông ta nói.

- Không, cảm ơn ông.

Ông ta đưa một cái bánh lên miệng:

- Ông không thích bánh nhân trái vả, ông ấy mà, đúng không?

Những giọt màu nâu rơi ra từ chiếc bánh cắn dở. Vài mẩu vụn rơi xuống chiếc ghế dài màu xanh. Một đám lính mặc quân phục ka ki cầm kèn đi qua. Liffey-Ramirez nhón thêm một chiếc bánh nữa trong gói.

Körberg ngồi vào chỗ của mình cùng chiều với hướng tàu chạy, giữa đám quân nhạc đi công vụ. Hai chiếc va li của ông và hộp kính viễn vọng đã được nhét vào một cái tủ đựng đồ của hành khách bằng gỗ đào hoa tâm mà ông luôn đưa mắt coi chừng.

Khi một quân nhân cúi đầu, xuất hiện cái đỉnh mũ màu đỏ son. Và thường xuyên, các quân nhân khác cũng cúi xuống lục hành lý, nên Körberg nhận ra ngay cái hình tròn màu đỏ ấy ở bất kỳ một nơi nào đó trong toa tàu không khoang. Rồi lưng ông từ từ bị hút vào tựa ghế.

Mắt nhắm lại, gáy ngửa ra trên cái kê đầu, ông quan sát một ý tưởng đang dần dần hình thành trong ông, giống như một cái bong bóng mê tan qua đám bùn xanh lá cây và nâu của một ao lầy, một viên bi màu trắng sữa, một cái bong bóng xà phòng lấp lánh, cái ý tưởng đó, vỡ ra trên bề mặt, và từ đó bay ra một con chim ruồi đỏ và xanh dương bây giờ đang bay lượn sau mí mắt ông: lẽ ra ông phải mở va li và chỉ cho ông ta xem những bức họa nguyên bản của bộ *Đại Atlas điểu học*, những con chim ruồi vẽ màu nước, chẳng hạn thế. Lẽ ra ông phải nói với ông ta là cái này, ông bạn thân mến ạ, không phải là hình

ảnh của thiên đường nhưng là bản sao chính xác của thực tế, một công trình khoa học đấy.

Ừ, lẽ ra ông phải làm thế.

Ông mở mắt thấy một phong cảnh màu vàng cam, gần như vàng óng. Trời đã về cuối chiều. Con đường sắt men theo một ngọn đồi đầy sỏi bên cạnh một thung lũng đá sâu thẳm, đổ theo hướng Nam, ở đó có một con lộ ngoằn ngoèo rợp bóng ô liu. Trên đoạn đường quanh co đầu tiên lấp lánh cái chấm đỏ của một chiếc xe máy. Nhưng cái chấm đó không to ra, vì khi chiếc xe máy tiến gần đến con đường sắt và cái điểm mà Körberg vừa chiếm lĩnh, thì ông đã lại xa cũng từng ấy khoảng cách về phía Bắc, theo phép tịnh tiến.

Khi cái chấm đó thành bất động nhờ hiệu năng quang học, Körberg cố gắng dõi mắt theo thật lâu, bằng cách quay đầu, vặn cả cổ như thể đó là một miếng vải cũ mà người ta đang vắt nước, đến lúc mắt ông gặp phải cái đỉnh mũ màu đỏ đằng sau ông. Người quân nhân đang viết một bức bưu ảnh. Anh ta ngẩng đầu về phía Körberg và nhúm mày.

Skoltz huýt sáo, đánh nhịp trên cái ghi đông và bấm nút nhạc với ba ngón tay. Jyl ngân nga hát.

Ở cái đồi đầy sỏi phía dưới, bên cạnh dòng sông nhỏ, một con lạc đà hướng đôi mắt to lồi về phía chiếc xe máy (nhưng con lạc đà không sợ bất cứ kẻ thù nào và màu đỏ của chiếc xe máy đối với nó chỉ là trò đùa vui, một con bướm trong tầm nhìn của nó).

Jyl muốn chọn một món quà sinh nhật cho Anton-Mokhtar. Nàng thích đi cửa hàng một mình:

- Anh thả em ở trung tâm nhé, nàng nói. Hẹn nhau một tiếng nữa, trước khách sạn Casablanca. Anh đợi nhé.

Nàng quay lại phía chiếc xe máy:

- Đây, em vừa mở hộp thư. Có thư cho anh đấy.

Skoltz xuống thang dẫn về phía đại lộ biển. Anh đổi ý, và ngồi uống trên hiên bên ngoài quán, nhìn ra một quảng trường nhỏ xa lạ. Sau anh, đàn ong kêu ù ù trong giàn hoa đăng. Dưới bóng tím của một cây vả rậm rạp, hai cụ già mặc áo choàng Ả Rập, đáng kính, nhăm nháp buổi hoàng hôn trong khi đám thanh niên đi dạo trên cảng, tay trong tay. Skoltz rút cuốn sổ ra: anh định bỏ vật lý và ngay tuần sau chuyển sang khí hậu học.

Một luồng ánh sáng phớt hồng chiếu xuống cảnh vật và những cái bóng kéo dài ra. Con tàu cắt ngang mấy khu phố đang xây trong một làng mới lập. Một chiếc cần cầu cao màu vàng quay chậm chậm trên nền trời. (Körberg nghĩ là mình không ưa các công trường, thích những thứ đồ nát hơn, nơi những con chim đến làm tổ, bình yên.) Một con mèo còm từ một cái bình nhựa chui ra, đi ngang những túi xi măng xếp chồng lên nhau cạnh một máy trộn bê tông màu cam. (Körberg nhớ đến Timgad* và Volubilis*, đến đá hoa cương trắng trên cỏ xanh ở Carthage*, đến mặt biển dưới trận mưa đông nhỏ.) Một con chim chích sa mạc (tên Latin là *Sylvia minula*) bay theo con tàu một lúc lâu.

Để làm mưa nhân tạo, người ta cho nước hợp thành mây, rồi thay đổi cấu trúc bên trong của mây bằng cách xử lý chúng với những vật thể gây đóng băng (iodua bạc và chì đưa từ âm 4 độ đến âm 8 độ), hoặc bằng các chất khác như tuyết cacbon, clorua natri và clorua canxi, một vài ôxít kim loại cũng có thể đưa mây đến nhiệt độ tới hạn đóng băng đồng nhất. Những thí nghiệm đầu tiên đã được tiến hành thành công trong vùng Rub'al khali*.

Skoltz gấp cuốn sổ tay lại. Anh mở phong bì và đọc bức thư hai lần (lần thứ hai, các ngón tay hơi run lên), rồi mỉm cười, mắt nhắm lại

và hai cánh tay duỗi ra trên tựa ghế, điềm tĩnh ngưỡng mộ cái giản dị của thể sự, anh giám sát thực tại đang rung lên xung quanh anh, nó rất có thể biến mất một ngày nào đó, tại sao không: sẽ chẳng còn gì nữa, cả Skoltz lẫn đàn hải âu và những chu trình hóa học, chẳng gì nữa cả, và nếu điều đó xảy ra bây giờ thì cũng chẳng có gì quan trọng (vì anh ngờ rằng niềm vui lớn nhất không phải là anh sẽ gặp lại trong hai ngày tới người đàn bà đó, mà là, ở cái thời điểm chính xác này, anh đang đọc bức thư của nàng xin anh trở về).

Anh gấp bức thư lại và luồn nó vào trong cuốn sổ tay. Lúc này anh nghĩ đến Jyl: anh sẽ đợi sáng mai (trước hoặc sau khi đưa nàng đi nhà thờ) để báo cho nàng là anh sẽ ra đi.

Tôi ngồi trong phòng khách của khách sạn Casablanca, trước một cái bàn trên đó bà Fatima bày đĩa ô liu và chai *vécmút*, thẳng đứng và mát lạnh, điểm bất động duy nhất giữa nạn hồng thủy (nói cho đúng thì là sự điên cuồng), con mắt tĩnh giữa cơn lốc, đang bị vây quanh bởi tất cả những chuyển động bất thường và hỗn mang này. Tôi muốn tặng cho Anton-Mokhtar, nhân dịp sinh nhật, một câu chuyện nhỏ mà tôi muốn là phải thật mẫu mực, và tôi vừa nháp trên một mẫu giấy xong. Trước mắt tôi, Jyl đang trèo lên yên sau xe.

Chiếc xe máy chạy trên con đường ven núi. Skoltz lái bằng một tay, thật chậm. Anh giảng giải cho nàng là năm 1815 một vụ nổ đã phá hủy hòn núi lửa Tabora, trên đảo Sumbawa, tại Indonesia. (Ngồi nghiêng trên yên, anh nói to để át tiếng máy xe.) Hàng tỷ mét khối bụi nhỏ đã được ném vào khí quyển, anh nói, nơi chúng biến thành mây để ngăn ánh sáng mặt trời. Jyl cúi người về phía trước để nghe anh nói. Chiếc xe máy đi vào con đường dẫn lên biệt thự Stella, và bây giờ đang đi dọc theo hàng rào hoa liễu bách.

Kể từ tháng Sáu năm 1816, một phần các đám mây đó tập trung lại trên bầu trời Nước Anh Mới (ở bên Mỹ ấy, anh thêm cho chính xác

hơn), gây ra bốn trận lạnh liên tiếp: sương giá phá hủy lúa mì ngày 9 tháng Bảy, 21 và 31 tháng Tám. Ngày 11 tháng Sáu tuyết rơi dày mười lăm phân.

- Nếu thế, thì mình sẽ trượt tuyết trên bãi biển, Jyl hét lên, bàn tay vòng lại trước miệng.

HẾT

LỜI BẠT

Tiểu thuyết, giữa mỹ học và khoa học

Đọc Viễn vọng của Patrick Deville

Đoàn Cẩm Thi

“Cử đầu vọng minh nguyệt

Đê đầu tư cổ nhân”

-Lý Bạch-

Patrick Deville sinh năm 1957, tác giả của mười tiểu thuyết, giải thưởng Femina năm 2012, được coi là một trong các nhà văn Pháp hàng đầu hiện nay. Theo giới phê bình nghiên cứu, tác phẩm của Patrick Deville đã góp phần cách tân tiểu thuyết Pháp đương đại.

Sáng tác của Patrick Deville thường được chia làm hai phần khá cân xứng với hai chiều hướng rõ rệt. Phần một gồm năm tiểu thuyết có thể gọi là “thuần hư cấu” - *Cordon-bleu*, *Longue vue*, *Le feu d’artifice*, *La femme parfaite*, *Ces deux-là* - thuộc giai đoạn 1987-2000, được in tại nhà xuất bản Minuit, nổi tiếng về việc khám phá các lối viết tiên phong*. Trong những thập niên 1950-1970, Minuit là nơi tụ hội của nhiều tác giả trào lưu Tiểu thuyết Mới* như Nathalie Sarraute, Michel Butor, Alain Robbe-Grillet, Robert Pinget, Marguerite Duras... với hai giải Nobel văn chương là Samuel Beckett (1969) và Claude Simon (1985). Patrick Deville, cũng như Jean Echenoz, Jean-Philippe

Toussaint, Éric Chevillard... thuộc làn sóng trẻ Minuit đầu thập niên 1980.

Phần hai trong sáng tác của Patrick Deville gồm năm tiểu thuyết - *Pura Vida: Vie et mort de William Walker*, *La Tentation des armes à feu*, *Equatoria*, *Kampuchéa**, *Peste & Choléra* - thuộc giai đoạn 2004-2012, xuất hiện tại Seuil, liên đoàn xuất bản thuộc cỡ bệ thế nhất nước Pháp. Tác phẩm của Patrick Deville thời kỳ này mang tính “phi hư cấu” và “tạp chủng” - tồn tại song song nhiều thể loại như thư từ, ghi chép sổ tay, giai thoại, ký, tiểu sử, tài liệu lưu trữ, báo chí, v.v... - nhưng vẫn đậm chất văn chương bởi lối viết đặc sắc của ông, nhờ những câu chữ, tiết tấu, giọng điệu riêng biệt. *Peste & Choléra*, tiểu thuyết mới nhất, được coi là đỉnh cao của lối viết này*.

Viễn vọng (Longue vue), in năm 1988, tiểu thuyết thứ hai của Patrick Deville, được dịch ra hơn mười ngoại ngữ, là tác phẩm làm nên danh tiếng của ông.

Viết tiểu thuyết thế nào sau khi thế hệ đàn anh đã lên án nó, thậm chí diệt trừ nó? Tiểu thuyết có còn nghĩa gì khi nền tảng của nó đã lung lay? Con đường nào cho tiểu thuyết hôm nay? Đó là những câu hỏi mà lớp nhà văn hậu sinh của Tiểu thuyết Mới đặt ra.

Vấn đề không phải là dán “mác” cho tác giả - người ta thường gán cho Patrick Deville và một số nhà văn khác của nhà xuất bản Minuit cùng thời với ông những *étiquette* sành điệu như “Hậu-Tiểu thuyết Mới” (Nouveau-Nouveau Roman), “Trường phái tối giản” (Minimalisme*), “Tiểu thuyết phi biểu cảm” (Roman impassible*). Đương nhiên, một tác phẩm không thể tách rời khung cảnh lịch sử, chính trị, văn hóa chung. Nhưng trên hết, nó phải được đọc như một hệ thống độc lập. Và việc tìm hiểu về hình thức, cấu trúc, lối viết cũng như mối quan hệ mà cuốn sách thiết lập với thời đại của mình, là

không thể thiếu được. Tóm lại, đọc một tác phẩm, tức là ý thức được khoảng cách giữa nó và thế giới.

Vậy *Viễn vọng* mới ở chỗ nào? Như tên gọi của nó, tiểu thuyết của Patrick Deville xoay quanh chủ đề “nhìn”. Ai nhìn? nhìn gì? nhìn bằng gì? nhìn như thế nào? nhìn để làm gì? ảnh hưởng của kẻ nhìn xuống mục tiêu nhìn? Ngắm nghía, quan sát, rình mò, là hành động thường xuyên của các nhân vật trong tiểu thuyết. Họ nhìn trời để biết thời tiết, nhìn đồng hồ để biết thời điểm, nhìn ra xa để biết thời thế. Chưa hết, họ nhìn trộm những người xung quanh qua đủ loại dụng cụ quang học: kính lúp, kính viễn vọng, ống nhòm, ống kính máy ảnh, gương xe... Từ đó, tác phẩm của Patrick Deville khảo sát các môn khoa học đã đánh dấu thế kỷ 20 như địa chất học, hóa học, toán học, khí hậu học, động vật học, cơ học lượng tử... để cuối cùng công phá một trong những phạm trù cơ bản nhất của lý thuyết văn chương: điểm nhìn. *Viễn vọng* buộc chúng ta đặt lại những câu hỏi tưởng như đã cũ: Nhìn để thay đổi thế giới? Nhìn có đem lại ý nghĩa cho thế giới? Dạng thái mới nào cho văn chương để thể hiện tương quan giữa con người và thời đại?

1. Hải hước và xác xược...

Mùa hè 1957, Körberg, nhà điều học người Áo, đến một thành phố biển - không rõ tên - mong tìm lại kỷ niệm mối tình đầu với Stella, một nữ ca sĩ trẻ bạc mệnh, người đàn bà duy nhất ông yêu trong đời. Nhưng gần hai mươi năm trước, giữa Körberg và Stella còn có Anton-Mokhtar, nhạc sĩ dương cầm, người đã khám phá ra tài năng và chứng kiến cơn bệnh của nàng.

Jyl là tên đứa con gái nhỏ Stella để lại. Cô bé là con của Körberg hay Anton-Mokhtar? Jyl giờ đây là một thiếu nữ xinh đẹp, đóm dáng, đặc biệt thông minh và có khiếu toán học, mơ ước sẽ là ca sĩ như mẹ

hoặc “nhận giải thưởng Fields”. Ngoài những ngày ở nội trú, cô bé sống với Anton-Mokhtar. Riêng mùa hè năm nay, chàng trai Skoltz, được giới thiệu như một nghệ sĩ tương lai, trở thành gia sư của Jyl. Cuộc sống của Jyl và Skoltz dường như không âu lo, được cô bé mô tả bằng một giọng điệu hài hước và xác xược: *“Ngày nào cũng làm mỗi một chuyện, thích thật đấy: nhà nghỉ, tiệm ăn, bãi biển. Người ta, có cảm giác là mình sẽ không bao giờ già. Cũng chẳng bao giờ ngu.”*

Giữa Jyl và Skoltz, còn là những trận cờ vây, những bài giảng về triết học, vật lý, khí hậu học ngay cả trong những cuộc dạo chơi. Nhưng giữa Jyl và Skoltz còn có kẻ thứ ba: ở cuối tiểu thuyết, chàng trai nhận được bức thư của người tình cũ xin anh trở lại với nàng. Người đàn bà này là ai? Chuyện gì đã xảy ra giữa họ? Skoltz có yêu Jyl không? là những câu hỏi mà tác giả cố tình bỏ trống.

Viễn vọng đậm đặc nhục cảm, một thứ nhục cảm rất Duras, với cái nóng, nổi chờ đợi, niềm ham muốn. Nhưng cái mới của tiểu thuyết trong lĩnh vực này là lối viết đặc biệt của Patrick Deville: tránh phân tích tâm lý, tuyệt đối duy trì bí mật của nhân vật. Tình yêu trong *Viễn vọng* hiển hiện nhưng lẫn khuất giữa im lặng và khoảng trắng. Đặc biệt, tác giả luôn đặt nó trong một khoảng cách, rọi xuống nó một cái nhìn phi lãng mạn, thậm chí hài hước, đôi khi châm biếm.

Nhưng *Viễn vọng* cũng có thể được đọc như một tiểu thuyết hình sự. Nhà điều học trang bị cho mình xe Jeep, súng săn, kính lúp, kính viễn vọng, ống nhòm, rình rập kẻ thù, chụp ảnh trộm, thuê người do thám. Hơn một lần ông cầm súng bắn con gái và chàng gia sư. Một lần khác, Körberg hạ thủ tình địch cũ. Nhưng những án mạng được mô tả rất chi tiết này hoàn toàn là tưởng tượng của nhà điều học, để *Viễn vọng* cuối cùng chỉ là một tiểu thuyết hình sự giễu nhại.

Trong tác phẩm của Patrick Deville, các nhân vật không ngừng chuyển động, theo dõi nhau, tiến lại gần, đi ra xa, nhưng không bao

giờ gặp nhau. Số phận và hành trình của họ gắn khớp với nhau, tạo nên một câu chuyện, thậm chí một cuộc phiêu lưu. Tuy nhiên chính họ lại không hề ý thức được điều đó. Tiểu thuyết là một chuỗi những tình cờ và ngẫu hứng, bịa đặt và ảo tưởng. Như khi đang giữa mùa hè, Jyl ước mơ được thấy tuyết rơi. Và không một lời giải thích, hiện lên cảnh “*những bông tuyết tuyết diệu rơi xuống chậm chậm*”. Dường như, nhà văn luôn nhắc người đọc rằng họ không ở đâu khác ngoài... tiểu thuyết, rằng văn học không tuân theo logic nào khác ngoài logic... của chính nó. Ngay từ những dòng đầu, câu chuyện được mở ra vào năm 1957. Một con số cụ thể và bất ngờ, khi ta biết rằng đây cũng chính là năm sinh của tác giả. Qua cái nháy mắt đó, Patrick Deville khẳng định rằng nhân vật của nhà văn sinh ra cùng lúc với anh ta và chỉ tồn tại trong thế giới hư cấu của anh ta.

2. Gói thuốc lá vô tình?

Viễn vọng của Patrick Deville không thể không gọi đến *Kẻ nhìn trộm* (Le Voyeur, 1955), tiểu thuyết thứ hai của Alain Robbe-Grillet, người được mệnh danh là ông hoàng của Tiểu thuyết Mới. Hai câu chuyện cùng diễn ra trong một xứ vô danh, đều mang hương vị biển, cùng dáng dấp một tiểu thuyết hình sự (nghĩ vấn hoặc hoàn toàn không thật).

Đặc biệt, gói thuốc lá đáng ngờ, một trong những hình ảnh ấn tượng nhất của *Kẻ nhìn trộm*, cũng tái ngộ trong *Viễn vọng*. Đây là lối viết khá điển hình của Alain Robbe-Grillet, gắn liền với ý niệm “thế giới đồ vật”, đặc sản của Tiểu thuyết Mới: “*Viên giấy màu xanh, nhanh chóng mềm nhão, duỗi ra gần nửa và trôi lập lờ cách mặt nước vài phân. Giờ đây, người ta thấy rõ hơn đây là vỏ một gói thuốc lá bình thường.*” Những gói thuốc lá bọc bóng kính màu xanh sẽ xuất hiện nhiều lần trong tác phẩm, tuy nhiên Alain Robbe-Grillet từ chối nổi mắt xích giữa các đoạn văn - không ai có thể khẳng định chúng là

một. Phủ định *logic* nhân quả là một trong những công phá lớn nhất của Tiểu thuyết Mới.

Tuy nhiên, độc đáo nhất của cách miêu tả này, theo Roland Barthes, chính là sự “quay lưng lại với truyền thống hiện thực” bằng cách áp đặt một lối tiếp cận duy nhất: thị giác. “Ở đây, *động vật không còn là một trung điểm của các tương đồng, nơi hội tụ của các cảm giác và biểu tượng*”^{*}. Nói cách khác, đồ vật trong tiểu thuyết thế kỷ 19 có hình dạng, mùi vị, gắn với con người, mang chiều sâu tâm lý, lịch sử, văn hóa, xã hội. Chưa hết, nó gợi cho người ta cảm xúc: yêu mến hay căm ghét, thèm muốn hay vứt bỏ, kể cả thờ ơ. Ngược lại, trong Tiểu thuyết Mới, đồ vật chỉ là đồ vật, không “chiều sâu”, “bề dày”, “biểu tượng”, “ám chỉ”. Nó vô nghĩa.

Còn gói thuốc lá trong *Viễn vọng* được mô tả như thế nào? “Skoltz chạy xe chậm lại. Anh rút gói thuốc Mỹ, lấy ra một điếu rồi châm lửa (...) Sau khi kiểm tra xem gói còn thuốc không, anh vo lại và vứt ra sau. Cái gói sẽ nằm lại bên vệ đường một thời gian, rồi sẽ bị mưa làm cho phai màu, cả tranh vẽ con lạc đà trên đó nữa (trên đuôi con lạc đà có in hình Manneken Pis). Dần dần, nó sẽ nhập vào lòng đất (...) Mặt trời làm cho chất dẻo của gói thuốc lá duỗi ra. Một con gà mái tiến lại gần, thò cổ, mổ cái gói, rồi ngượng ngùng bỏ đi.” Nó dường như kém lạnh lùng hơn gói thuốc lá của Alain Robbe-Grillet. Mang hình chú bé cưỡi trường Manneken Pis, nó đã làm động lòng... một con gà mái!

Hài hước và xác xược vẫn là chất giọng của Patrick Deville. Nhưng rõ ràng, đồ vật trong *Viễn vọng* mang những chiều kích khác: cũng vô cảm vô tình như trong Tiểu thuyết Mới, gói thuốc lá của Patrick Deville có vẻ như mang một “chiều sâu”, một “bề dày”: “Cái

gói sẽ nằm lại bên vệ đường một thời gian, rồi sẽ bị mưa làm cho phai màu (...) Dần dần, nó sẽ nhập vào lòng đất.” Nhưng “chiều sâu” và “bề dày” đó không thuộc phạm trù tâm lý, lịch sử, văn hóa, xã hội. Hẳn như chúng độc lập với thế giới con người? Có lẽ đây chính là hàm ý đoạn văn tuyệt đẹp của Michelet mà tác giả đã chọn làm đề từ cho *Viễn vọng*: “*Thời nay cũng như thời của Plin và Columelle, cây huệ dạ hương hợp với xứ Gaules, cây dừa cạn hợp với xứ Illyrie, hoa cúc trắng hợp với những phế tích của xứ Numance, và trong khi ở xung quanh, các thành phố đổi tên đổi chủ, nhiều đô hội biến mất, các nền văn minh xung đột và tàn phá lẫn nhau, thì lớp lớp đám thực vật bình yên đó vẫn băng qua năm tháng, nối đuôi nhau đến với chúng ta, tươi mát như ngày ra trận.*”

3. Điểm nhìn/người kể chuyện: những phá cách

Và đương nhiên, trong *Viễn vọng*, cũng như trong nghệ thuật nói chung, mô tả không thể tách khỏi cái nhìn. Nói cách khác, nó phản ánh quan niệm về cái nhìn của tác giả. Cụ thể, vấn đề điểm nhìn được đặt ra như thế nào trong tác phẩm này?

Nếu phần lớn các tác phẩm của Tiểu thuyết Mới chọn một cái nhìn “trung tính”, “khách quan”, thì *Viễn vọng* xuất hiện như một tiểu thuyết có dạng thức trần thuật ở ngôi thứ nhất, như để khẳng định tính “chủ quan” của nó. Tác phẩm mở ra với một ai đó xưng “tôi”, trong vai người kể chuyện, tuyên bố: “*Skoltz và Körberg, tôi đều đã biết họ.*”

Chính “tôi” giới thiệu các nhân vật với độc giả. Đầu tiên là giáo sư điều học Körberg đang trên đường quay về khách sạn sau khi đã dậy từ sớm tinh mơ đi quan sát các loài chim trong vùng. Sau đó “tôi” sẽ làm xuất hiện Skoltz và Jyl: “*Skoltz lái một chiếc xe máy Norton kiểu cũ, phân khối lớn. Jyl, váy hoa loa kèn, vắt vẻo ở yên sau.*”

“Tôi” cũng là một nhân vật của tiểu thuyết, bằng xương bằng thịt - “Tôi đang ở trong vườn. Năng nhiều...”, có địa chỉ nghề nghiệp rõ ràng - đó là một họa sĩ trong vùng. Ông ta không chỉ “biết” các nhân vật mà còn thân quen với họ. Dần dần, “tôi” hiện lên như điểm nổi duy nhất giữa bốn nhân vật chính, giữa quá khứ, hiện tại và tương lai của họ, dẫn dắt câu chuyện, điều khiển các tình tiết để mang lại một sự thống nhất, dù nhỏ nhoi, trong những mảnh đời lộn xộn, phân đoạn và đầy lỗ hổng, mà họ đang sống. Để đạt được mục đích này, Patrick Deville đã làm một phá cách lớn, hiếm có trong lịch sử văn học: cho “tôi” vừa là *người kể chuyện bên trong* - một nhân vật trong truyện, vừa là *người kể chuyện bên ngoài*, mang thị năng của Thượng đế, có thể đọc thấu nội tâm con người, nhìn xuyên không gian và thời gian*. Để “tôi” cuối cùng có một cái nhìn vừa chủ quan vừa khách quan, vừa trung tính vừa cảm tính.

Viễn vọng vì vậy là sự lồng ghép bất tận của hai cái nhìn đó. Đoạn văn sau là một điển hình cho phá cách của Patrick Deville: “Trước nhà tôi, mặt trời đã lên cao, chói chang trên những cánh đồng. Một cơn gió xoáy thỉnh thoảng làm đung đưa hàng cây bách (...) Giáo sư Körberg ngồi ở bàn làm việc (...) Trước mặt ông phủ đầy ảnh chim, các bức phác họa, bản đồ. Bộ Đại Atlas điều học của ông sẽ được tái bản mùa đông tới. (Trong ví, ông có địa chỉ của một họa sĩ trong vùng mà ông sẽ thuê vẽ chim vàng anh).” Rõ ràng là “tôi” đang trượt từ vai trò “kể nhìn” sang vai trò “bị nhìn”: người kể chuyện/nhân vật họa sĩ vừa phát ngôn ở ngôi thứ nhất xưng “tôi”, vừa nói về mình ở ngôi thứ ba “một họa sĩ trong vùng”.

Cả tiểu thuyết là một chuỗi những chỉnh sửa tiêu điểm và tiêu cự: nhìn xa, nhìn gần, nhìn lên cao, nhìn xuống thấp, nhìn gián tiếp, nhìn trực tiếp, vân vân. Đây đó, “tôi”/người kể chuyện đề nghị với độc giả:

“Chúng ta hãy mở rộng tầm mắt nhé”, “chúng ta hãy dịch chuyển nhé”. Cũng trong *Viễn vọng*, chúng ta đọc được những đoạn văn lẩn lộn lối nói trực tiếp và lối nói gián tiếp: “Tên bác sĩ, tóc vàng da đỏ au, đi từ phòng tắm ra tay đang thắt lại cà vạt. Bây giờ, hẳn ta nói, mọi chuyện chắc sẽ khá hơn, nhưng - hẳn ta vẫn khuyên nàng uống mấy viên thuốc vàng và trắng, đúng không nào, cùng với một ít nước, sau mỗi bữa ăn.”

Đoạn văn sau cũng là một ví dụ thú vị về sự dịch chuyển cái nhìn. Ngồi ngoài sân, Skoltz đọc cho Jyl nghe một tác phẩm Trung Hoa tả hai kỳ thủ cờ vây đang chơi giữa một rừng thông. Nhưng đột ngột xuất hiện câu “Gió nổi lên, làm tung những lọn tóc trên trán họ, đưa đẩy những chiếc lá khô”. “Họ” là ai, “Skoltz và Jyl” hay “hai kỳ thủ cờ vây”? Để trả lời câu hỏi này, phải biết được ai nhìn “họ”. Không xác định chủ thể cái nhìn đó, tác giả để độc giả hoang mang giữa thật và ảo. Lại một lần nữa, Patrick Deville tung hỏa mù để khẳng định quyền năng của hư cấu.

Không phải ngẫu nhiên mà tác giả cho hai nhân vật - người kể chuyện (nghệ sĩ) và Körberg (nhà khoa học) - tranh luận xung quanh câu hỏi: Có thể đạt được một cái nhìn chính xác không? Nói cách khác, tác phẩm nghệ thuật có phải là một bản sao chính xác của thực tế? Körberg “muốn (...) một công trình thật chính xác (...)”, trong khi họa sĩ tuyên bố: “Chính xác, tôi không biết thế có nghĩa là gì. Chính xác, điều đó không tồn tại.” Cuộc tranh luận càng có ý nghĩa hơn khi ta biết rằng cả hai nhân vật này đều là những kẻ nhìn chuyên nghiệp. Körberg ngay từ đầu được giới thiệu “là người quan sát giỏi” vì “đó là nghề của ông”. Nhà điều học sẽ sử dụng vô vàn dụng cụ quang học nhằm tăng nhãn lực, như kính lúp, kính viễn vọng, kính ống nhòm, kính máy ảnh, gương xe. Nhưng rất nhanh, chúng ta được biết mắt ông đang lão hóa, và ngay cả khi trang bị đủ loại kính, ông vẫn nhìn gà hóa

cuộc. Ngược lại, nhân vật “tôi”/người kể chuyện, một họa sĩ, mới là kẻ có một cái nhìn thật nhạy bén và độc đáo. Tác giả để anh ta tự định nghĩa mình là “*một con đại bàng*”, hơn nữa “*một kẻ nhìn trộm*” - như một cái nháy mắt gửi tới Alain Robbe-Grillet? Ngay từ nhan đề - *Kẻ nhìn trộm* và *Viễn vọng* - hai tác phẩm đã khẳng định vị trí trọng tâm của đề tài này.

Nhân vật Skoltz cũng có một thị giác bất thường: “*Có những lúc, buổi sáng, Alexandre Skoltz, vì còn trẻ mà, chỉ nhìn thấy từ thế giới bên ngoài một sự nhộn nhịp vô cùng hỗn độn...*” Nhắm mắt, tập trung cao độ, là cách anh ta quan sát mọi sự. Còn Jyl, cô tuyên bố: “*khi nhìn thật lâu một cái gì đó, một viên sỏi chẳng hạn (...) người ta có thể mừng rỡ tưởng ra chuyển động của các nguyên tử.*”

Viễn vọng vì vậy chứng minh rằng nhìn là một tiến trình có tính chủ quan hơn là một phản ứng hóa quang đơn thuần của võng mạc. Với Patrick Deville, tiểu thuyết không là một hình ảnh chính xác, một phản ánh trung thành, một “cái gương” phản chiếu thực tế xã hội, lịch sử, tâm lý loài người như Stendhal, tác gia tiêu biểu của hiện thực chủ nghĩa, đã từng tuyên bố. Với *Viễn vọng*, tiểu thuyết cũng không là sự “nhân đôi” lạnh lẽo, vô tình, của “thế giới đồ vật” trong sự cắt đứt hoàn toàn với con người, như một số tác giả Tiểu thuyết Mới quan niệm. Với *Viễn vọng*, tiểu thuyết là một chiếc kính vạn hoa, nơi những mảnh vỡ của thực tế muôn hình vạn trạng được xếp đặt, kết nối một cách bất ngờ, phóng túng, ngông cuồng.

4. Văn chương & khoa học

Trong *Viễn vọng*, cả ba nhân vật nam đều nuôi ý định viết, và qua mô tả của họ, rõ ràng cách họ quan sát thế giới sẽ có ảnh hưởng lớn đến ba tác phẩm tương lai. Nhà điều học tin vào sự chính xác như ta đã biết, sẽ viết một cuốn sách “mang tính đơn thuần bác học”. Nhân

vật họa sĩ/người kể chuyện, ở cuối tác phẩm, đang viết “một câu chuyện nhỏ” mà ông ta muốn là phải “thật mẫu mực”. Rất có thể đó chính là cuốn sách chúng ta đang đọc và “mẫu mực” chỉ là cái nháy mắt hài hước của tác giả với độc giả.

Còn Skoltz, “nghệ sĩ tương lai”, đang viết một “đề cương”, tuy chưa rõ ràng nhưng chắc hẳn tham vọng nhất. Trong cuốn sổ tay của anh, xen lẫn các đoạn văn là những “nét vẽ hình học *biểu thị cấu trúc lý tưởng của tác phẩm*” mang “*vẻ đẹp duyên dáng của một bức họa*”. Nhiều khả năng cuốn sách anh đang hướng tới cũng chính là *Viễn vọng*, nếu ta biết rằng như một số tiểu thuyết của Patrick Deville, tác phẩm này có một cấu trúc đặc biệt khoa học. Gồm 3 phần 8 chương được xếp như sau: 1 (1.2.3), 2 (4.5.6), 3 (7.8), nó gọi đến quy tắc bộ tám (Octet) trong hóa học phân tử*.

Chưa hết, “đề cương” được Skoltz luôn mang trên người và hằng ngày nuôi dưỡng bằng những ghi chép về các thí nghiệm vật lý, khí hậu học, sinh học, toán học... Ở cuối tác phẩm ta đọc được: “*Để làm mưa nhân tạo, người ta cho nước hợp thành mây, rồi thay đổi cấu trúc bên trong của máy bằng cách...*”. Còn đây là một bài giảng của Skoltz: “*Năm 1871, J.C. Maxwell (1831-1879) đề nghị đặt vào giữa cái hộp một tấm ngăn, trên đó gắn một nắp nhỏ có thể mở ra đóng vào...*”

Dường như, qua tiểu thuyết *Viễn vọng* và nhân vật Skoltz, dần dần hiện lên ý tưởng sẽ trở thành chủ đạo trong các tác phẩm Patrick Deville: một tổng thể vừa mỹ học vừa bách khoa toàn thư. Có lẽ vì thế mà phải đọc câu đầu tiên của *Viễn vọng* - “*Đây là một cuốn sách khoa học*” - ở cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Như một lời tự trào. Hài hước và xác xược...

Trang bị tri thức là nhiệm vụ của sách giáo khoa và sách nghiên cứu. Vậy mục đích của những đoạn văn “thuần khoa học” trong tác phẩm của Patrick Deville là gì? Chúng không nói gì khác ngoài ảnh hưởng của khoa học, đặc biệt khoa học-kỹ thuật đương đại, xuống khả năng cảm nhận thế giới của các nhân vật, và qua đó, tác giả.

Tuy nhiên phải mở ngoặc lưu ý rằng các tiểu thuyết của Patrick Deville không bao giờ là một hư cấu khoa học nhằm “quần chúng hóa”, như ta vừa nói ở trên, các hiểu biết và phát minh khoa học. Chúng cũng không mang chất khoa học viễn tưởng như các tác phẩm của Michel Houellebecq, nhà văn cùng thế hệ với Patrick Deville, tác giả *Hạt cơ bản* (1998), *Khả năng một hòn đảo* (2005), *Bản đồ và vùng đất* (2010)*.

Nhưng sự khác nhau của hai nhà văn trong cách xử lý đề tài này có lẽ chỉ bề ngoài. Dù Patrick Deville có chọn bối cảnh là những năm 1867 hay 1957, dù Michel Houellebecq có cho tác phẩm của mình kết thúc năm 2079, thì họ đều đang biến văn chương thành nơi thẩm thấu triết lý khoa học. Gắn tìm kiếm nghệ thuật với tìm kiếm khoa học, đó vẫn là một trong nhiều cách để người nghệ sĩ diễn giải và tra hỏi xã hội mình đang sống.

Cũng chính trong mối quan tâm của họ đến khoa học mà chúng ta nhận thấy tính tiên phong của một số tác giả như Patrick Deville và Michel Houellebecq. Đi tìm lời giải đáp mới cho những câu hỏi về bản chất con người, về tự do, tình dục, tình yêu... nhưng từ chối xây dựng nhân vật theo tiêu chuẩn kinh điển - tâm hồn, tâm lý, đạo đức, ý thức/vô thức, họ nối văn học với tri thức của thế hệ mình, kể về thời đại họ bằng ngôn ngữ của chính nó.

MỤC LỤC

1.	<u>Start</u>
2.	<u>1</u>
1.	<u>1</u>
2.	<u>2</u>
3.	<u>3</u>
3.	<u>2</u>
1.	<u>4</u>
2.	<u>5</u>
3.	<u>6</u>
4.	<u>3</u>
1.	<u>7</u>
2.	<u>8</u>
5.	<u>LỜI BẠT</u>
1.	<u>Tiểu thuyết, giữa mỹ học và khoa học</u>

Table of Contents

Start

1

1

2

3

2

4

5

6

3

7

8

LỜI BẠT

Tiểu thuyết, giữa mỹ học và khoa học